

BÙI XUÂN MỸ

Tục thờ cúng
CỦA NGƯỜI VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2001

LỜI ĐẦU SÁCH



ác lễ tục trong gia đình người Việt từ xưa thường được thực hiện theo lời giáo huấn truyền khẩu - từ thế hệ trước chỉ bảo cho thế hệ sau, nhưng chúng vẫn được áp dụng rộng rãi, và rất chặt chẽ ; cùng với thời gian và những biến cố lịch sử, trước hết là những cuộc chiến tranh liên miên, người ta không còn đủ tâm trí để ghi lại đầy đủ và tỉ mỉ những thủ tục lễ nghi thờ cúng trong gia tộc.

Những năm gần đây, tục lễ thờ cúng tổ tiên cổ truyền được phục hồi, nhưng nhiều tập tục ngoại lai lại được một bộ phận dân chúng áp dụng, nhất là trong nếp sống gia đình. Phải chăng đó là sự tiếp nhận thiếu chọn lọc và sự lãng quên những giá trị truyền thống của dân tộc. Để giúp bạn đọc tìm hiểu vốn cổ trong văn hoá dân tộc, trở lại với cội nguồn, chúng tôi xin trình bày trong cuốn sách này những lễ tục thờ

cúng chính trong gia đình người Việt xưa, mà đôi khi chỉ là riêng biệt ở một vài địa phương. Dưới góc độ văn hoá, các lễ nghi - tập tục này đã có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng đạo đức xã hội, làm cho người ta sống lương thiện hơn, có kỷ cương, biết nhớ ơn và biết hy sinh... Tuy nhiên, chúng cũng cần phải được minh định lại đường hướng thực hành để làm sao cho vừa hợp với thời thế, vừa loại bỏ được những yếu tố mê tín dị đoan, mà không mất đi ý nghĩa truyền thống.

Rất mong nhận được sự góp ý và lượng thứ của bạn đọc để TỤC THỜ CÚNG CỦA NGƯỜI VIỆT được hoàn thiện hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

PHẦN MỘT

**CÁC NGHI LỄ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỜI NGƯỜI**

LÚC SINH THỜI

HÔN NHÂN

Từ thuở xa xưa, cha mẹ đã đóng vai trò quan trọng, quyết định cuộc đời của các đôi lứa. Với những gia đình nền nếp, có gia giáo thì "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy", và gia đình hai bên phải "môn đăng hộ đối". Các cụ thường kén vợ cho con dựa theo tiêu chuẩn "công, dung, ngôn, hạnh".

Khi mọi việc tương đối ổn, gia đình hai bên trai gái quyết định hôn lễ (tức lục lễ) cho hai con. Sách cổ Trung Hoa có câu rằng: "Lục lễ bất bị, trinh nữ bất xuất" - nghĩa là sáu lễ nghi về việc cưới xin, nếu nhà trai không lo liệu chu đáo, thì người trinh nữ không đi về nhà chồng. Thời trước, khi cưới hỏi thường có đủ sáu lễ: nạp thái (chạm ngõ), vấn danh (ăn hỏi), nạp cát (bói được tốt), thỉnh kỳ (định ngày), nạp tệ (đưa lễ cưới) và thân nghinh (đón dâu).

Tuy cổ tục quy định tới sáu lễ, nhưng trên thực tế, người Việt thường thu gọn vào làm ba lễ: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ cưới (thân nghinh). Đối với những gia đình nghèo, có khi họ bỏ cả lễ chạm ngõ.

Chạm ngõ (nạp thái)

Sau khi đôi bên trai gái đã được thoả thuận việc cưới gả, người mối sẽ hẹn ngày với bên nhà gái để đưa người chủ hôn (cha mẹ) bên nhà trai và chú rể, đem lễ vật trâu cau đến nhà gái xin đính ước.

Muốn chạm ngõ phải chọn ngày tốt, tức là ngày âm dương bất tương thì vợ chồng sau này mới tốt lành. Khi đã xác định được ngày tốt, nhà trai sắm một lễ mọn cúng tổ tiên để báo về công việc hệ trọng đối với chàng trai. Nhà nghèo chỉ có bát nước, nén hương, nhà khá giả thì mổ gà, thối xôi để cúng. Sau đấy, nhà trai sửa một lễ mang sang nhà gái. Đó là một coi trâu tằm cánh phượng, cau bồ tư bẻ cánh tiên. Nhà giàu thì đưa lễ cả buồng cau, mười mớ trâu, mứt sen, trà lạng đựng trong mấy quả sơn son thiếp vàng.

Dẫn đầu đoàn người đi ăn hỏi bao giờ cũng gồm bà mối, bà mẹ, bà dì, bà cô của chú rể. Các cô gái chưa chồng ở trong họ thường đội các mâm quả hoặc bưng khay trâu đi trước, sau đó là nam giới và chú rể. Lễ được chia làm hai phần. Phần nhiều

được đặt lên bàn thờ và cha của cô dâu sẽ khấn vái tổ tiên về ngày mà con cháu họ sắp lập gia đình. Phần còn lại sẽ đưa về nhà ông cậu của cô gái để lễ gia tiên bên ngoại. Trước khi nhà trai ra về, nhà gái thường sẽ một phần lễ để biếu lại nhà trai gọi là lại quả.

Ăn hỏi

Đây là một lễ trọng thể có tính cách chính thức trước khi cưới. Người mỗi đưa cha mẹ nhà trai, chú rể và mấy người họ hàng thân thuộc, đem lễ vật như cau, trầu, chè, mít hay bánh đến nhà gái, để nhà gái làm lễ cáo gia tiên. Sau đó, nhà gái đem các phẩm vật này ra chia phần cho các bạn hữu và họ hàng thân thuộc để rõ là mình đã quyết định gả con gái và không thay đổi gì nữa. Ở miền Nam, thường có tục nhà trai trình trước hai họ ngay trong lễ ăn hỏi những món sính lễ quan trọng như hoa tai, nhẫn v.v... để được nhà gái chấp nhận và tuyên bố ưng thuận sự hứa hôn.

Lễ ăn hỏi cũng lại phải xem ngày và phải theo đòi hỏi của nhà gái, đủ cau, trà biếu khắp nội ngoại bạn bè. Ở quê, lễ ăn hỏi chỉ cần một, hai chai rượu, cau trầu đủ để biếu. Mỗi phần ba quả, ít thì chia một quả. Những nhà giàu thì bày vẽ mỗi phần biếu một bánh chưng, một bánh dày, một gói nem, một gói trà chừng vài ba ấm, bốn quả cau, bốn lá trầu.

Sau lễ ăn hỏi là việc bái hỷ và chia trầu. Mỗi lễ đem chia gồm *một lá trầu, một quả cau, chục hạt mít sen, một ấm trà*: Những thứ này được phong trong giấy hồng, gấp thành hình hộp vuông mỗi chiều khoảng 5-6 cm, cao độ 2 cm. Trên hộp vuông ấy người ta dùng giấy bạc trang kim cắt hình chữ hỷ dán lên trên.

Trong lễ ăn hỏi, hai họ cũng xem ngày và định ngày cưới cho đôi trẻ. Đây là một ngày hệ trọng của đời người nên xem ngày, giờ rất kỹ lưỡng. Ngày xưa, người ta chọn ngày cưới là ngày bất tương, thiên hỷ, thiên đức, nguyệt đức v.v... Giờ cưới phải luôn luôn là giờ hoàng đạo (xem bảng). Sau lễ ăn hỏi, thông qua bà mối, nhà trai sẽ biết nhà gái thách những gì.

BẢNG TÍNH GIỜ HOÀNG ĐẠO

Ngày	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Dần, Thân,	Đi	đứng	binh	yên	đến	dâu	cũng	được	người	quen	đón	chào
Mão, Dậu,	Đến	cửa	động	đào	có	tiên	đưa	đón	qua	đèo	thiên	thai
Thìn, Tuất,	Ai	ngóng	đội	ai	đường	đi	suôn	sẽ	đẹp	đôi	bạn	đôi
Tỵ, Hợi,	Cuối	đất	cùng	trời	đến	nơi	đắc	địa	còn	ngồi	dẫn	đo
Tý, Ngọ,	Đẹp	đé	tiên	đó	qua	sông	đừng	vội	đội	đò	sang	ngang
Sửu, Mùi	Sẵn	ké	đưa	đường	băng	đèo	vượt	suối	đem	sang	đón	điền

Bảng tính giờ hoàng đạo của người xưa khi chọn ngày đón dâu (ngày Dần hoặc ngày Thân thì giờ hoàng đạo đóng ở các giờ Tý, Sửu, Thìn, Tỵ, Mùi, Tuất)

Sáng sớm, nhà trai làm lễ cáo gia tiên. Sau đó đoàn dẫn lễ mang đồ lễ sang nhà gái. Đi đầu vẫn là những người mang cau, trầu, bánh, hạt sen, trà ướp; tiếp theo là đồ mặn: nhà nghèo thì xôi, gà; nhà giàu thì xôi, lợn quay. Xong việc dẫn lễ, cả nhà trai và nhà gái đều bắt tay vào việc chuẩn bị cưới.

Dưới đây là cách tính ngày hoàng đạo và hắc đạo của người xưa khi chọn ngày đưa dâu:

Tháng âm lịch	Ngày hoàng đạo (tốt)	Ngày hắc đạo (xấu)
Giêng, Bảy	Tý, Sửu, Tỵ, Mùi	Ngọ, Mão, Hợi, Dậu
Hai, Tám	Dần, Mão, Mùi, Dậu	Thân, Tỵ, Hợi, Sửu
Ba, Chín	Thân, Tỵ, Dậu, Hợi	Tuất, Mùi, Mão, Sửu
Tư, Mười	Ngọ, Mùi, Hợi, Sửu	Tý, Dậu, Mão, Tỵ
Năm, Một	Thân, Dậu, Sửu, Mão	Dần, Hợi, Mùi, Tỵ
Sáu, Chạp	Tuất, Hợi, Mão, Tỵ	Thìn, Sửu, Mùi, Dậu

Chọn ngày lành tháng tốt để làm một việc đại sự cưới vợ cho con vì người xưa tin rằng "có kiêng có lành". Chọn ngày giờ tốt không phải là một sự mê tín mà nhiều khi là sự mong muốn cho con cái gặp điều tốt lành.

Trong "*Việt Nam phong tục*", Phan Kế Bính khuyên ta không nên tin vào việc xem ngày kén giờ nhưng không bài bác thẳng thừng mà còn

hướng dẫn người đọc cách cưới xin; ông khuyên nhưng không ngăn; vì ông thể theo quan niệm nhận thức của từng người. Bên cạnh đó, ông còn thấy đây là sự mong muốn điều tốt lành, tránh điều rủi to cho con cháu của các bậc cha mẹ.

Lễ xin dâu

Lễ xin dâu thường rất đơn giản. Trước giờ đón dâu, nhà trai có mấy người mang một coi trầu, một be rượu đến xin dâu, báo trước giờ mà đoàn đón dâu sẽ đến để nhà gái chuẩn bị sẵn sàng đón tiếp. Coi trầu, be rượu này, nhà gái để lên bàn thờ làm lễ cáo tổ tiên biết trước, rồi hạ xuống đón quan khách đi đưa dâu. Đại diện đưa lễ này của nhà trai có thể là mẹ chồng hoặc một người cô, thím trong họ

Khi đoàn đón dâu đến, thắp hương bàn thờ là một nghi thức lễ gia tiên bên nhà gái trước khi rước dâu. Họ nhà gái mời nhà trai vào nhà; nhà trai cho đặt đồ lễ lên bàn thờ. Các chú phù rể bưng lễ vật đứng dàn hàng ngang trước mặt các cô phù dâu và trao những mâm quà hay quả tráp lễ vật. Các cô này đem lễ vật đặt lên bàn có thứ tự ở trước bàn thờ gia tiên.

Lúc này là lúc nhà gái kiểm điểm lại đồ thách cưới, tuy một phần đã được đưa từ mấy hôm trước để tiện cho nhà gái làm cỗ mời họ hàng. Đồ lễ đủ, nhà gái cho thắp hương để chú rể và cô dâu cùng lễ

gia tiên. Không phải ai cũng có thể thấp nén hương trong ngày lễ cưới được. Hương phải do bố (hoặc anh trai, em trai) cô dâu thấp. Nếu là anh trai hay em trai cô dâu thấp hương, nhà trai lại phải tặng một món tiền gọi là tiền thấp hương.

Văn lễ :

"Hôm nay, ngày... tháng... năm... giờ... Gia chủ là... người thôn... xã... huyện... tỉnh... (hoặc ngụ tại số nhà... phường... quận... thành phố...) nước Việt Nam. Có con trai (hoặc con gái) tên là... kết duyên cùng... con gái (hoặc con trai) của ông bà... người thôn... xã... huyện... tỉnh..."

Nay thủ tục hôn lễ đã thành. Xin kính dâng lễ vật gồm : hương đăng trầu, quả... gọi là theo phong tục nghi lễ thành hôn và hợp cẩn.

Trước linh tọa Ngũ tự gia thần chư tôn linh.

Trước linh vị liệt gia tiên chư chân linh,

xin kính cẩn khấn cầu :

Phúc tổ di lai, sinh trai có vợ (hoặc nhà gái thì khấn : "sinh gái gả chồng").

Lễ mọn kính dâng, duyên lành gặp gỡ giai lão trăm năm, vững bền hai họ.

Nghi thất nghi gia, có con có của.

Cầm sắt giao hoà, trông nhờ phúc tổ.

Cẩn cáo"

Rước dâu

Thời xưa tại miền quê, ở cùng làng xóm với nhau, người ta thường hay đi rước dâu vào ban đêm. Lúc đi phải chọn giờ tốt, nhất là được giờ hoàng đạo. Có nơi kiêng cử cẩn thận, cho một người đàn ông dễ tính ra đón ngõ trước để "Ra ngõ gặp trai", cho mọi người và mọi việc được vui vẻ dễ dàng.

Trong đám rước, thường kén một cụ già hiền lành, vợ chồng song toàn, nhiều con cháu cầm một bó hương hay một đỉnh trầm đi trước, tục gọi là Tư hồng. Kế đến là người dẫn lễ vật như mâm cau, bánh mứt, lợn, rượu v.v... Chú rể thì khăn áo chỉnh tề cùng với những người trong họ đi rước dâu. Tục lệ nhiều nơi mẹ và bố chồng không đi đón dâu. Có nơi chỉ có bố chồng đi đón.

Khi đoàn đón dâu đến ngõ nhà gái, đoàn sắp xếp, chỉnh đốn lại thứ tự; đầu tiên là một cụ già cầm hương cùng với một người đội lễ - thường là một cái quả đựng trầu, cau và rượu vào trước. Mâm lễ ấy được đặt lên bàn thờ, cụ già thắp hương vái, nhà gái vái trả lễ rồi một vị đứng đầu họ nhà trai cùng ra đón đoàn xin dâu vào. Lễ này được tiến hành rất nhanh. Sau đó cô dâu cùng chú rể đến lạy trước bàn thờ gia tiên, xin tổ tiên chấp nhận cho cô dâu chú rể đem hộp trầu đi mời khắp mọi người trong họ, người bề trên và cao tuổi mời trước. Khi mời, cô dâu phải chủ động mời trước để

chú rể biết cách xưng hô. Trước khi ra cửa về nhà chồng, cô gái đến lạy tạ ông bà, cha mẹ. Cha mẹ thường ngồi sẵn ở phía cửa chính, ông bà (nếu có) thì ngồi ở ghế cao hơn. Thông thường, lúc ấy cha mẹ cô gái cho cô dâu một vật gì đó làm kỷ niệm. Dâu và rể còn phải đem lễ đến nhà thờ tổ họ nội và bên họ ngoại của cô dâu để làm lễ.

Khi lễ gia tiên và lễ các nhà thờ xong, chủ hôn bên nhà trai lại nói với chủ hôn bên nhà gái để cho cô dâu chú rể mừng tuổi ông bà cha mẹ vợ. Khi làm lễ mừng, ngày xưa người ta trải chiếu để chú rể phải lễ bốn lễ ba vái, nhưng sau theo lễ của triều nhà Nguyễn, chỉ dùng "hành tam khấu lễ", nghĩa là ba vái mà thôi. Việc lễ sống ông bà cha mẹ sau này được tục lệ các nơi bãi bỏ.

Khi chàng rể chào mừng ông bà cha mẹ vợ, các vị này có vài lời dạy dỗ ban cho cả đôi vợ chồng. và ban cho chú rể một món tiền mừng, hay một đồ vật gì quý giá, trong khi ấy, các vị ở trong họ hàng, cũng có mừng tiền cho cô dâu chú rể.

Khi tiệc xong, ông mối và ông chủ hôn nhà trai đứng lên nói với chủ hôn nhà gái là đã đến giờ tốt, xin phép cho được rước dâu. Sau đó, đoàn đón dâu lên đường về nhà trai.

Đến ngõ nhà trai, pháo nổ giòn giã. Thường thường người ta chọn loại pháo tốt, hơi khô, buộc từng hai bánh pháo một với nhau để nổ cho giòn,

tránh pháo tịt vì sợ gặp điều không may. Lúc này, mẹ chồng cầm bình vôi lánh mặt đi chỗ khác để cô dâu bước vào nhà. Có cụ già giải thích rằng, ngày xưa bình vôi là biểu hiện của tài sản. Các cụ nội trợ rất kiêng - không bao giờ để bình vôi sút miệng, thường quét thêm vôi lên miệng bình vì tin rằng bình vôi càng dày, của cải trong nhà càng nhiều. Mẹ chồng cầm bình đi vì bà muốn nắm quyền hành trong nhà, không cho con dâu được quyền điều hành. Trước cửa nhà thường đặt một hoả lò than hồng, cô dâu phải bước qua để đốt những vĩa dũ gặp trên đường. Ở các địa phương, như Nghệ An, Hà Tĩnh, mẹ chồng có tục ra cất nón cho cô dâu. Cô dâu vào đến cổng, múc nước rửa mặt đựng trong một cái nồi đồng. Sau đó mẹ chồng dắt con dâu vào nhà, đặt quan tiên và cái quạt lên bàn thờ rồi lễ gia tiên: bốn lạy, ba vái.

Lễ xong, cô dâu cùng mẹ chồng bước vào buồng. Trong buồng có sẵn một đôi chiếu mới trải úp vào nhau. Người trải chiếu cho vợ chồng cô dâu phải là người ăn nên làm ra, con đàn cháu đống. Nếu mẹ chồng đủ điều kiện như trên thì mẹ chồng tự trải chiếu, dọn giường cho cô dâu chú rể. Cô dâu nghỉ ngơi một lát, sau đó cầm hộp trầu đi mời khắp trong họ.

Đưa dâu

Khi đưa dâu, nhà gái cũng kén một ông già

cầm bó hương hoặc đỉnh trầm đi trước, rồi bà con họ hàng dẫn cô dâu đi sau, theo tục lệ thì bao giờ cũng có mấy cô cậu ngang tuổi với cô dâu chú rể đi phù dâu và phù rể.

Khi về đến nhà trai thì ở cửa ngoài đã có hai người cầm coi trâu chực sẵn để đón mời quan khách nhà gái. Bà mẹ chồng đón dâu tại cửa đưa vào nhà. Người nhà và các cô phù dâu đưa cô dâu vào buồng riêng nghỉ một lát, rồi người nhà lại đưa cô dâu chú rể vào lạy gia tiên, đưa đi lễ các nhà thờ của đôi bên cha mẹ chồng, và làm lễ tế Tơ hồng. Xong đâu đấy thì cô dâu chú rể vào mừng tuổi ông bà cha mẹ chồng, chào mừng họ hàng, như đã làm ở bên nhà gái trước.

Đến đây là xong lễ nghi về đưa dâu. Có khi nhà trai mời những người ở họ nhà gái ở lại ăn uống rồi mới ra về. Có khi nhà trai phải tiễn đưa họ nhà gái ra về đến tận nhà gái, những người này nói cho bố mẹ nhà gái biết việc đưa dâu đã chu đáo cả, rồi mới giải tán.

Khi nhà trai đưa họ hàng nhà gái về xong xuôi rồi, thì mở tiệc ăn mừng.

Lễ tế Tơ hồng

Vì người ta cho việc vợ chồng là có ông Nguyệt Lão định trước, cho nên phải tạ ơn ông ấy, và cầu ông ấy phù hộ cho ăn ở được trăm năm với nhau.

Sau khi đón dâu về, gia đình chú rể bày hương án ra sân, dùng lễ xôi gà trâu rượu, chủ hôn vào lễ trước, rồi hai vợ chồng vào lễ sau, thường lệ có đọc văn tế. Văn tế Tơ hồng mỗi nơi viết một khác, không có khuôn phép bắt buộc, nhưng nội dung là ca tụng công đức ông Tơ bà Nguyệt xe mối duyên lành cho đôi trẻ và mong ông bà phù hộ cho cô dâu chủ rể ăn ở với nhau trọn tình trọn nghĩa đến đầu bạc răng long, sinh nhiều con đàn cháu đống.

Phong tục này chỉ có một số gia đình ở nước ta còn theo, phần nhiều đại chúng thì bỏ qua. Về phần tinh thần đạo lý, lễ Tơ hồng biểu dương trong đạo vợ chồng, là một nghi lễ có ý nghĩa cao quý.

Lời khấn :

"Hôm nay, ngày... tháng... năm...

Chủ hôn là... người thôn... xã... huyện... tỉnh...

Có con trai (trưởng, thứ) tên là... kết duyên cùng... con gái (trưởng, thứ) của ông bà... người xã... huyện... tỉnh...

Nay thủ tục hôn lễ đã thành, xin kính dâng lễ mọn gồm... gọi là theo phong tục lễ nghi thành hôn.

Trước án thờ tơ hồng Nguyệt lão thiên tiên

Trước linh toạ ngũ tự gia thần chủ tôn linh.

Trước liệt vị gia tiên chủ chân linh.

*... Khấn rằng : Tơ hồng Nguyệt lão thiên tiên
Rất công rất chính,
Chẳng vị chẳng thiên.*

*Gương Ngọc kính soi thông thế sự ;
Sợi xích thằng giao kết nhân duyên.*

*Trước theo nhận cá thông môi, trạch phối hôn
nhân tuy rằng phận đĩnh ;*

*Nay mừng duyên ương gặp lứa, tác thành gia
thất, vốn tự tiên nhiên.*

Ngửa trông linh đức;

Chứng giám vi kiên.

Hoà hiếu chung vui hai họ !

Xương tùy những ước bách niên

*Nhờ ra con có của nên, điều lên chỉ từ nay hợp
cần.*

*Mong được duyên ưa phận đẹp, phúc chung tư
đội đức Thiên tiên.*

Cẩn cáo".

Sau lễ tế ông Tơ bà Nguyệt, cô dâu chú rể vào phòng riêng, ông cụ cầm hương dẫn đoàn đón dâu của nhà trai trải chiếu cho cô dâu chú rể. Chiếu phải trải phẳng, kiêng trải lệch. Sau đó cụ rót hai chén rượu mời cô dâu chú rể uống, rồi ý tứ lui ra ngoài khép cửa buồng lại. Cô dâu chú rể sẽ ăn

cùng với nhau bữa cơm đầu tiên.

Tối hôm đó, khi nhập phòng, người chồng lấy coi trầu tể Tư hồng trao một miếng cho vợ, rót một chén rượu, mỗi người uống một nửa, gọi là lễ Hợp cần. Thời xưa, vợ lạy chồng hai lạy, chồng đáp lại bằng ba vái để tỏ lòng tương kính.

Nhiều gia đình phong kiến thời xưa, phỏng theo tục lệ Trung Quốc, đem tân hôn cho lốt giấy bản, gọi là giấy thám trinh, để xem người con gái còn trinh tiết hay không. Nếu còn trinh thì sẽ có mấy giọt máu trên giấy. Nếu không, trong lễ lại mặt, nhà gái sẽ nhận được một cái thủ lợn cắt lỗ tai, ngầm báo nhà trai sẽ trả lại cô dâu vì đã mất trinh.

Lễ lại mặt

Ngay sáng hôm sau ngày cưới, hai vợ chồng trẻ sẽ trở về nhà gái mang theo lễ vật để tạ gia tiên. Lễ này gọi là lễ lại mặt có khi sau hai ngày, hoặc bốn ngày - nếu ở xa mới về nên gọi là (nhị hỷ hoặc tứ hỷ). Nhà nghèo thì ba lá trầu, ba quả cau, một nạm rượu. Nhà giàu thì có thêm mít sen, bánh kẹo. Nếu nhà chú rể ở xa, sau bốn ngày trở về nhà gái cũng được. Giàu hơn nữa thì có lợn quay, xôi gấc làm lễ. Lễ xong trên bàn thờ gia tiên, nhà gái hạ xuống đem chia, biếu cho những người thân trong họ. Ngày đó, bố mẹ vợ làm một mâm cơm để dâu rể cùng ăn.

Cưới chạy tang

Tục này thường được sử dụng trong những trường hợp bất đắc dĩ bởi luật pháp xưa cấm nhà trai và nhà gái khi có tang, kể từ tang cơ niên (tang một năm) không được làm lễ cưới gả. Vì vậy, hai họ có thể tổ chức cưới chạy tang. Người chết chưa phát tang, chưa khâm liệm thì họ nhà trai mang lễ sang nhà gái xin cưới. Đám cưới được tiến hành chớp nhoáng trong vòng một hoặc hai ngày. Có thể không cần ngày tốt, nhưng phải là giờ hoàng đạo. Cô dâu về nhà chồng được mấy tiếng thì gia đình bắt đầu phát tang và cô dâu cũng sẽ chịu tang. Sau đám cưới chạy tang, cô dâu chú rể không được "quan hệ" với nhau trong vòng 100 ngày.

CÁC NGHI LỄ KHÁC

Cúng giải tà ma

Tục lệ tin rằng, tà ma có thể ám ảnh người và gây nên cảnh hiểm hoi, nhất là cảnh hữu sinh vô dưỡng. Cũng có khi tà ma do có kẻ nào thù hằn nhờ bọn thầy pháp sai khiến ám ảnh. Trong những trường hợp này cần phải cúng giải sự theo đuổi của vong hồn người khuất. Người ta thường tụng kinh siêu độ cho những người này.

Những người hữu sinh vô dưỡng còn cho là bị giặc Phạm Nhan quấy nhiễu. Phạm Nhan là tên tướng giặc Nguyên sang xâm chiếm nước ta, bị giết chết, ma hồn còn theo đuổi, hãm hại đàn bà sinh đẻ. Bị giặc Phạm Nhan quấy nhiễu cũng phải cúng trừ và phải có bùa yểm.

Siêu thăng

Việc cầu siêu cho những vong hồn người quá cố là lễ siêu thăng, cầu xin Phật độ cho những vong hồn này thoát khỏi địa ngục. Theo kinh điển nhà Phật thì thành tựu bổ đề chia làm ba bậc:

thượng căn (thành Phật ngay); *trung căn* (sau khi chết mới được siêu thăng), *hạ căn* (phải đi vào giai đoạn trung ấm mới thành tựu). Vì vậy hạ căn phải cần đến sự tụng kinh siêu độ và những việc công đức của con cháu - vì họ mà thực hiện. Cho nên, nếu thân thuộc người quá cố biết làm việc công đức, sự siêu thăng ắt có, nhưng phải lấy việc tụng kinh niệm Phật làm điều cốt yếu.

Người xưa quan niệm rằng: vong nhân sau khi chết phải trải qua nhiều cảnh tượng hãi hùng, cho nên nếu có người niệm Phật, nghe kinh và tụng tạo nên hiệu lực vô thường. Trong việc siêu thăng cần phải chú ý ba điều: trai giới, thành khẩn và tuyền trách.

Bắc cầu giải oan

Lễ cúng những vong hồn vất vưởng, không nơi nương tựa hoặc những người chết do tai nạn bất ngờ. Lễ này nhằm dẫn độ linh hồn từ nơi lâm nạn về nương nhờ của Phật. Riêng đối với những người chết đuối, lễ bắc cầu giải oan rất được chú trọng, và cái gọi là "lễ bắc cầu" ở đây có phần thực tế của nó. Một lễ nghi trọng thể được cử hành, với 11 hạng mục đồ thờ sau đây:

1. *Đặt 2 bàn thờ*. Một bàn thờ Hà Bá, Âm phủ để dẫn hồn sứ giả và chư thần đặt trong một long đình, với 2 chiếc mũ: mũ trắng là mũ Hà Bá; mũ

vàng là mũ Âm phủ và một thông điệp cho sứ giả ngũ đạo tướng quân và dương cảnh thổ địa yêu cầu các vị tiếp dẫn vong hồn vào thần phan. Một bàn thờ vong linh nạn nhân, đặt trên một bàn gỗ, có ảnh hay bài vị nạn nhân, 1 đĩa đặt 2 đồng tiền để xin âm dương. Hai bàn thờ này có bày thêm các đồ lễ thông thường khác.

2. *Một gương chiếu*, đặt trên 1 tấm ván nhỏ, kê trên đòn tay long đình, gương dùng để khai quang.

3. *Một cây kim tích tượng*, là cây gậy làm bằng gỗ tượng trưng cho dấu hiệu của đức Địa tạng vương Bồ Tát, Bồ Tát dùng cây gậy này làm rung chuyển cõi âm, phá khoá ngục để cứu vong hồn khỏi bị đày ải, nhằm giúp vong linh đi đến đất Phật.

4. *Một thần phan* (cây phan thân), làm bằng giấy hình chữ nhật, trên đầu có dấu ấn nhà Phật, tức là chữ Úm, chia làm 3 phần theo chiều dài, phần giữa ghi tên họ, nghề nghiệp nạn nhân, phần bên phải ghi ngày tháng năm sinh, phần còn lại ghi ngày mất. Phía dưới thân phải chứa các chỗ trống ghi tên 3 vị thần trông coi thể theo thứ tự từ trái sang phải: Bành Cư, Bành Kiêu, Bành Chất. Dưới thần Bành Cư có câu chú: Tam hồn câu chí (ba hồn đều tới). Dưới thần Bành Chất có câu chú: Thất phách câu lai (bảy vía cùng lại), nếu người chết là đàn bà thì câu chú là Cửu phách câu lai

(chín vía cùng đến). Thần phan buộc vào cành tre. Khi hồn nạn nhân được giải oan bắc cầu sẽ nhập vào cành phan dưới sự che chở của Bồ Tát được tượng trưng bởi cây kim tích tượng.

5. *Một hình nhân*, làm bằng đồ mã dùng để thế mạng cho nạn nhân, trên ngực hình nhân có hàng chữ: *Hình nhân nhất tương thế mệnh X quý công huý Y* (hình nhân dùng để thế mạng cho ông X huý là Y). Sau buổi lễ, hình nhân được ném xuống sông.

6. *Một cầu vải*, được gọi là cầu hồn bắc từ sông lên nhưng chưa chạm tới mặt nước, đến tám ván đặt gương khai quang, cầu vải có 6 xà ngang bằng que tre.

7. *Một chiếc thang bằng dọc lá chuối*, bắc vào cầu hồn, nơi xà ngang cuối cùng của cầu vải, chân thang ngâm xuống nước, vong hồn nạn nhân sẽ theo thang này đi lên cầu vải.

8. *Bảy lá cờ làm bằng giấy*, cắm dọc theo cầu vải vào ngay chỗ có các cọc đỡ xà ngang bằng tre, trên mỗi lá cờ ghi một lời chú hay lệnh của Địa tạng vương cho Hà Bá và các sứ giả để đi tìm hồn vía của nạn nhân.

9. *Một con thần kê*, tức là con gà trống nhốt trong lồng đặt bên thần tượng, dưới cầu vải. Pháp sư cho gà nuốt một lá bùa để gà có phép linh tìm được vong hồn nạn nhân; bởi gà sống có đủ 5 đức

tính cao quý; vân, vũ, dũng, nhân và tín. Gà sống nuốt bùa nên đã thành gà thần (thần kê).

10. *Một nồi bùa*, là nồi đất có đáy vung, ở trong đưng bùa, trên vung chèn một hòn gạch nặng phòng mãnh lực từ trong nồi phát ra để gây tai nạn cho thân nhân người bị nạn.

11. *Một chiếc thuyền* neo ở bờ sông dùng trong lúc làm lễ, sẽ chở nồi bùa, hình nhân và thần kê ra giữa sông rồi ném xuống dòng nước.

Theo truyền thống thì pháp sư làm chủ lễ. Chủ lễ và 2 phụ tá ngồi trên một chiếc chiếu đặt bên phải bàn thờ, giữa bàn thờ với bờ sông; còn gia chủ và thân nhân nạn nhân ngồi trên một chiếc chiếu khác, quay mặt về cùng một phía với chủ lễ. Vào lễ, pháp sư đọc sớ xin Hà Bá chiêu hồn nạn nhân. Sau khi đọc sớ khẩn xin Hà Bá và thần lính thì một phụ tá đọc sớ chiêu hồn nạn nhân và cuối cùng là đọc sớ khẩn vong hồn nạn nhân. Trong khi đọc sớ, pháp chủ và phụ tá làm phép và đọc sớ xong thì cho hoá ngay; và sau đó pháp sư dẫn vong hồn nạn nhân nhập vào cành phan. Tiếp nữa là lễ khai quang, mục đích là với lễ này tám gương sẽ làm cho hồn phách nạn nhân trở lại sáng suốt. Sau lễ khai quang, pháp sư và những người hành lễ xuống thuyền với hình nhân, nồi bùa và thần kê cho thuyền bơi quanh chỗ nạn nhân lâm nạn, pháp sư cầm thần kê niệm chú, phụ tá đánh trống, rồi

ném hình nhân và cả thân kê xuống sông, và cuối cùng nổi bùa cũng được ném xuống dòng sông, trong lời khấn cầu của pháp sư. Lễ bắc cầu giải oan cho nạn nhân hoàn tất.

Gọi hồn

Muốn gọi hồn cần phải đặt quẻ, và quẻ phải do người lành vía đặt. Người này đưa một cối trầu và mấy đồng tiền kẽm. Món tiền này chính là để thù lao cho cô hồn, cô hồn thắp hương đặt lên cối trầu, đoạn bung cối trầu trong có đặt tiền quẻ, nâng ngang trán khấn ông Chiêu và Dí để hai vị linh thần này xuống âm phủ tìm linh hồn người đã chết về.

Một lát sau, âm hồn nhập vào cô hồn, kể lễ khóc lóc, nói lại lúc lâm chung, tả oán cảnh tình ly biệt. Lúc ấy người thân xúm vào hỏi hồn. Hồn sẽ tùy những câu hỏi mà trả lời, và tùy theo người hỏi nhận anh em, vợ con hoặc người khác trong gia đình. Người ta cho rằng, âm hồn có thể nhận đúng ai là cha, ai là mẹ... và nói được nguyên do tại sao mà chết, chết ngày nào, cho người nhà biết hiện ở âm phủ làm gì và tình trạng ra sao. Âm hồn có muốn xin gì, người nhà sẽ cúng cho. Những cô hồn nói đúng đều được người nhà thưởng tiền, còn nếu có những câu sai thì cô hồn thay lời âm hồn sẽ nói là quá thương xót người sống nên âm hồn đã nhầm

lần (?!). Âm hồn nhập vào cô hồn một lát, sau khi đã được người nhà hỏi đủ chuyện rồi thăng.

Các cô hồn thường là những người sành tâm lý hoặc những người có mục tật không nhìn thấy gì, nhưng rất thính tai và dường như có giác quan thứ sáu để nhận biết mỗi khi nói sai.

Thờ cúng thần sao

Có những trường hợp, tất cả con cái trong một gia đình luôn bị đau ốm quặt quẹo ; thuốc thang, cúng vái nhiều vẫn không khỏi. Sau khi xem số mới biết tại cung Tử của bố mẹ có các sao dữ, ảnh hưởng tới sức khoẻ của con cái, như sao Bạch hổ.

Muốn cho con cái được bình yên khoẻ mạnh, cha mẹ phải thờ cúng các vị thần sao, nhất là thần Bạch hổ, khi lá số của bố mẹ có sao này trong cung Tử. Sau khi nghi lễ xong, kẹp một nén hương vái bốn phương trời, rồi quay về hướng cúng sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật (3 lần)

Kính lạy 9 phương trời, 10 phương đất chư Phật 10 phương. Kính lạy đấng tiên thiên quan...

*Con tên là... tuổi... ngụ tại số nhà... phố...
ruộng... huyện... tỉnh...*

Năm nay gặp sao chiếu mệnh... hạn thâu...

Thành tâm thiết lễ. Giải hạn nhân tinh. Lòng

thành cúi lại : Trung thiên tinh chủ. Bắc cự tử vi. Đại đế ngọc bệ hạ giáng trần soi xét. Cầu cha mẹ khương tinh trường thọ, Phật thánh hiền phù hộ cháu con.

Trong nhà đều hạnh phúc đặng long, lớn nhỏ thấy đều hoan lạc.

Nguyên thi quân hạn thần chiếu tạc.

Giải hạn - bệnh tật - trừ thanh.

Dứt tà hung, khiến gặp điều lành.

hồ đệ tử lòng thành khẩn tấu.

Nam mô a di đà Phật (3 lần)

Nam mô thiên tai giáng cát trường Bồ tát (13 lần)

Nam mô chủ tinh quân chủ hạn thần (21 lần)

Dâng sao giải hạn

Người Việt xưa tin rằng, vào một số tuổi nhất định, con người ta thường gặp vận hạn (những chuyện không may), nên người Việt nào cũng biết câu: "49 chưa qua 53 đã tới". Quan niệm này không hoàn toàn chỉ là quan niệm thuần túy mê tín mà xét theo khía cạnh nào đó, những năm tuổi mà người dân "lo lắng" cũng tương quan với những chu kỳ biến đổi (có nhiều khả năng bất lợi) về sinh học của con người. Muốn làm giảm nhẹ điều này, họ thường cúng "giải sao" (dâng sao giải hạn). Có thể nói, việc làm này cũng có phần ích lợi vì nó làm

yên lòng những người rơi vào "năm vận hạn" theo quan niệm "có kiêng có lành". Đầu năm và hàng tháng người ta thường làm lễ dâng sao giải hạn. Lễ dâng sao có thể thực hiện tại chùa hay ngay tại nhà. Nghi thức tiến hành như sau:

Sao Thái Dương: Những người 5, 14, 23, 32, 41, 50, 59, 77, 88 và 95 tuổi là gặp sao Thái Dương chiếu. Sao này tốt với nam, không tốt đối với nữ. Hàng tháng dùng bài vị màu vàng để làm lễ giải sao này vào ngày 27. Sắm hương hoa, tiền vàng, bài vị mũ màu vàng, 12 ngọn nến và 36 đồng tiền hướng về phương Tây làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật (3 lần)

Nam mô Hữu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng thượng đế.

Kính lạy đức Trung Thiện tinh chúa Bắc Cực tử vi Trang sinh đại đế.

Kính lạy đức Tả nam Tào lục ty duyên thọ tinh quân.

Kính lạy đức Hữu Bắc đầu cầu hàm giải ách tinh quân.

Kính lạy Đức Nhật cung Thái dương Thiên tử tinh quân.

Kính lạy Đức Thượng tinh bản mạch nguyên Thần chân quân.

Hôm nay là ngày 27 tháng... năm...

Chúng con là... tuổi... địa chỉ...

Thành tâm sắm hương, hoa, lễ vật thiết lập tại... làm lễ giải sao Thái Dương chiếu mạng.

Cúi mong chư vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì giải trừ vận hạn ; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an khang, thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Nam mô a di đà Phật (lễ tạ 3 lạy)

Hết một tuần hương thì hoá (đốt) bài vị, tiền, vàng...

Sao Thái Âm : Những người 8, 17, 26, 35, 44, 53, 62, 71, 80, 89 và 98 tuổi là gặp sao Thái âm chiếu mạng. Thái âm là sao tốt, nhưng không tốt lắm đối với nữ. Hàng tháng vào ngày 26 dùng bài vị màu vàng để làm lễ giải sao này. Sắm hương, hoa, tiền, vàng, mũ vàng, 7 ngọn nến và 36 đồng tiền hương về chính Tây làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật, kính lạy đức hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng thượng đế.

Kính lạy đức Nguyệt cung Thái Âm Hoàng hậu tinh quân.

Kính lạy đức Thượng thanh bản mệnh nguyên

thần chân quân.

Hôm nay là ngày 26 tháng... năm...

Chúng con là... tuổi... địa chỉ...

Thành tâm sắm sửa hương hoa lễ vật thiết lập tại... làm lễ giải hạn sao Thái âm chiếu mạng. Cúi mong chư vị...

Khi tàn hết một tuần hương thì đốt bài vị, tiền, vàng...

Sao Mộc Đức : Những người 9, 18, 27, 36, 45, 54, 63, 72, 81, 90 và 99 tuổi là gặp sao Mộc Đức chiếu mạng. Mộc Đức là sao tốt, nhưng không tốt cho những người vượng hoả. Hàng tháng, vào ngày 25 dùng bài vị màu xanh để làm lễ giải sao này. Sắm hương hoa, tiền, vàng, mũ xanh, nến 20 cây và 36 đồng tiền hương về chính Tây làm lễ để giải.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật.

Kính lạy đức Hiệu Thiện Chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng thượng đế.

Kính lạy đức Đông Phương giáp út Mộc Đức tinh quân.

Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh nguyên thần chân quân.

Hôm nay là ngày 25 tháng... năm...

Chúng con là... tuổi... địa chỉ...

Thành tâm sắm sửa hương hoa lễ vật thiết lập

tại... làm lễ giải hạn sao Mộc Đức Triều Nguyên tính chiếu mạng.

Cúi mong chư vị... (phần cuối như bài trên)

Sao Vân Hán : Những người tuổi lên 6, 15, 24, 33, 42, 51, 60, 69, 78, 87 và 96 tuổi là gặp sao Vân Hán chiếu mạng. Vân Hán là tai tính (sao xấu) chủ về ốm đau, bệnh tật. Hàng tháng vào ngày 29 dùng bài vị màu đỏ để làm lễ giải sao này. Sắm hương, hoa, tiền, vàng, mũ đỏ, 15 cây nến và 36 đồng tiền : hướng về phương Tây để làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a da đà Phật.

Kính lạy đức Hiệu thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng thượng đế.

Kính lạy đức Nam Phương Bình Định Hoả đức thân chân quân.

Kính lạy đức Thượng Thanh bản mệnh nguyên thân chân quân.

Hôm nay là ngày 29 tháng... Chúng con là... tuổi... địa chỉ tại...

Thành tâm sắm sửa hương hoa lễ vật thiết lập tại... làm lễ giải hạn sao Vân Hán Hoả đức tinh quân chiếu mạng. Cúi mong chư vị...

(Phần cuối như bài trên).

Sao Thổ Tú : Những người lên 2, 11, 20, 29, 38, 47, 56, 65, 74, 83 và 92 tuổi là gặp phải sao Thổ Tú chiếu mạng. Đây là sao xấu, chủ về tai vạ kiện tụng. Xấu cả nam nữ và gia trạch. Ngày 19 hàng tháng dùng bài vị màu vàng làm lễ giải sao này. Sắm lễ nghi hương, hoa, tiền vàng, mũ vàng, 5 cây nến và 36 đồng tiền hương về chính Tây để làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật.

Kính lạy đức Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng thượng đế

Kính lạy đức Trung Ương Mậu Kỷ Thổ Đức Tinh quân.

Kính lạy đức Thượng Thanh bản mệnh nguyên thân chân quân

Hôm nay là ngày 19 tháng... chúng con là... tuổi... địa chỉ tại...

Thành tâm sắm sửa hương hoa lễ vật thiết lập tại...

Làm lễ giải hạn sao Thổ Tú, Thổ Đức tinh quân chiếu mạng. Cúi mong chư vị...

(Phần cuối như bài trên).

Sao Thái Bạch : Những người lên 4, 13, 22, 31, 40, 58, 67, 85 và 94 tuổi là gặp phải sao Thái Bạch chiếu mạng. Sao này xấu, chủ về thiệt hại

tiền của khẩu thiệt. Xấu cả nam và nữ, nhưng nam đỡ hơn. Ngày 15 hàng tháng dùng bài vị màu trắng, sắm lễ nghi hương hoa, tiền vàng, mũ trắng, 8 ngọn nến và 36 đồng tiền hướng về chính Tây làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật

Kính lạy đức Hiệu thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng thượng đế

Kính lạy...

Kính lạy đức Tây phương Canh Tân Kim đức Thái Bạch tinh quân.

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Chúng con là... tuổi... địa chỉ...

Thành tâm sắm sửa hương hoa phẩm vật thiết lập tại... Làm lễ giải hạn sao Thái Bạch Triều dương Kim tinh chiếu mạng, cúi xin chư vị...

(Phần cuối như bài trên).

Sao Thủy Diệu : Những người lên 3, 12, 21, 30, 39, 48, 57, 66, 75, 84 và 93 tuổi là gặp sao Thủy Diệu chiếu mạng. Thủy Diệu là sao Phúc Lộc, nhưng xấu với nữ và chủ về tai hạn tang chế. Ngày 21 hàng tháng dùng bài vị màu đen, lễ nghi tiền vàng, hương hoa, mũ đen, 7 ngọn nến và 36 đồng tiền hướng về chính Tây làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật

*Kính lạy đức Hiệu thiên chí tôn Kim Nguyệt
Ngọc Hoàng thượng đế*

Kính lạy...

*Kính lạy đức Bắc phương nhân Quý Thủy Đức
tinh quân.*

*Kính lạy đức Thượng thanh bản mệnh nguyên
thân chân quân*

*Hôm nay là ngày... tháng... năm... Chúng con
là... tuổi... địa chỉ...*

*Thành tâm sắm sửa hương hoa phẩm vật thiết
lập tại... Làm lễ giải hạn sao Thủy Diệu tinh quân
chiếu mạng, cúi xin chư vị...*

(Phần cuối như bài trên)

Sao La Hầu : Những người lên 1, 10, 19, 28, 37, 46, 55, 64, 73, 82 và 91 tuổi là gặp sao La Hầu chiếu mạng. Hầu là sao xấu, chủ về khẩu thiệt. Nam xấu hơn nữ. Ngày mồng 8 hàng tháng dùng bài vị màu vàng, lễ nghi hương hoa, tiền vàng, mũ màu vàng, nến 9 ngọn và 36 đồng tiền, hướng về chính Bắc làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật

*Kính lạy đức Hiệu thiên chí tôn Kim Nguyệt
Ngọc Hoàng thượng đế*

Kính lạy...

Kính lạy đức Thiên Cung Thần Thủ La Hầu Tinh quân

Kính lạy đức Thượng thanh bản mệnh nguyên thân chân quân

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Chúng con là... tuổi... địa chỉ...

Thành tâm sắm sửa hương hoa phẩm vật thiết lập tại... Làm lễ giải hạn sao La Hầu khẩu thiệt chiếu mạng, cúi xin chư vị...

(Phần cuối như bài trên)

Sao Kế Đô : Những người lên 7, 16, 25, 34, 43, 52, 61, 79, 88 và 97 tuổi gặp phải sao Kế Đô chiếu mạng. Đây là Hung tinh xấu nhất về xuân hạ, nhưng xuất ngoại đi xa gặp điều tốt hơn, nữ giới xấu hơn nam. Ngày mồng 8 hàng tháng dùng bài vị màu vàng lễ nghi hương hoa, tiền vàng, mũ màu vàng, nến 9 ngọn và 36 đồng tiền, hướng về chính Bắc làm lễ giải sao.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật

Kính lạy đức Hiệu thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng thượng đế

Kính lạy...

Kính lạy đức Địa Cung Thần Võ kế Đô Tinh quân

Kính lạy đức Thượng thanh bản mệnh nguyên thân chân quân

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Chúng con là... tuổi... địa chỉ...

Thành tâm sắm sửa hương hoa phẩm vật thiết lập tại... Làm lễ giải hạn sao Thủy Diệu tinh quân chiếu mạng, cúi xin chư vị...

Cúng giải trừ ếm

Xưa kia, có những người thù ghét nhau, không thể trực tiếp làm hại nhau được, họ đã nhờ những thầy ngải, thầy pháp, thầy tự trừ ếm kẻ thù, khiến cho kẻ thù thành đau ốm bệnh tật. Muốn khỏi bệnh, phải nhờ các thầy ngải, thầy pháp cao tay hơn cúng giải sự trừ ếm, hoặc phải cúng lễ ở những nơi linh thiêng để xin thần linh giải trừ giúp.

Bắt tà

Nhiều người bị bệnh, thuốc thang nào cũng không khỏi ; rồi theo tục, đi xem bói, quẻ bói cho biết có ma làm. Có thể là những ma đói ma khát, hoặc ma quỷ được thờ cúng ở các góc đa, góc đề, ở các miếu bên đường.

Gặp những trường hợp trên, phải cúng lễ hoặc yểm bùa mới khỏi. Có khi con ma, con tà bướng bỉnh không chịu tha người ốm, người ta phải tổ

chức bắt tà tại các đền điện mới giải trừ được những tà ma này.

Cúng ngày Sóc, ngày Vọng

Mỗi tháng, ngày mồng Một là ngày Sóc, ngày Rằm là ngày Vọng.

Trong những ngày này, tại các gia đình, người ta có sửa lễ cúng Tổ tiên, Thổ công, Thánh sư, Tiên chủ, Thần tài tại những bàn thờ gia đình. Có thể cúng mặn (trừ cúng Phật), hoặc chỉ cúng thê hương, hoa, trầu rượu. Tại chùa có cúng Phật. Dân làng tới chùa lễ Phật với đồ lễ gồm hương hoa, oản chuối. Riêng ở miếu đền và đình, dân làng sửa lễ oản chuối, trầu rượu, hoặc lễ mặn để lễ thần.

• Theo lệ thường, muốn cúng lễ điều gì, trước hết phải cúng Táo quân (Đệ nhất gia chi chủ) để xin phép ngài cho những vị được cúng lễ có thể tới phối hưởng (xem phần *Định phúc táo quân*).

Cúng ngày Sóc ngày Vọng lễ vật thường rất giản dị : hương, đèn, trầu, quả, tiền vàng. Không cứ phải có lễ mặn vào dịp này.

Văn khấn có thể sử dụng mẫu văn khấn chung vào các dịp lễ, tiết, đến câu "*Kính cẩn thưa rằng...*" thì khấn tiếp :

Cứ theo tế luật, mồng một đến ngày, kính bày lễ sóc... (hoặc lễ vọng đêm rằm, đến vận phong đặng, ánh trăng vàng vạc...)

... Tuân theo lệ tục, bát nước chén nhang, kính
cẩn lạy dâng, Tôn Thần Tiên Tổ.

Cúi trông phù hộ, cứu khổ tai, tiến lộc dâng
tài, gái trai hiếu thảo.

Vợ chồng hoà hảo, vận đũa hanh thông, sắc sắc
không không, âm dữ tương đồng, dóc lòng cầu khẩn.

Cúi xin soi tận, ý khẩn tâm thành, muôn đời
tôn linh, phục duy ! Thượng hưởng.

Cúng bánh trôi

Trong các ngày sóc vọng tháng Ba, dân ta
có tục cúng bánh trôi bánh chay (gọi là trôi
nước); riêng dân làng Hát Môn (Phúc Thọ, Hà
Tây) lại không dùng bánh trôi trước ngày mùng 6
tháng Ba. ♦

Ngày hôm đó, trong khi ở đền cúng Hai Bà tại
các gia đình người ta cũng làm bánh trôi để cúng
tổ tiên ; và chỉ sau cuộc cúng lễ này, người ta mới
ăn bánh trôi. Đối với dân làng Hát Môn, đây là một
thứ bánh thánh - Thánh hưởng thụ rồi dân mới ăn.
Nếu chưa đến ngày mùng 6 tháng Ba, dân làng dù
có đi đâu, cũng không bao giờ ăn bánh. Đây là do
lòng thành kính của họ đối với Hai Bà: chưa đến
ngày giỗ, Hai Bà chưa hưởng, họ chưa ăn. Tục lệ
này cũng là muốn nhớ lại cử chỉ cao đẹp của bà
hàng bánh trôi, dù nghèo khổ cũng dâng bánh lên
Hai Bà, trước khi Hai Bà xuất trận.

Cúng đầy tháng

Kể từ ngày sinh, khi đứa trẻ đầy cũ thì cha mẹ cúng đầy cũ, tới khi con được đầy tháng lại có cúng đầy tháng. Qua một cũ, một tháng là qua một giai đoạn trong đời người. Cúng đầy tháng, ngoài việc cúng mẹ và đồ lễ tương tự như cúng đầy cũ, còn có cúng Thổ công và gia tiên. Những gia đình khá giả còn làm một bữa tiệc thịnh soạn mời họ hàng và bạn bè tới dự. Khách tới nhà lần này chỉ có quà mừng cho cháu bé chứ không có quà mừng cho mẹ như khi đầy cũ.

Lời khấn :

Duy ! Niên hiệu... tỉnh, huyện, xã, thôn...

Tín chủ là... phu thê, đồng gia

Kính cáo :

Nhân ngày... tháng... năm nay (hoặc năm ngoái) vợ chồng chúng tôi sinh con trai (hoặc gái) đầu (hoặc thứ) đặt tên là...

Đến nay vừa chẵn tháng.

Kính cần sắm lễ vật cỗ chay (hoặc mâm cỗ mặn), hương đàn, trầu rượu, hoa quả, khấn với :

Đệ nhất Thiên tử đại tiên chủ

Đệ nhị Thiên đế đại tiên chủ

Đệ tam Tiên mẹ đại tiên chủ

Thập nhị bộ tiên nương

Tam thập lục cung chư vị ty nương Ân hạ.

Cúi mong chư vị tôn linh chứng giám, phù hộ cho cháu bé được thân mệnh bình yên cường tráng. Kính nhờ vào đại đức các vị tiên bà phù trừ.

Cẩn cáo.

Cúng đầy năm

Đứa trẻ đầy năm gọi là đầy tuổi, cúng đầy năm còn gọi là cúng đầy tuổi hoặc lễ thôi nôi. Ngoài việc cúng lễ trong dịp này người ta còn có tục thử đứa trẻ. Hôm ấy đứa trẻ được ăn mặc chỉnh tề. Con trai thì bày cung tên, giấy bút ; con gái thì bày dao kéo, kim chỉ bên cạnh. Đứa trẻ, được đặt trước những thứ đồ đó và sẽ nhặt lấy một thứ mà nó thích.

Người ta cho rằng : nếu đứa con trai chọn kiếm cung, giấy bút thì nó sẽ theo nghiệp võ hay nghiệp văn ; con gái nếu chọn kim chỉ thì sẽ có tài nội trợ.

Trong buổi cúng đầy năm, nhiều nhà làm cỗ bàn rất linh đình, khấn trình trước bàn thờ gia tiên và mời khách khứa đông hơn cả cúng đầy tháng.

Lời khấn :

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Nay con giữ việc phụng thờ tên là... tuổi... sinh tại xã... huyện... tỉnh... cùng toàn gia, trước bàn thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bạc : trâu rượu trà nước, vàng

hương, hoa quả cùng phẩm vật, lòng thành nhân dịp sinh hạ cháu trai (gái), kính mời hương hồn nội ngoại gia tiên, kỵ cụ, ông bà, cha mẹ, cô dì, chú bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin gia tiên phù hộ độ trì cho cháu... hay ăn chóng lớn và toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo.

Lễ động thổ

• Với người Việt, làm nhà là một trong những việc trọng đại nhất của đời người, liên quan tới sinh mệnh của những người sẽ sống trong ngôi nhà đó. Bởi vậy, dân gian rất chú trọng tới các nghi thức, các bước phải làm lễ cúng.

Sau khi chọn ngày hợp với tuổi gia chủ, người ta làm Lễ động thổ (cúng thần đất) để xin được làm nhà trên mảnh đất đó. Trong lễ động thổ, ngày xưa phải cúng tam sinh, ngày nay đơn giản hơn, nhưng phải là con gà, đĩa xôi, hương, hoa quả. Sau khi làm lễ, gia chủ là người cầm cuốc bở những nhát đầu tiên, trình với Thổ thần xin được động thổ, tiếp sau đó mới cho thợ đào móng.

Lời khấn :

Kính lạy Đông trù tư mệnh,

Táo phủ thần quân,

Công mệnh thổ thần - cập thổ.

*Chủ vị thân tài - thông minh, chính trực,
Chí thân, chí linh.*

*Xưa, thần vâng mệnh thiên đình,
Đông trù chấp trưởng chấp hành nghiêm trang
Thay trời giáng phúc trừ ương*

Xem xét thiện ác một phương không lầm,

• *Tiền chủ lễ bạc thành tâm.*

Chừng cho đắc lễ chẳng làm chẳng sai.

Vun trồng quế, huệ xanh tươi

Trẻ già mạnh khoẻ, người người an Khang.

Trót lầm, xin xá xin thương

Để cho con được mở đường thành tâm

Bốn mùa thu, hạ, xuân, đông

Làm ăn phú quý, bớt phần nguy nan.

Nay nhân ngày... tháng... năm... giờ...

*Tín chủ con tên là... cùng vợ (chồng)... con trai
(con gái)... cháu...*

*Ngu tại thôn... xã... huyện... tỉnh... (hoặc số
nhà... phường... quận... thành phố...) nước...*

*Thành tâm sắm một lễ vật, gồm : hương
đăng... cung thỉnh chư vị đồng lai hiến hưởng.*

Chấp kỳ lễ bạc, phù hộ độ trì cho chúng con...

Cẩn cáo.

Ăn mừng nhà mới

Khi làm xong nhà mới, chủ nhà sẽ chọn ngày lành tháng tốt dọn tới ở. Sau đó làm lễ, có cỗ bàn thịnh soạn mời bà con, họ hàng, bạn bè đến ăn mừng nhà mới (lễ Tân gia), cáo Táo quân, Thổ thần và gia tiên. Lễ Tân gia thường được tổ chức long trọng. Những người được mời đến mang lễ vật tới như câu đối, các bức đại tự, trầu cau... Xưa kia người ta thường đốt pháo vui vẻ.

Lời khấn yết cáo Táo quân Thổ thần :

Hôm nay, ngày... tháng... năm...

Tại : thôn, xã, huyện, tỉnh...

Tín chủ là...

Trước án tọa Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân.

Kính cẩn tâu rằng :

Ngài giữ ngôi tam thái,

Nắm quyền tạo hoá.

Trừ tai, cứu hoạ,

Bảo vệ dân lành.

Nay bản gia hoàn tất công trình,

Chọn ngày lành gia đình nhóm lửa.

Nhân lễ khấn hạ,

Kính cẩn tâu trình :

Cầu xin gia đình
Anh ninh Khang thái
Làm ăn tiến tới
Tài lộc dồi dào
Cửa rộng nhà cao
Ngoài êm trong ấm
Vợ chồng hoà thuận
Con cháu sum vầy
Cúi nhờ ân đức cao dày
Đoái thương phù trì bảo hộ.
Cẩn cáo.

Văn khấn khánh thành nhà thờ tổ :

Cúi nghĩ rằng :

Vùng nhật nguyệt mười phương rạng rỡ,

Đức tổ tông muôn thuở sáng ngời,

Ngửng trông ! Phúc ám nối đời,

"Tế thần thần tại", về nơi từ đường.

Để con cháu, lửa hương phụng sự,

Nghìn năm sau, xuân tứ, thu thường.

Bản khoán tự chỉ phé hoang

Đến nay đồng tộc sửa sang khánh thành.

Kính thiết lễ : Chiêu nghênh, yên vị.

Rước thần thông : Tẩy uế khai quang

Mừng nay xuân tiết vừa sang,
Gần xa tụ hội họ hàng đông vui.

Viễn vọng đời thứ... là tộc trưởng... hợp cùng
các bậc kỳ lão, các vị huynh trưởng và con cháu nội
ngoại các chi trong toàn tộc, kính cẩn trình tâu :

Ơn trời đất cao dày che chở,

Ơn tổ tiên phù hộ độ trì.

Ơn nhờ đức Phật từ bi

Ơn nhà Thánh Chúa, Thần kỳ chứng soi :

Cây vừng cối, thắm chồi, xanh lá

Nước trong nguồn, bể cả, sông sâu

Chữ trung, chữ hiếu làm đầu

Ai không tâm niệm : "Vi đâu có mình ?"

Nhờ tiên tổ anh linh phù hộ,

Đi cháu con tiến bộ trưởng thành

Trẻ già trai gái yên lành

Họ hàng thịnh vượng, gia đình tươi vui.

Buổi sơ khai, một ngôi thủy tổ

Đời nối đời, chia hộ, chia chi

Cây cao, bóng cả sum suê

Lá rơi về cội, người về tổ tông

Nghìn thu sau, nối dòng mãi mãi

Ai trồng cây ? Ta hái quả ngon

Vậy nên dạy cháu, khuyên con

Vun bê tổ trạch, giữ tròn gia thanh
Trong gia đình, trên bình, dưới thuận
Trong bộ đường "bách nhân thái hoà"
Xuân hồi, thăm trở muôn hoa
Non sông gặp hội âu ca thái bình
Nay nhân lễ khánh thành, kính bái
Chi tiên linh trở lại từ đường
Tả chiêu, hữu mục theo hàng
Tinh anh hội tụ, khói nhang phụng thờ
Tuy nén hương đơn sơ lễ nhỏ
Xin lượng trên thấu tỏ lòng thành
Nguyện cầu tứ phủ, vạn linh
Thập phương tam bảo chứng minh độ trì.
Cẩn cáo

· Thượng thọ

Nhà nào có cha mẹ già đến bảy, tám mươi tuổi mà nhà khá giả, đông con cái thì tổ chức lễ mừng thọ cha mẹ. Hôm ăn mừng, trước hết làm lễ gà xôi hoặc tam sinh, lợn, bò đem ra đình lễ thần, gọi là bái tạ thần hươ, nghĩa là tạ ơn thánh thần đã phù hộ cho cha mẹ được sống lâu. Đến lúc lễ, cha (hoặc mẹ) ăn mặc đẹp, ngồi ghế đặt chính giữa, con cháu tế tự lễ bái. Con cái dâng lễ mỗi người chén rượu mừng thọ, hoặc là quả đào, gọi là bàn đào chúc thọ.

Con cháu lễ bái xong, rồi ăn mừng, mời làng nước khách khứa. Khách đem đồ lễ vật đến mừng và chứng kiến sự hạnh phúc của hai cụ, sự hiếu thảo của con cháu. Họ hàng cũng có lời chúc mừng. Hai bên nhà có treo những câu đối, những bức đại tự để mừng hai cụ. Có nhà còn mời ca nhi tới để ngâm thơ và câu đối. Bữa tiệc khao rất linh đình, luôn có pháo nổ.

Lời yết cáo tổ tiên :

Hôm nay !

Ngày... tháng giêng năm... tại thôn... xã... huyện... tỉnh...

Hậu duệ tôn là : (Tên người đứng lễ)

Quy trước linh vị (đọc linh vị của thủy tổ, tiên tổ được liệt thờ trong nhà thờ họ)

Kính cẩn lay tâu rằng :

Cúi nghĩ : Tuổi tác tự Trời Phật ban cho

Hình hài nhờ Tổ Tiên mới có

Nay : toàn dân hớn hở đón xuân sang

Tín chủ mừng vui làm lễ thọ ⁽¹⁾

Yết cáo chư vị thần linh

Kính lay miếu đường tiên tổ

Xin rộng mở lòng nhân

⁽¹⁾ Nếu người đứng lễ là bản thân người được khánh thọ thì dùng chữ "làm lễ thọ". Nếu con trưởng hay cháu đích tôn đứng lễ thì dùng chữ "đăng lễ thọ".

Nguyện vun trồng đức độ

Mong sao ngày tháng mãi bền lâu

Ước được gốc cành thêm củng cố

Tưởng niệm công đức ngày xưa

Gọi chút khói hương lễ nhỏ

Ngừng trông chúng giám tác thành

Cúi xin phù trì bảo hộ

Mong tiên linh khơi rộng mạch Trường sinh

Cho hậu duệ leo lên thêm Thượng thọ

*Trên Thiên tào, tăng niên kỷ lâu dài, như rùa
hạc vô cương*

*Dưới hải ốc, tưới phúc lộc dồi dào, như suối
nguồn bất hủ*

Khấn đầu cúi lạy thần linh, tiên tổ

Thượng hưởng.

Dâng hương tại gia

Từ xưa, người Việt có tục dâng hương lễ bái tại gia các vị Gia thần và Gia tiên vào các dịp tuần, tiết. Mỗi tuần, tiết dâng hương tại gia đều có những điểm khác nhau nhất định, từ phẩm vật dâng cúng tới một số nghi thức và văn khấn, song vẫn có những nguyên tắc chung. Dâng hương cáo lễ Gia thần trước, Gia tiên sau.

Các phẩm vật dâng hương cũng có thể là lễ chay hoặc lễ mặn (các gia đình thờ Phật thì chỉ

dâng lễ chay). Tuy hoàn cảnh từng gia đình mà có thể sắm lễ khác nhau, nhưng thường có những đồ lễ dâng không thể thiếu: hương, đèn, chè, quả, rượu, nước trong, trầu cau và tiền vàng. Riêng đèn (nén) thường là một cặp, được đặt cả hai bên bàn thờ, cao hơn các vật phẩm khác. Chúng tượng trưng cho hai vầng nhật-nguyệt và được thắp sáng suốt buổi lễ. Lễ vật trên bàn thờ có thể là chung nhưng nếu có nhiều bát hương thì bát nào cũng phải thắp hương cả, và thắp theo số lẻ (1,3,5.... nén) vì số lẻ thuộc âm. Khi cháy gần hết một tuần hương, gia chủ lại thắp thêm một tuần nữa, rồi xin phép tổ tiên hoá vàng. Tiền vàng khi đã hoá thành tro thì rót vào đó một chén rượu.

Mọi kỳ dâng hương đều có vái và lễ. Vái thì các ngón tay đan vào nhau, còn lễ thì hai bàn tay áp vào nhau và đều đặt ở vị trí ngang trước ngực. Nghi lễ này đòi hỏi người làm lễ (là gia chủ) phải thành tâm, trầm tư mặc tưởng trước đấng tiên tổ, thần minh. Vái lễ chỉ được thực thi sau khi các lễ vật đã được đặt lên bàn thờ, đèn đã được thắp sáng, hương đã được châm lửa. Người làm lễ sau khi đã châm lửa, kính cẩn dùng hai tay dâng các nén hương ở vị trí ngang trán, vái ba vái rồi mới cắm hương vào bát hương. Vái ba vái xong thì đọc văn khấn (mỗi dịp tuần tiết đều có nội dung khác nhau). Khấn xong, lễ bốn lễ và thêm ba vái.

KHI QUA ĐỜI

LÂM CHUNG

Tự sửa soạn ngày chết

Mỗi người về già có thể do những tín hiệu suy sụp của sức khoẻ, thường hiểu được mình còn sống không được bao lâu, nên việc chờ đợi cái chết là chuyện đương nhiên. Đối với những người tự nhận thấy dòng đời đã trải qua của mình không có điều gì ân hận, thì tâm trí thư thái, thoải mái trong sự chờ đợi ấy. Trong việc này, ngoài sự sửa soạn về tinh thần, các cụ còn sửa soạn ngay cả cho cái chết vật chất. Trước hết, các cụ lo sắm cỗ hậu; họ thường chọn thứ gỗ quý, rồi sơn son thiếp vàng để trang hoàng, đồng thời giữ cho khỏi mốc.

Lo cỗ thọ cho mình, mới chỉ là một phần trong việc sửa soạn cho lúc chết. Xưa ít có cụ nào không nghĩ tới ngôi huyệt. Các cụ thường đi xem lấy đất

hoặc nhờ thầy địa lý đi tìm giùm ngôi đất để sau này linh hồn mình được thư thái, con cháu được hơn người. Sau đó, các cụ nhà giàu có cho xây sinh phần, đào sấm huyết đúng theo sự chỉ dẫn của thầy địa lý. Xây sinh phần cũng như sấm cỗ thọ, bao giờ cũng xây đôi, sấm đôi, dành cho cả cụ ông lẫn cụ bà. Những cỗ thọ đã sấm sẵn thường được kê dưới gầm bàn thờ để chờ khi dùng đến.

Giờ hấp hối

Sinh, lão, bệnh, tử là những điều tất phải có trong một đời người. Tuy nhiên, từ xưa tới nay, ngay từ giờ hấp hối của một con người sẽ phải vĩnh viễn ra đi đã làm cho không khí trong gia đình trở nên trầm lắng xuống với vẻ thiêng liêng. Con cháu ở xa gần được báo tin vội vã trở về, tuy đông đủ nhưng đều im lặng trong nỗi buồn.

Ngày xưa, người nào già yếu tới khi biết mình không thể sống được, hoặc là người nhà nhận thấy tình trạng người bệnh sắp tới lúc qua đời, thì phải cho dời chỗ nằm tới căn nhà giữa, đặt ngoảnh đầu về phương Đông để được sinh khí.

Nếu người sắp chết còn tỉnh táo thì con cháu, phải hỏi xem có cần dặn gì không. Những lời nói quan trọng này của người sắp qua đời được ghi lại trong một quyển gọi là "*Di ngôn*", "*Di chúc*". Một vài người biết mình không còn sống được bao lâu, khi

còn chút sức khoẻ tỉnh táo, đã tự tay viết những lời dặn dò, dạy bảo trong cuốn này.

Theo tục lệ xưa, con cháu hỏi xem người bệnh sắp trút hơi thở cuối cùng có tự đặt lấy *tên thụy*, còn gọi là *tên hèm* tức là tên sau này dùng để khấn khi cúng cơm. Cho nên ta còn gọi là *tên cúng cơm*. Nếu người sắp qua đời ở tình trạng lâm bệnh mê man, không tự đặt lấy *tên cúng cơm* cho mình thì con cháu tìm đặt tên rồi báo lại cho người ấy biết khi gặp lúc hồi sinh ngấn ngủi. Cũng trong giờ phút này, con cháu phải lo thay quần áo mới cho người bệnh và bỏ hết quần áo cũ đang mặc đi. Ngày nay, thường thường người ta làm việc này vào lúc sắp tẩm liệm, trong đó có việc lau lại cơ thể người chết bằng rượu hay bằng cồn.

Con cháu sau đó phải thay nhau ngồi bên cạnh người bệnh, để chờ giờ phút lâm chung, ghi giữ đúng giờ trút hơi thở cuối cùng và thông báo cho mọi người cùng hay biết. Trong trường hợp người bệnh lịm đi, thì người canh phải lấy bông đặt trước lỗ mũi, hễ bông không động đây nữa, người canh chùng phải cầm một chiếc đũa đặt ngang miệng người chết để "cài hàm", cho hai hàm răng khỏi nghiêng vào nhau. Cổ lễ ghi rõ là không nên để người quá cố nhắm mắt trên tay người khác phái (nam, nữ), theo quan niệm nam nữ cách biệt thời xưa.

Người canh phải nhớ đúng giờ người chết qua

đời, để ghi nhớ, nhưng theo một số tín ngưỡng để còn nhờ thầy tự xem ngày bảm giờ, để biết người qua đời có chết vào giờ lành hay phải *ngày trùng tang* lại có *quỷ tinh* ám ảnh gây tai hại. Nếu gặp ngày giờ xấu thì thân nhân phải nhờ thầy tự làm bùa hay có những pháp thuật để tống xuất *thần trùng*, đánh đuổi *quỷ tinh*. Lá bùa thì được dán trên áo quan, và cho vào những con ốc chôn ở bốn phía,ngôi mộ.

CÔNG VIỆC SƠ KHỞI

Thụy hiệu

Trước hết là việc đặt tên thụy, tên hiệu. Những tên này được đặt ra dựa theo đức tính của người chết lúc sinh thời (hoặc chính người ấy đặt hoặc chấp nhận lúc còn tỉnh). Dưới triều Nguyễn, việc đặt thụy hiệu cho người có phẩm hàm được qui định sẵn trong một qui chế riêng.

Chúc khoáng

Theo dõi để biết chắc chắn lúc tắt thở, thân nhân lấy một chút bông gòn đặt trên lỗ mũi, khi bông không còn chuyển động, đó là lúc chết hẳn.

Khi người thân đã chết hẳn, thân nhân thường vuốt mắt cho người chết để cặp mắt nhắm hẳn lại và xếp chân tay ngay ngắn.

Khiết xi

Lấy một chiếc đũa đặt ngang miệng người chết để "cái hàm" cho hé ra để sau tiện làm lễ phạn hàm.

Hạ tịch

Trải chiếu xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu ấy một lát rồi lại đưa trở lên giường. Tục lệ hàm ý theo quan niệm cổ "chết trở về cõi đất" (nhân sinh ư thổ, diệc hoàn ư thổ) hoặc để lấy đủ khí âm dương cho người quá cố.

Phục hồn

Theo tín ngưỡng xưa, cổ tục còn bày ra việc phục hồn. Lấy áo của người chết treo lên nóc nhà phía trước hướng về phương Bắc gọi tên tục người chết ba lần, rồi trèo xuống lối nóc nhà phía sau, đem áo ấy vào đắp lên bụng người chết để hy vọng hồn người chết trở về sống lại.

Thiết hồn

Lấy bảy thước (thước ta) lụa trắng đặt lên trên ngực người chết trước khi tắt thở (đón hơi thở người chết vào đây). Khi đã chết hẳn, đem lụa này kết thành hình dạng thân người có đầu, mình, chân tay. Kết xong đặt lại trên mình người chết. Lúc nhập quan thì hồn bạch được để trong linh sàng, linh tọa để tượng trưng cho người quá cố. Ngày nay để thay cho hồn bạch, người ta thường dùng một bức chân dung người quá cố.

Mộc dục

Mộc dục là tắm rửa cho người chết bằng nước

sạch, thơm. Thời xưa thường dùng nước ngũ vị hương. Nghi thức này làm trong màn kín. Thường là con trai tắm rửa cho cha, con gái tắm rửa cho mẹ.

Dùng khăn thấm nước thơm lau sạch sẽ mặt mũi, chân tay, mình mẩy, chải đầu buộc tóc gọn ghẽ: cắt sạch móng chân và móng tay; gói các sợi tóc rụng và vụn móng này vào một bọc để vào áo quan cùng với người chết.

Thay quần áo

Tắm rửa xong là thay quần áo cho người chết; tục xưa định rõ gồm những thứ như: khăn chít đầu, bông nhét lỗ tai, khăn phủ mặt bằng vải trắng có dải buộc sau, bao tay bằng vải lụa cùng với quần áo mới trang trọng, giày tất...

Khi thay quần áo xong, phải để chân tay ngay ngắn sát nhau. Người Việt thường lấy dây vải buộc hai ngón tay cái và hai ngón chân cái vào nhau cho gọn, tay xếp thẳng trên bụng.

Người chết có quan tước thường được bện đủ triều phục. Có nhà dùng những quần áo tốt đẹp nhất vẫn mặc lúc sinh thời. Có nơi kiêng không mặc áo kép, chỉ một áo đơn cắt bỏ hết khuy, mặc vạt cái vào trong, vạt con khép chõm bên ngoài, trái hẵn với lối mặc của người sống.

Những ông già 70 tuổi trở lên chết thường được mặc quần điều, áo lam, chít khăn nhiều

tím, nhất là những cụ 80, 90... có khi cũng mặc áo vóc điều.

Phạn hàm

Lấy gạo nếp vo kỹ và 3 đồng tiền chùi cho sáng bỏ chung trong một đĩa. Những nhà giàu sang thời cổ có khi dùng 3 đồng tiền vàng và 9 hột ngọc trai. Tang chủ đứng bên phải lấy đũa cài răng ra, bỏ gạo và tiền vào miệng người chết làm ba lần: lần đầu vào mép bên phải, kế đến mép bên trái và sau cùng là chính giữa miệng. Mỗi lần bỏ 3 hạt gạo và 1 đồng tiền (nhằm tránh cho người chết sang thế giới bên kia mà trong miệng không có gì để ăn). Bỏ đũa gài miệng, buộc hàm dưới lên sát hàm trên cho khỏi trễ xuống. Từ lúc này, con cháu nói được khóc to.

Người Việt còn có lệ đem một bát cơm, trên để một quả trứng luộc bóc sạch vỏ, có cắm đôi đũa tre phía cuối được vót cho tre quấn lại thành hình cái hoa. Tất cả đặt cùng với bài vị phía trên đầu người chết, hoặc trên áo quan sau khi nhập quan.

CHUẨN BỊ TANG LỄ

Chủ tang, chủ phụ

Trước hết là lập chủ tang và chủ phụ, chủ tang thường là con trai trưởng; nếu con trưởng đã chết thì con trai đầu lòng của người đó, người ăn thừa trọng, hoặc người đàn ông thừa kế chính thức của người chết là chủ tang. Cha còn mà con cái tang mẹ hoặc tang vợ con thì người cha làm chủ tang, còn ông thì ông làm chủ tang, chủ phụ là vợ người chết hoặc vợ tang chủ (nếu vợ người chết không còn). Tang chủ làm chủ lễ tang mọi nghi thức, chủ phụ lo việc chi phí.

Tướng lễ, hộ tang, tư thư, tư hoá

Kế đến là việc lập tướng lễ, hộ tang, tư thư, tư hoá, Tướng lễ là người sắp đặt, chỉ huy và quyết định mọi nghi lễ. Chọn người thông thạo cách xếp đặt mọi công việc. Hộ tang là phụ tá cho tướng lễ, lo việc tiếp tân, tiếp khách. Người này thường được lựa chọn trong số các thân nhân có tuổi, đứng đắn, lịch thiệp, hiểu biết lễ nghi. Tư thư phụ trách việc

cáo phó, ghi chép các đồ lễ phúng của quan khách, viết văn tế. Tư hoá là người ghi chép những việc chi tiêu trong đám tang.

Cáo phó

Người tư thư phải lo việc cáo phó, thường viết tay rồi cho người mang đến từng nhà thân thích, vì ngày xưa chưa có báo ngày đăng cáo phó. Đối với các bậc tôn trưởng và bạn hữu ở xa người ta phải gửi cáo phó riêng sai người mang đi.

Nội dung cáo phó phải ghi rõ sự việc: tên tuổi người qua đời, cùng ngày giờ và địa điểm cử hành tang lễ. Danh xưng của thân nhân người chết khi xưa cũng được quy định rõ, thí dụ như cha chết thì con xưng là "cô tử", mẹ chết thì xưng là "ni tử", cha mẹ đều chết thì xưng là "cô ai tử"

Trị quan

Việc chuẩn bị áo quan được gọi là trị quan. Áo quan, hay là quan tài còn có tên là *cổ thọ đường*, *cổ hậu sự*, *săng*, *hòm*. Khi xưa người ta làm cổ quan tài bằng cách ghép thành đứng góc vuông, ván càng dày càng tốt. Ván đã dày, thành lại ghép vuông đứng rất vững chắc, có thể chịu đựng lâu ở dưới đất sâu. Về chiều dài thì "*giường bốn thước hai, quan tài bốn thước bảy*" nghĩa là chiều dài chỉ vừa đủ người nằm. Thước nói ở đây vẫn là thước ta

dùng ngày xưa. Còn bề ngang, bao giờ cũng làm hẹp đúng sát hai vai là dưng ý ép giữ không để cho xác trương to chảy nước bốc hơi ra. Người chết có hai vai rộng thì người ta phải buộc gọn lại ngay sau khi tắt thở và phần nhiều xác phải thắt đai đai nơi trên xương hông, để giữ cho ruột hư thối không chảy ra. Quan tài thường sơn gấn rất kỹ, dưới lót bông nẻ, giấy bản, trà búp khô, để nước có chảy ra cũng thấm hết vào. Người ta gấn nắp quan tài bằng sơn sống luyện với đất sét khô tán nhỏ, với bột nếp quấy nhựa xoan, rất kín và chắc để năm bảy ngày, thậm chí có nhà quàn trong đồng cát ở ngoài vườn vài ba tháng mới làm đám đem chôn.

Gỗ tốt nhất dùng làm quan tài là vàng tâm, rồi đến giổi, là hai thứ gỗ có đặc tính thích hợp với sơn, vì gỗ có nhiều dầu giữ cho sơn bền tốt không bong, tróc. Quan tài đã làm bằng vàng tâm hay giổi là để sơn, thường là sơn son, hai đầu chữ thọ và nẹp lan đăng thếp vàng thếp bạc, ít khi sơn cánh gián và sơn then. Thứ gỗ đặc biệt quý nhất để làm quan tài là ngọc am mà người miền Bắc gọi là *pơ-mu*, chỉ vài nơi có. Ở miền Nam, người ta rất ít dùng quan tài sơn, mà dùng gỗ trai, gỗ sao.

Đồ bả khuyết

Đồ bả khuyết (đồ để chèn hòm), ngày xưa có bán sẵn làm bằng giấy nhỏ xếp thành tập dày

năm, mười cm khâu bện lại bằng dây gai, cắt xén thành từng miếng dài rộng lớn nhỏ tùy theo nơi để gói đầu, để chèn hai bên mang tai, trên dưới và hai bên bắp đùi, cổ chân...

Vải dùng để gói bọc thi hài gồm có: tiểu liệm, đại liệm, tạ quan (vải lót quan tài). Các nhà bình dân thường dùng bằng vải mộc, nhà hào phú, quan lại thường dùng toàn nhiễu lụa.

TIẾN HÀNH LỄ TANG

TANG LỄ TẠI NHÀ

Lễ Phạt mộc

Người xưa cho rằng trong chiếc áo quan, đều có "quỷ tinh" lẫn khuất để ám hại người chết và gieo tai hoạ cho tang gia. Vì thế, trước khi làm lễ "nhập quan", người ta phải trừ khử hết lũ ma quái đó đi. *Lễ Phạt mộc* được xúc tiến để làm công việc trừ khử này bằng cách thức là chém vào áo quan ba nhát.

Người ta nhờ một thầy cúng cầm một nắm hương đang cháy, đọc chú, thư phù trên một con dao, rồi dùng con dao này giơ lên chém khẽ ba nhát vào đầu, cuối và cạnh ở bên trong cổ áo quan. Vừa chém, thầy cúng vừa "niệm chú", đại ý câu chú là tổng khử các loài thần trùng, quỷ tinh, ma quái và mọi loại tà ma khác không cho quấy nhiễu người chết và làm hại người sống ở bất cứ tuổi nào hay đi về hướng nào. Thầy cúng có lúc niệm chú khẽ trong họng, lại có lúc quát tháo như dọa nạt, thị uy. Người này cũng dùng những nén hương để

làm phép trong lòng cổ áo quan.

Tục lệ cho rằng, với lễ Phạt mộc, thần trùng và ma quỷ sẽ sợ hãi chạy ra khỏi áo quan, ngoài ra còn có mục đích đuổi các mộc tinh vẫn thường ẩn nấp trong cây gỗ từ khi ở trong rừng cho đến khi cây gỗ bị hạ rồi xẻ đóng áo quan, vẫn còn lẫn quái trong áo quan.

Khi lễ này kết thúc, người nhà còn ném một nắm gạo muối ra đường để tống tiễn hết mọi loại ma quỷ. Ngày nay, người ta cho đây là chuyện mê tín, nên không mấy ai còn tin tưởng duy trì.

Đại liệm, tiểu liệm

Làm bằng vải trắng hoặc lụa. Tiểu liệm gồm một miếng vải dài 14 thước ta (mỗi thước bằng 40 cm), có 3 đoạn vải ngang mỗi đoạn 6 thước ta đặt thẳng-góc với miếng vải chính.

Đại liệm cũng có chiều dài tương tự, đầu xé làm ba dải, vải ngang gồm 5 đoạn. Các đoạn ngang này phải sắp cho vừa với thân người để buộc lại khi liệm từ mảnh thứ nhất ngang đầu và mảnh cuối cùng ngang bàn chân người chết.

Khâm

Làm chôn liệm người chết; mỗi chôn 5 khúc (mỗi khúc bằng 40 cm) vải dài 12 thước. Đại liệm với một chôn, tiểu liệm với một chôn.

Tạ quan

Phải sắm sửa đầy đủ đồ lót trong quan tài. Vải lót quan tài may 8 khổ vải, dài 12 thước; gối lót đầu, hai gối lót hai bên tai, một tấm đệm đầu, hai tấm đệm chân, hai tấm đệm dựa về đùi, hai tấm đệm về chân, tấm che mặt. Tất cả làm bằng giấy bồi trong nhồi bấc.

Liệm xác

Khi chọn được giờ tốt, tang chủ quỳ xuống khóc, người chấp sự quỳ theo và khấn: "Được ngày giờ, xin làm lễ liệm. Cẩn cáo". Tang chủ sụp lạy và đứng lên.

Cởi bỏ dải buộc hàm, chít đầu, phủ mặt bằng một vuông vải hay vóc nhiều màu đen lót hàng màu hồng có dải buộc ra đằng sau gáy, lồng bao tay, đi bít tất và giày. Phải kiêng không để cho nước mắt khóc của con cháu rỏ vào thi hài, sợ sau này trong nhà con cháu sẽ khó làm ăn.

Đồ khâm liệm đặt theo thứ tự trước sau trên chiếu: đại liệm, chẵn đại liệm, tiểu liệm, sau hết là chẵn tiểu liệm, trên cùng là các đồ lót, đệm đầu và tay chân. Người chết được đưa xuống đặt ngay ngắn trên chẵn tiểu liệm. Lót đầu, tai, mình, chân tay cho ngay gọn xong gấp chẵn bên trái trước, bên phải sau rồi gấp dưới chân lên và trên đầu xuống. Sau đó dùng vải tiểu liệm buộc lại theo chiều dọc và chiều ngang.

Xong tiểu liệm đến đại liệm cũng tương tự như vậy. Cuối cùng là đặt người chết lên vải tạ quan chờ nhập quan.

Lễ nhập quan

Được làm ngay sau khi liệm xong. Thân nhân có mặt đứng theo thứ tự xa gần, trên dưới quanh quan tài. Cổ tục định cho con trai đứng bên trái, con gái bên phải người chết. Nâng người chết lên bằng bốn góc tấm vải tạ quan, và đặt nhẹ nhàng vào áo quan. Chỗ trống trong áo quan được dồn đầy bằng quần áo cũ hoặc giấy. Xong xuôi thì gấp vải tạ quan phía trên, phía dưới, trái trước, phải sau. Sau cùng, bôi sơn trên thành quan tài và đập nắp, đóng cá cho chắc. Theo lệ xưa quan tài bao giờ cũng sơn đỏ, được đặt giữa nhà, đầu quay ra ngoài.

Tục ta còn bỏ lịch hoặc các giấy tờ có dấu của vua vào áo quan; có nơi bỏ cỗ bài tổ tôm, hoặc tàu lá gồi.

Trên quan tài để một bát cơm với một quả trứng luộc đặt giữa hai chiếc đũa bông cắm đứng thẳng. Bát cơm tượng trưng cho sự đầy đặn, lòng hiếu thảo. Quả trứng (sau này sẽ là con gà) là dấu tích của việc thờ thần mặt trời.

Con cháu trai rơm ngói hai bên linh cữu, trai bên trái, gái bên phải. Tục đặt quan tài đầu quay

ra phía ngoài có ý nghĩa: người đến phúng điếu sẽ lễ lạy ở đằng đầu chứ không phải lễ lạy ở phía dưới chân.

Thiết linh sàng, linh toạ

Thiết linh sàng là kê giường nằm cho vong hồn người chết. Nhà giàu sang thường bày vẽ kê giường ở phía đông linh cữu, đủ cả màn, chăn gối.

Linh toạ là bàn thờ, bao giờ cũng đặt ở phía trước linh cữu. Trên linh toạ về phía trong nơi giữa đặt bài vị đề chức tước, họ, tên huý, tên thụy, tên hiệu. Thí dụ, cha thì viết: *Bản xã tiên chỉ Tú tài cố phụ Trần Quý công huý... thụy... phủ quân chi linh vị; mẹ thì viết Cố mẫu Lê quý thị huý... hiệu... nhụ nhân chi linh vị.*

Bài vị làm bằng nan tre bẻ khung phát giấy cao chừng bốn mươi centimét, để đứng được vững không đổ, đặt đằng trước hồn-bạch; nhà nghèo khó dán một mảnh giấy trắng dài viết một dòng chữ lên trên một nan tre cắm vào một khúc chuỗi cây để cho khỏi đổ. Bát hương để trước với ba đài rượu phía ngoài, hai bên là đèn nến ống hương, tươm tất hơn thì có mâm ngũ quả và đồ tam sự hay ngũ sự. Phía trước bên trên tường treo bốn chữ viết trên vải trắng căng ngang, cha mất thì viết *Hồ sơn vân ám*, mẹ mất thì viết *Di linh vân mê*. Hai bên là đôi liễn cũng bằng vải trắng, viết lời con thờ cha hoặc mẹ.

Lập linh sàng phải có cuộc tế. Con cháu quy lễ ở phía trước và cũng có văn tế.

Văn tế :

"Năm... tháng... ngày... có (hoặc là ai) từ... vì nay đặt linh sàng kính dâng cơm trầu, nậm rượu cáo vu cố phụ (hoặc mẫu)... chức tước gì... họ gì... phủ quân (hoặc phụ quân), vị tiền viết :

Than ôi !

Thân phụ (hoặc mẫu) đi đâu, bỏ nơi nhà cửa, cây lặng, gió lay, đau đớn nhẽ một phút hơi tàn, tên còn người mất, xót xa thay đôi đường chia rẽ.

Thế mới biết thay đổi cơ trời, mệnh mông trần thế chút tình con cháu đại, chỉ thấy chung phảng phất hồn mây, đèn công bể ái nguồn ân, gọi là thiết linh sàng một lễ, tế cho phải phép tuân theo thói tục đặt bày, mất cũng như còn, đau đớn tác lòng lũ trẻ".

Thiết minh tinh

Minh tinh là một lá cờ lụa đỏ buộc trên một cành tre treo phía đông linh toạ. Cổ lễ định rõ kích thước như sau: quan Tam phẩm trở lên thì minh tinh dài 9 thước ta; ngũ phẩm trở lên; 8 thước; Lục phẩm trở xuống; 7 thước. Chữ viết trên minh tinh màu trắng. Trên cùng ghi "Cố Phụ" (cha) hoặc "Cố Mẫu" (mẹ) kế đến là quan tước, thụy hiệu... sau

cùng là "... chi linh cửu". Tục xưa còn sắp đặt số chữ trên minh tinh sao chọ tổng số là 3, 7, 11, 15, 19, 23, 27... nếu người chết là đàn ông. Và tổng số chữ là 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28... nếu người chết là đàn bà. tức là đếm bằng 4 chữ: "quí", "khốc", "linh", "thính". sao cho chữ cuối cùng của minh tinh trùng vào chữ "linh" (đàn ông" hoặc chữ "thính" (đàn bà) mà tránh chữ "quí", chữ "khốc".

Lễ chúc thực

Khi linh cữu còn quàn trong nhà thì ban đêm khi thân nhân túc trực quanh linh cữu cha (mẹ) con cái làm lễ này để tỏ lòng thương tiếc. Lời khấn trước linh cữu có thể không cần khuôn mẫu.

*... Thiết nghĩ ! Nhân sinh tại thế,
Hoạ mấy người sống tám, chín mươi,
Đôi ba mươi năm cũng kể một đời.
Song vận số, biết làm sao tránh được.
Nhớ hồn thuở trước : Trong buổi xuân xanh.
Ơn cha mẹ đạo cả sinh thành, đêm ngày dạy dỗ:
Đường ăn, nôi ở, việc cửa việc nhà.
Lại lo bên nghi thất, nghi gia
Cho sum họp trúc, mai thấy đoá.
Cương thường đạo cả, lòng những lo hiếu thảo*

đền ơn.

Nếp kiệm cần hằng giữ sớm hôm,

May nối được gia đường cơ chỉ,

Ba lo bảy nghĩ, vất vả trăm bề,

Cho vẹn toàn đường nọ lối kia,

● Tuy khó nhọc chưa cam thoả dạ

Bỗng đâu gió cả, phút bẻ cành mai.

Hoa lìa cây, rụng cánh rơi rời

Yến lìa tổ, kêu xuân vò võ.

Tưởng hồn trường thọ, dìu con em, khuyên
nhủ nên người

Ai ngờ trắng lặn sao đời, hồn đã biến về nơi
Tây Trúc

Từ nay lấy ai chăm sóc, ngô cúc, tường đào

Từ nay quạnh bóng ra vào, cõi Nam, cảnh Bắc

Ngày chầy sáu khắc, đêm vắng năm canh

Tưởng phát phơ thoáng hiện ngoài màn,

Tưởng thấp thoáng bóng hình trên khói.

Hiên mai bóng rọi, vào ngăn ra ngõ.

Hết đợi, thôi chờ, nắng nồng giá lạnh

Ai hay số mệnh !

Thuốc trường sinh, cầu vươg mẫu, chưa
trao

Bút Chú tử, trách Nam Tào sớm định

*Bùi ngủi cảm cảnh, tuôn rơi hàng nước mắt
dầm dầm*

Nhớ nơi ăn, chốn ở, buông nằm :

Như cắt ruột, xát lòng con, trên trần thế

*Máy dòng kẻ lễ. Chiêu hồn về than thở nguồn
cơn.*

*Câu anh linh phù hộ cháu con. Cầu thân Phật
độ trì, cho vong hồn siêu thoát...*

Lễ Triều tổ

Tục xưa coi người đã chết nhưng còn quân trong nhà như người hãy còn sống, vẫn còn có bổn phận với tổ tiên. Mỗi ngày con cháu, thân nhân phải rước hồn bạch hoặc hình ảnh người quá cố đến bàn thờ gia tiên làm lễ một lần.

Trước ngày đưa đám, cũng phải rước vong hồn người quá cố đến từ đường làm lễ yết cáo tổ tiên, như là để cho tổ tiên biết ngày hôm sau sẽ an táng.

Triều Tịch diện

Triều: buổi sáng; tịch; buổi tối. Trong trường hợp có thiết linh sàng, thì tục xưa cho rằng, thân nhân phải làm lễ mỗi buổi sáng, buổi tối, y như lúc người quá cố còn sống. Sáng rước hồn bạch ra linh toạ lấy khăn, nước, lược, gương..., sắp xếp màn gối;

trưa cúng cơm; tối rước vào linh sàng buông màn, đắp chăn... cho đến ngày an táng.

Trong lúc rước hồn bạch ra linh toạ hoặc vào linh sàng đều có nghi lễ, gần tương tự như lễ "thành phục", và cũng có văn tế riêng.

Năm... tháng... ngày... cô tử... mỗ (mẹ, ai tử) vì lễ chiêu diệm (hoặc tịch diệm) cần sửa trầu rượu (hoặc cô thì viết là cụ soạn) mọi vật lòng thành dâng lên cố phụ (hoặc cố mẫu) phủ quân (hoặc nhụ nhân) linh toạ rằng :

Than ôi ! Thân phụ (hoặc mẫu) đi đâu, côi trần vắng mặt :

Sớm tối thăm nom, tìm đâu thấy giọng cười tiếng nói.

Ngày đêm kêu khóc, còn đâu là vật lạ miếng ngon.

Cha ôi ! (hoặc mẹ ôi) Nay đã sáng rồi (hoặc đã tối rồi) là tuần chiêu diệm (hoặc tịch diệm), gọi là chay nhạt bữa thường, chứng cho chút tình lữ trẻ !"

Kèn giải

Lúc linh cữu còn quán tại nhà, gia chủ thường mời phường kèn trống cổ nhạc đến để cử tang nhạc trong những lúc hành lễ.

Phường nhạc phải đứng túc trực bên cạnh linh cữu. Khi có khách tới viếng, phải thổi kèn và nổi

trống cho khách làm lễ. Phường nhạc này dân gian gọi là phường nhạc hiếu. Nhạc hiếu trong tang lễ là các điệu làn khóc làn thảm, làn ai, già nam v.v... nhằm chia buồn, kể lể sự xót xa thương tiếc nói hộ nỗi niềm tình cảm của người đến viếng và tạo nên không khí trang nghiêm. Phường nhạc hiếu thường có những bài riêng, thay lời con khóc cha mẹ, vợ khóc chồng, cháu khóc ông bà, anh chị em khóc nhau... Dân gian có câu "Sống dầu đèn, chết kèn trống" là nghĩa như vậy.

Lời khấn :

Than ôi! Cây thung sương thấm (Mẹ đổi cỗ Huyền)

Non Hồ mây che (Mẹ đổi non Di)

Trời vậy, chẳng phải làm mà cứ làm,

Mệnh vậy, chẳng muốn đến mà cứ đến

Trên thêm Ban y chưa mùa, than dài đạo hiếu còn khuy.

Trước giường thoi diệt đã mang, ngán nỗi ông Xanh sao khiến.

Quần quặn sáu tràng chín khúc

Ba ba hạt luy đôi hàng

Nay nhân : Tang phục chế xong,

Tuân theo thường lễ

Kính dâng phẩm bạc chi nghi

Thức biểu di luân chi nghĩa

Cẩn cáo

Lễ Thành phục

Theo lễ xưa, khi thân nhân chết được 4 ngày mới làm lễ Thành phục (mặc đồ tang phục) vì lễ xưa cho rằng trong mấy ngày đầu tiên, chưa rõ coi là người đã chết. Sáng ngày thứ tư, con cháu, anh em mặc tang phục đứng hai bên quay vào linh cữu, đàn ông phía đông, đàn bà phía tây, theo thứ tự trên dưới để hành lễ. Con trai đội mũ nùn rơm quấn bẹ chuối, mặc áo sô gai, cầm gậy (cha gậy tre mẹ gậy vông), con dâu cũng mặc sô gai thắt lưng ra ngoài bằng dây bện bẹ chuối, áo sớ gấu hoặc không (tuỳ trường hợp còn cha hay còn mẹ) cũng như con gái còn ở nhà, khác con gái đã đi lấy chồng, áo có sớ gấu và không; đầu chít khăn tang. Con rể và anh em mặc áo thụng trắng, chị em quấn vắn khăn trắng với tóc. Thân thuộc đều mặc đồ trắng cả. Ngày nay, nhiều nơi đã bỏ tục lệ chống gậy và thường mặc đồ tang màu đen.

Hiện nay tục thường cho mặc tang phục ngay. Nếu theo Phật giáo thì thân nhân mời các tăng ni đến tụng kinh; nếu theo Thiên Chúa giáo thì họ hàng thân nhân đều đọc kinh cho người quá cố, có khi luôn vài ngày trước khi an táng.

Nằm đất

Đây là tục của miền Nam thuở trước (ở miền Bắc có tục con gái, con dâu lăn ra đường). Khi cha

mẹ chết, con cháu có tang phải ăn chay nằm đất, nghĩa là ăn đạm bạc và phải xuống đất mà nằm để tỏ lòng báo hiếu và buồn khổ.

Lúc linh cữu còn quàn tại nhà, các con cháu phải nằm đất (không trải chiếu) ngay phía dưới và cạnh linh cữu khi ngủ, nhất là con trai và các cháu trai nội. Lúc linh cữu được di chuyển đi an táng, dọc đường, con cháu phục nằm xuống đất san sát nhau để khiêng linh cữu đi qua bên trên, cho dù đường đất có bẩn đến mấy cũng mặc.

Ngoài ra, các con trai phải đứng hầu quan tài, cạnh bàn thờ. Ngày nay, một số nơi vẫn còn giữ nghi thức này. Người ta giải thích việc này là như hầu người còn sống. Thực tế cũng có nghĩa là đứng canh chừng không cho chó, mèo, chuột lại gần vào ban đêm và cũng đừng đợi khách đến phúng viếng, lo vái trả lễ.

Phúng điếu

Khi có thân nhân qua đời, việc tiếp đón khách khứa đã được giao phó cho người hộ tang. Theo lễ xưa, khi chưa thành phục, nghĩa là chưa mặc tang phục, thì người chủ tang chưa được phép tiếp khách. Nếu khách đến phúng điếu muốn vào làm lễ, tang chủ phải tiếp đón và lễ cáo trước vong hồn người chết. Khi khách làm lễ, tang chủ đứng bên bàn thờ hoặc linh cữu phải đáp lễ, vái lại khách

một nửa số vái mà khách đã lễ người quá cố.

Về phần người đến phúng điếu, lễ xưa có qui định như sau:

Dang có trọng tang không nên đi phúng điếu

Phúng điếu là sự thăm hỏi, giúp đỡ. Có giúp vàng ngọc gọi là lễ hàm; giúp chăn áo tẩm liệm là lễ tụy; giúp tiền bạc gọi là lễ phụng; giúp xe ngựa cho đám tang là lễ phúng; cúng hương đèn tửu quả là lễ điếu.

Theo Kinh Lễ, "tri sinh giả điếu, tri tử giả ai" - nghĩa là chỉ quen người sống thì đến điếu mà không khóc; quen biết cả người chết thì có khóc.

Khách đến lễ, nếu linh cữu còn quàn tại nhà thì chỉ lạy 2 lạy theo lễ với người sống. Nếu chôn cất xong rồi, mới lạy 4 lạy trước bàn thờ.

Văn ai điếu người chết xưa có định 2 loại: lỗi văn và văn ca. Lỗi văn kể công đức và khen ngợi người chết, cũng gọi là hạnh thuật, hạnh trang. Theo lễ xưa, người dưới không được làm lỗi văn cho người trên. Nguyên tắc này có thể áp dụng cho các điếu văn. Thời xưa, lỗi văn thường do các bậc lão thành có quan tước làm theo lời yêu cầu của tang gia. Còn văn ca là bài ca nói lên nỗi thương xót người quá cố.

Người Việt thường có lệ phúng viếng bằng câu đối, trướng liễn. Người đi phúng điếu nếu còn cha

mẹ thì trên đối tượng ở dòng lạc khoản, trước tên mình phải đề rõ "Thừa phụ mệnh" hoặc "Thừa mẫu mệnh" (nếu chỉ còn mẹ), ngụ ý việc phúng điếu đó đã được cha hay mẹ cho phép.

Chọn đất làm huyệt mộ

Ngày xưa người ta rất kỹ trong vấn đề chọn đất vì họ cho rằng nó sẽ ảnh hưởng đến sự phát đạt, hưng thịnh cho con cháu dòng họ về sau. Chính vì sự tin tưởng này mà trước khi an táng ông bà cha mẹ, tang gia bao giờ cũng chọn ngôi huyệt rất cẩn thận và cũng chính vì vậy, những người khá giả thường xây sinh phần để khi nhắm mắt, con cháu đã sẵn có nơi chôn cất khỏi phải tìm kiếm.

Theo sách địa lý cổ, ngôi huyệt đúng đất gọi là "huyệt trường", phải có "tiền án", "hậu án", "tả long", "hữu hổ", tức là có những mô đất cao thấp tượng trưng cho án huyệt, ao nước, tay long, tay hổ. Ngoài ra, trước huyệt phải có "minh đường thủy tụ", phía sau phải có "long mạch thu thúc", phía ngoài phải có "bàng sa triều củng", cốt phải có "tụ khí tàng phong". Những thầy địa lý xưa phân biệt ngôi huyệt tốt xấu theo các mô đất. Ở đây "thượng nhất thốn vi sơn, hạ nhất thốn vi thủy", nghĩa là đất cao hơn một tấc là núi, thấp hơn một tấc là nước.

Huyệt dùng cho việc "hung táng", nghĩa là

chôn người mới chết, tuy có lựa chọn nhưng cũng không kỹ lưỡng bằng khi chọn huyệt "cát táng", khi cải táng. Ngôi huyệt lúc cải táng mới là ngôi huyệt vĩnh viễn.

Lễ cáo long thân thổ công trước khi đào huyệt :

Kính lạy Bản cảnh hậu thổ thần linh chư vị :

Xin kính cáo : Hôm nay là ngày... tháng... năm... tang chủ là.. người xã... huyện... tỉnh...

Nay có táng cố phụ (hay cố mẫu) là... họ... huy hiệu... tiền tước là... thọ chung ngày... ở khu đất này, kính dâng lễ vật... lễ nghi các thứ.

Thiết nghĩ : Đất có dữ lành. Đều do họa phúc. Kết phát dựa vào âm đức. Cũng nhờ thần lực hiển linh. Ấy thực thường tình. Xiết bao cảm cách. Những mong mồ yên mả đẹp. Vây dâng lễ bạc lòng thành. Nhờ ơn đại đức. Thấu nỗi u tình. Khiến cho vong linh. Được yên nơi chín suối. Phù hộ dương trần con cháu nội ngoại bình yên.

Cẩn cáo

LỄ AN TÁNG

Chuyển cữu và lễ yết tổ

Trước khi đem linh cữu đi an táng vài ba giờ hoặc nửa ngày, hoặc vào buổi sớm hoặc vào ban đêm, người ta làm *lễ chuyển cữu*, nghĩa là xoay linh cữu, Nguyên lễ là rước quan tài sang châu tổ miếu (hay nhà thờ gia tộc), nhưng nhà chật hẹp không mấy người rước quan tài, chỉ có rước hồn bạch, nhà đại gia thì phong áo mũ đại trào rước sang.

Thủ tục khiêng linh cữu và hồn bạch tới nhà thờ tổ gọi là *lễ yết tổ*, nhằm mục đích để người chết tới cáo yết tổ tiên. Khi rước linh cữu hoặc rước hồn bạch sang nhà thờ tổ, người trưởng tộc thắp hương khấn với tổ tiên để báo tin người chết tới yết tổ. Chủ tang và con của người chết vào làm lễ cáo yết thay người chết *lễ bốn lạy* không cầm gậy, rồi lùi xuống một bước cầm gậy lên, *lễ bốn lạy nữa* (bốn lạy sau này là lạy cho bản thân mình). Xong lại rước hồn bạch, hay linh cữu về linh tọa.

Lễ yết tổ có trâu rệu. Nhà đại gia thường, có ban nhạc lễ tư văn trợ tế.

Những nhà không có nhà thờ tổ tiên riêng biệt thì tang chủ thường dâng trầu rượu, lễ khấn gia tiên, và khiêng xoay linh cữu một vòng rồi lại đặt về nguyên chỗ cũ, với ý nghĩa như người chết có hành động đi yết tổ.

Chuyển cữu thì phải do chính con cháu trong nhà đích thân bắt tay vào khiêng.

Cáo thân đạo lộ

Vào ngày đưa đám, trước khi rước linh cữu lên đường, người ta làm lễ cáo thân đạo lộ, để cho đám tang đi được thanh thản.

Cáo thân đại lộ có, lễ trầu rượu, oản quả hay lễ mặn tùy tâm thường có thêm vàng, hương, một đĩa xôi, một thủ lợn hoặc chân giò hay con gà. Nhà giàu lập hương án đặt nơi đầu ngõ tế một tuần rượu. Có thể cử người đại diện, tang chủ không phải đích thân hành lễ.

Phát dẫn

Còn gọi là "đưa đám". Thông thường dân gian thường xem ngày giờ để chôn cất, nhiều khi để chậm lại một, hai ngày. Sau khi người thân lạy khóc, người chấp sự hô: "Được ngày giờ, xin rước linh cữu lên đường".

Nghi trượng đám tang

Nghi trượng một đám tang theo lễ xưa gồm nhiều thành phần như sau:

- *Phương tượng*: 4 hình người cầm binh khí dẫn đường, đồ mã nan tre phát giấy bốn mặt, hình dung dữ tợn cầm khí giới chuyề đồng. Có nhà muốn người vẽ mặt đeo râu, xoã tóc, mặc áo phùng tuồng cầm gươm giáo tượng hình phương tượng, đi dẫn đầu.

- *Cờ Đan triệu*: Trên viết hai chữ Trinh Thuận (đàn bà) hoặc Trung Tín (đàn ông)

- *Thẻ kỳ*: Là bức hoành bằng vải trắng đề 4 chữ "Hổ Sơn vân ám" (nếu người quá cố là cha) hoặc "Dĩ Lĩnh vân mê" (người quá cố là mẹ). Hai bên có đèn lồng ghi chức tước, danh hiệu người chết.

- *Minh khí*: Đồ mã theo tín ngưỡng thời xưa.

- *Minh tinh*: là tấm lụa đỏ dài hơn bốn mét căng trong một cái khung làm như hình một chiếc thềm môn tám cột bốn mái cong, đặt trên một chiếc án hai đòn dọc bốn người khiêng, cao ngất nghểu chằng buộc công phu. Trên tấm lụa viết tên húy, tên hiệu, tên thụy của người mất, theo cách kể "quý, khốc, linh, thính" sao cho chữ cuối cùng không đứng vào hàng chữ "quý, khốc" là được. Nếu chạm vào hàng chữ Quý hay chữ Khốc thì phải liệu xếp đặt bỏ đi hay thêm lên một hay hai chữ cho được gặp Linh hoặc Thính, bớt đi hay thêm chữ vẫn phải giữ cho lời văn được chỉnh. Minh tinh bao giờ cũng viết chữ trắng, không viết mực đen chữ viết rộng bề ngang, hẹp bề dài. Những người làm quan to, trên minh tinh viết cả chức tước,

phẩm hàm nên nhiều khi rất dài. Đối với người nghèo, nhiều khi chỉ dùng một tờ giấy điều, cắt 3 dải phía dưới, để chữ trắng, buộc lên một cành tre lớn (cành phan) do một đứa trẻ mang đi đầu đám tang.

Hương án: Bày giá gương, độc bình, mâm ngũ quả và đồ tam sự; tiếp đó là mâm bày lợn quay, xôi hay bánh trái (ngụ ý thay cho lễ tam sinh)

Thực án: Trên có bày tam sinh (lợn, dê, gà quay), bánh trái.

Trướng đối của con cháu thân thuộc và bạn hữu phúng, đều căng lên trục và đem đi rước. Ở thôn quê, trướng đối thường là vải trắng chữ viết mực đen.

Linh xa đi sau, bốn người khiêng, tựa như long đình nhưng không sơn thếp lộng lẫy, trong để hồn bạch với bát hương bình hoa và đèn nến. Đằng trước là đồ minh khí (đỗ mã) đủ cả biển đèn làm theo kiểu bát bửu. Phờng bát âm đi trước mặt. Đi liền kề hai đầu đòan linh xa là biển đàn triệu phát giấy, dàn ông đề hai chữ "*Trung Tín*", dàn bà đề "*Trinh Thuận*" hoặc "*Trinh Tiết*".

Cờ công bố: Là 3 mảnh vải trắng treo trên cành đi trước, dùng làm hiệu cho những người khiêng linh cữu biết mà đi cho đều bước trước các khúc đường cao thấp gồ ghề.

Sau cờ công bố là các nghi trượng như mũ áo đại triều, kiệu phong của người chết, cờ hiệu, tán, long, v.v... kể đến là kèn trống, tang nhạc các loại.

Đại dư để linh cữu đi sau cùng. Nhà giàu thường làm đồ mã tượng hình thuyền bát nhã lồng vào đòn khiêng và nhà táng che phủ quan-tài. Những đồ mã này có nhiều con giống, nhiều hình người nhỏ bé nhồi bông đủ cả râu ria áo mũ...

Thông thường, linh cữu chỉ cần 8 - 10 người khiêng gọi là đô tụy. Họ làm theo tiếng sênh của người chấp hiệu nhịp nhàng thông thả, từ việc bắt tay vào đòn khiêng, đến việc lên tay, lên vai, rồi nhấc chân đi, đứng, dừng lại, đổi vai... nhất nhất đều nhịp nhàng. Dân gian có tục giữ cho thi hài người chết như được nằm yên. cho nên khi di chuyển cần phải nhẹ nhàng, thậm chí có nơi cố khiêng dềnh dàng. thể hiện sự lưu luyến với người đã khuất.

Con cháu đi theo linh cữu, con trai đều mũ gậy, người nào vắng thì mũ gậy quàng buộc trên đầu đòn, đưa đám cha thì chống gậy tre để tròn, đưa đám mẹ thì chống gậy vòng đẽo vuông.

Thành phần dự đám tang

Gồm có trước hết là người chủ tang và các thân nhân trong hàng ngũ phục có để tang người quá cố đi sau đại dư theo thứ tự trước sau. Sau đại

dư có bạch mạc là một cái màn che (còn gọi là phương du). Thân nhân trong hàng ngũ phục đều đi trong bạch mạc.

Tục lệ Việt Nam: "cha đưa, mẹ đón", nên nếu người chết là mẹ, các con trai phải chống gậy đi giạt lùi trước đại dư; nếu là cha, thì chống gậy đi theo sau. Điều này ngụ ý cha nghiêm (nghiêm đường, nghiêm phụ) con chỉ biết lẻo đẻo theo khóc, không dám lên phía trước đón ngăn lại trên đường vĩnh biệt như đối với mẹ hiền (gia từ, từ mẫu). Con dâu con gái và những phụ nữ thân thuộc gần gũi đi dưới *Bạch mạc*, căng vuông, trên đầu có diềm buông cao bốn bề, để che mưa nắng. Con dâu trưởng và con gái thường nằm ngang đường, thỉnh thoảng lăm vài vòng, gọi là *lăn đường*, đô tùy khiêng đại dư phải liệu tránh hoặc bước qua.

Quanh linh cữu có những người thân thích đi kèm đại dư hoặc ngồi hai bên linh cữu gọi là hộ tang. Có khi 4 góc đại dư buộc 4 sợi dây, có người cầm gọi là chấp phát.

Sau thân nhân ngũ phục là đến các bậc tôn trưởng và họ hàng không tang, cuối cùng là quan khách, bằng hữu, cháu chất đi theo linh xa, không đi theo linh cữu.

Trong khi đám tang đi trên đường, còn có lệ rắc các thoi vàng giấy, giấy tiền dọc bên đường vì tin rằng ma quỷ bám quanh quan tài, nhờ tiền và

vàng giấy tống tiễn chúng để nhẹ bớt dễ đi.

Các đám tang theo nghi lễ Phật giáo còn có đoàn thể phật tử đi đưa, có các bà vải cầm phướn đi dưỡng dục hai bên, đọc kinh niệm Phật, gọi là đi hộ phúc, có sư mặc áo cà sa tay gõ mõ, miệng tụng kinh cầu nguyện cho linh hồn được siêu sinh tịnh độ. Nếu người chết đã qui Phật thì các vải đội cầu bát nhã làm đường cho vong hồn đi sang Tây thiên. Nhà sư và các vải cầm phướn, đội cầu bao giờ cũng đi trước linh xa dẫn dắt vong hồn đi. Các đám tang theo nghi lễ Thiên Chúa giáo cũng có các hội đoàn hàng xứ đi theo đọc kinh cho linh hồn người quá cố.

Phường tuồng dẫn đường trị huyệt

Tại vài đám tang, đi đầu không phải là hai *phường tuồng*, mà có mấy kếp hát, mặc quần áo như lúc diễn tuồng - đó là *Phường tuồng dẫn đường trị huyệt*, gồm năm người, bốn người đóng vai thiên tướng trấn giữ bốn góc Đông, Tây, Nam, Bắc, một người đóng vai "Thần hổ", đội mũ đầu cọp.

Thần hổ và bốn thiên tướng đi đầu đám vừa đi vừa có những điệu bộ nhảy tiến và miệng ê a hát. Thần hổ và Thiên tướng dẫn đường đám tang để trừ ma quỷ. Thần hổ và bốn Thiên tướng khi tới huyệt đọc chú, dùng điệu bộ vẽ bùa ở ngay huyệt và xung quanh huyệt.

Khi tới huyết, thân hổ nhảy xuống lòng huyết, thám thính khắp tứ phía, có khi gặm thét, trong khi bốn vị Thiên tướng múa, đọc chú và đi quanh huyết. Sau khi đã vẽ bùa ếm khắp nơi, năm người đóng vai trị huyết này đều phải vội vã bỏ ra về, và phải đi mỗi người một đường, và theo con đường khác con đường lúc đi.

Nhà trạm và lễ *Đề chủ*

Nếu đưa linh cữu đi đường xa thì cần có những trạm *trung đồ*. Linh cữu dừng lại trạm này cho mọi người nghỉ ngơi và làm lễ tế điện. "Trung đồ" có nghĩa là giữa quãng đường kể từ nhà đến huyết mộ. Nhà giàu thường hay làm trạm này để cho việc đưa linh thêm phần trọng thể. Thường nhà trạm làm bằng chiếu tre, phủ vải, mái lợp cót, kết hoa treo đèn, hoành phi đối liễn, chầu cảnh.

Đám táng dừng lại đây gọi là *đình cữu* và sẽ có một lễ gọi là lễ *Đề chủ*. "Đề chủ" là đề lại cho đúng Thần chủ, tức là bài vị ngày nay. Lễ tế này cũng có ban tư văn hành lễ với đủ nghi thức thường lệ, sau một tuần rượu thì dâng cơm. (Tuy nhiên người ta thường để chôn cất xong mới đề Thần chủ).

"Thần chủ" là một miếng gỗ mỏng cỡ vài ba phân hình chữ nhật, gắn trên một đế vuông.

Mời quan đề chủ thường kén người đỗ cao hơn

nếu người chết có chân khoa bảng, kén người phẩm tước cao hơn nếu người chết đã làm quan.

Đề chủ rồi, quan phụng chủ bưng đặt lên linh xa thay vào hồn bạch và bài vị giấy được đem đốt đi. Tang chủ lạy tạ ơn quan đề chủ hai lạy một vái.

Văn tế :

"Cáo vu hiển khảo mỗ (mẹ là hiển tử) vị tiên than rằng :

Bóng thỏ mờ sương, chồi thung đượm tuyết (mẹ là chồi huyên)

Trời già độc địa, khôn đem tác cỏ đèn bồi,

Giọt lệ chứa chan, cam chịu thân hôn biếng nhác.

Nay sắp mô yên, mả đẹp, côi trần hoàn khôn thấy hình dung

Mượn màu son đỏ mực đen, đề thần chủ ghi tên họ.

Thôi từ nay :

Âm dương xa lánh côi trần, muôn thuở tìm đâu thấy mặt

Thụy hiệu sẽ về tử lý, trăm năm chứng giám tác lòng

Lễ đề thần chủ xong, đám táng lại tiếp tục lên đường đi tới chỗ hạ huyệt.

Lễ hạ huyệt

Đến chỗ hạ huyệt lại có một trạm nữa dùng để

đặt linh cữu khi dừng lại để tế hạ huyết, trạm này gọi là *Trạm tế huyết*, nếu đã có trạm tế huyết thì bao giờ cũng làm lễ tế Thần chủ tại đây.

Trước khi hạ huyết, người ta phải làm lễ cúng "Thổ thần" để xin phép được an táng người chết tại nơi đây. Lễ cúng Thổ thần cũng giống như lễ cúng "Đạo lộ thần" gồm có trầu rượu, vàng, hương và đĩa xôi, thủ lợn hoặc chân giò, gà... bày trên một án đặt theo chiều hướng thuận lợi.

Một người đại diện tang chủ làm lễ. Nhà nghèo thì coi trầu bầu rượu trong một chiếc khay đặt trên một nắm đất gần đấy, cũng đèn nhang khăn vái nhưng không tế. Đối với nhà giàu, cúng Thổ thần cũng như có văn khấn riêng. Muốn cho long trọng hơn, một đôi khi người ta cũng có đọc văn tế.

Cúng Thổ thần xong, linh cữu mới được hạ huyết. Huyết đã đào theo hướng thầy địa lý chỉ bảo. Đợi tới giờ hoàng đạo, người ta mới đặt linh cữu xuống gọi là *hạ huyết*. Lúc đó thầy địa lý dùng la bàn gióng hướng phúc lại cho đúng.

Người ta trải "minh tinh" lên trên linh cữu một lát rồi đem ra phương Bắc đốt, ở nhiều nơi, người ta thường chôn theo luôn với linh cữu. Thời xưa, khi đốt, nhiều người hay chờ đợi tranh nhau xé "minh tinh" để đem về vụn như vụn bùa cho trẻ con đeo lấy "khước", nếu người chết là bậc lão đại phúc hậu.

Trong lễ hạ huyết, có khi người ta còn đọc điệu văn. Để tỏ lòng thương kính trước khi lấp đất, thân nhân bằng hữu cùng nhau mỗi người ném xuống huyết một hòn đất. Đám tang của phật tử, khi hạ huyết có tụng ni tụng niệm. Sau khi huyết đã lấp rồi, các bà bạn cùng đi chùa với người quá cố mỗi người cầm một nắm hay một cây nhang, tụng kinh niệm Phật đi quanh mộ, rồi mỗi người cầm một hòn đất ném vào mộ gọi là "*dong nhan*"

Sau khi huyết đã lấp thành mộ, những tràng hoa tươi bỏ lại mộ, còn những đồ phúng điệu khác được đem về nhà treo trên tường, ở trên và chung quanh bàn thờ.

Thời xưa, bát cơm cúng đặt trên nắp linh cữu được người ta tranh nhau cướp lấy đem cho trẻ em ăn để tránh khỏi sài đẹn, đau yếu.

CÁC NGHI THỨC SAU LỄ AN TÁNG

Tế Thành phần

Lắp huyết đắp mồ xong, kể từ lúc này trở đi thì mới lấy đạo thờ người chết, khác hẳn lúc linh cữu còn quàn trong nhà, phúng viếng chỉ lạy có hai lạy vì coi như người còn sống, bây giờ làm lễ phải bốn lạy một vái. Bà con bạn hữu đứng trước mộ vái từ biệt, con cháu mỗi lần cúi đầu vái đáp lễ, không phải lạy.

Trong lễ Tế Thành phần, cũng với nghi thức như các cuộc tế khác, và con cháu phải lễ bốn lạy một vái. Tế thành phần xong thì con cháu ra về.

Văn tế :

"Năm... tháng... cô (hoặc ai) tử vì đã thành phần, kính dâng lễ bạc cáo cùng Hiền khảo (hoặc tỷ)... phủ quân (hoặc nhụ nhân) trước mộ khóc mà than rằng :

Mây bạc, bay mù thôn dã, khôn lường tạo hoá, khéo xoay vần

Biển xanh, đắp đổi ngàn dâu, dễ tỏ cơ trời, khi

khép mở.

Cõi trần ai, sống thác là thường ;

Song cơ biến, đổi thay cũng dở.

Người về cõi Phật, ngán nỗi duyên do,

Con ở miền trần, chạnh lòng thương nhớ.

*Âm dương cách nẻo, bổng chốc, ngàn thu trong
một phút, nhìn qua đồng đất dạ rầu rầu ;*

*Trời đất xa vời, đã đành, ba thước định trăm
năm, cảm đến ân tình, lòng bõ ngỡ.*

Rày nhân ; má đắp lưng trâu ;

Nền xây sườn ngựa.

*Gối quỳ dâng, kim bôi ba chén, luống những
ngậm ngùi,*

*Mắt trông thấy, thổ nhượng một gò, lo còn lỗ
chờ*

Thôi, thời thôi !

*Mộ phần nay đã đắp xong, xót thay âm
dương cách trở, đành ngóng trông ngọn cỏ, biếc
rồi xanh ;*

*Hương hồn xin hãy trở về, gọi là khuya sớm
phụng thờ, đành hướng vọng ngàn mây, than lại
thở.*

Than ôi ! Xin hưởng.

Rước về

Lúc ra về, thân chủ hoặc hồn bạch được rước lên xe. Một người trong trong hiếu chủ dẫn trước linh xa, còn những người khác theo sau. Đám táng đi một đường về một nẻo, theo thứ tự như lúc đi.

Tới nhà, con trưởng hay thừa trọng tôn bưng thân chủ từ linh xa vào đặt nơi bàn thờ, con cháu làm lễ An vị (yên chỗ) bốn lạy một vái. Có nhà lại còn bày về thêm lễ tế An vị, vẫn có ban tư văn trợ tế. Bàn thờ thiết lập nơi trang trọng nhất ở trong nhà. Nếu nhà có bàn thờ gia tiên ở gian giữa thì phải lập bàn thờ vong ở gian bên, không được thờ chung. Phải đợi hết tang mới có thể rước sang hợp tự.

Lễ hồi linh (khán khi rước ảnh hoặc linh vị từ mộ về)

... Than ôi ! Xót nghĩ phụ thân (hoặc mẫu thân)

Thân thi táng tất - Hồn phách đã yên.

Xa nơi trần giới - về chốn cửu nguyên.

Nay hồi linh, phụng nghênh thân chủ - rước về linh diên

Để con cháu sớm hôm phụng sự - Tới hạn kỳ làm lễ cáo thiên.

Cha (hoặc mẹ) hồi có thiêng ! Từ nay phách định hồn yên !

Cẩn cáo

Lễ Phản khốc

Khi linh xa về tới nhà, một người chấp sự đến bên quỳ xin rước thân chủ hoặc hồn bạch vào linh toạ, các hộ lễ rước vào, rồi làm lễ Phản khốc. Trong lễ này, bản chúc đọc lục tế Đề chú được đem đốt đi. Có nhà không làm lễ Phản khốc, con cháu vào lễ bốn lạy.

Lời khấn :

*Than ôi ! Thân phụ (hoặc mẫu) đi đâu bỏ rơi
trần thế.*

Mồ yên mà đẹp, di hài đã tìm được chốn đất lành!

*Hôm mai thăm viếng, chốn từ đường đâu dám
trễ lòng,*

Công đức cao dày, trên linh toạ chứng cho bạc lễ

Tế Ngu

"Ngu" có nghĩa là Vui: Có 3 lần tế để an thân người quá cố: 1/. Ngày an táng tế lần đầu là *sơ ngu*, tổ chức ngay hôm đưa đám trở về. 2/. Qua ngày hôm sau tế thêm một lần nữa, gọi là *tái ngu*. 3/. Và tới ngày thứ ba gọi là *tam ngu*. Mục đích của tế ngu là cốt để cho hồn phách người chết được yên ổn ở nơi suối vàng.

Tế Ngu nhiều chi tiết phức tạp hơn tế Thần. Chủ tế là con trưởng hay thừa trọng tôn đứng hàng đầu (mỗi cử động đều phải theo người tướng

lễ đi bên cạnh hướng dẫn). Con cháu xếp hàng hai bên, nam tả nữ hữu, con dâu, con gái, cháu gái ngồi xếp gồi dưới đất (không bao giờ trải chiếu), dâu trưởng ngồi hàng đầu. Ban tư vấn cử người tốt giọng đọc văn tế.

Lời tế :

... Than ôi ! Trên toà Nam cực (khóc mẹ đổi là : Bảo vụ), lác đác sao thưa ; Trước chốn Giao trì, tờ mờ mây khoá.

Cơ tạo hoá, làm chi ngang ngửa thế, bóng khích câu, khen khéo trêu người ; Chũ cương thường, nghĩ lại ngậm ngùi thay, tình hiếu điều, chưa yên thoả dạ.

Ôn nuôi nắng, áo dày cơm nặng, biển trời khôn xiết, mây công lao ;

Nghĩa sớm hôm, áp lạnh quạt nồng, tơ tóc những hiềm, chưa báo trả.

Ngờ đâu ! Nhà Thung (mẹ là : Huyền) khuất núi, trời mây cách trở muôn trùng ;

Chôi Tử mờ sương, âm dương xa vời đôi ngả.

Trông xe hạc, lờ mờ ả bóng, cảm cảnh cuộc phù sinh chưa mấy, gót tiên du, đã lánh cõi trần ai ;

Rồi khúc tầm, áy náy trong lòng, thương thay hồn bất tử về đâu, cửa Phật độ, biết nhờ ai hiện hoá.

Suối vàng thăm thăm, dáng phụ thân (hoặc mẫu thân) một bước lià khơi,

Giọt ngọc đầm đìa, đàn con cháu, hai hàng lã chã.

Lễ sơ ngu (hoặc : tái ngu, tam ngu) theo tục cổ, trình bày ;

Nhà đơn bạc, biết lấy gì, đóng dĩa.

Đành đã biết : đất nghĩa trời kinh, nào chỉ ba tuần nghi tiết, đủ lễ báo đền ;

Cũng gọi là : Lưng cơm chén nước, hoạ may chín suối anh linh, được bề yên thoả.

Ôi ! Thương ôi ! Thượng hưởng.

Còn một điều đáng chú ý nữa là : khi làm lễ tế ngu ở sơ ngu, tức là ngày lễ đầu sau khi an táng về, con cháu phải vào lễ Tổ, nơi thờ ông bà nội hoặc cụ nội ; để yết cáo với tổ tiên. Đây là một thủ tục có tính cách "đi phải thưa về phải trình" với người trên.

Lời khấn :

Hôm nay ! Ngày... tháng... năm... hậu duệ tôn là... (vâng lệnh thân mẫu và các chú) cùng với chị gái, anh rể các em trai gái dâu rể con cháu nội ngoại. Kính cáo tổ tiên :

Vì có : Hiển Khảo (hay hiển tử)... thọ chung ngày... nay đã an táng xong, làm lễ hồi linh.

Kính theo lễ nghi phong tục, xin kính dâng lễ vật gồm... gọi là lễ bạc lòng thành.

Kính cầu nguyện trước linh vị của : Hiển cao, tăng, tổ khảo tổ tử, liệt vị tiên linh. Trình thưa rằng :

Vật vốn nhờ trời - Người sinh nhờ tổ. Xót nay phụ thân (hoặc mẫu thân). Theo tiên tổ - Sơ ngu vừa đặt tế diên, nghĩ trước nghĩ sau - Vật mọn kính bày lễ số.

Ngửa trông chứng giám lòng thành :

Cúi nguyện phù trì bảo hộ.

Ngoài ba lần tế ngu, đến bữa ăn, các con cháu cũng có lễ cúng cơm dâng người đã khuất.

Áp mộ và viếng mộ

Trong ba ngày sau khi mới chôn, vào mỗi buổi chiều, con cái đem cơm trầu đến mộ thắp hương mà khóc lóc gọi là "áp mộ", có ý nghĩa là đem hơi nóng của tình thân gia đình làm cho mộ đỡ lạnh lùng. Đến ngày thứ ba, con cháu đắp sửa lại ngôi mộ cho tốt đẹp hoặc làm nhà mộ.

Ngày này có làm cỗ bàn mời bà con thân thuộc. Lễ này gọi là cúng "mở cửa mả".

Việc đi viếng mộ này không bắt buộc phải đi đông đủ con cháu tang gia, mà chỉ vài ba người cũng được, nhưng bao giờ cũng phải có trưởng nam hay thừa trọng tôn.

Cũng từ đó, ngày nào cũng phải cúng cơm một hoặc hai buổi cho đến trăm ngày. Có nơi, người ta cúng cơm đủ có ba năm, cho đến hết tang.

CÁC LỄ TRONG THỜI KỲ TANG CHẾ

Bàn thờ những người mới chết

Những người mới chết bao giờ cũng được lập bàn thờ riêng, ở ngay tại nhà thờ, hoặc ở một gian nhà ngang.

Bàn thờ chỉ gồm một bát hương, một bộ đài, rượu, lọ hoa và bài vị. Ngày nay, ngoài bài vị thường có thêm bức ảnh. Tại các bàn thờ này có treo đối xứng, hoặc của chính gia chủ hoặc của người thân thuộc bạn bè phúng viếng.

Cúng bảy ngày

Kể từ ngày chết. Cứ bảy ngày lại có một lần cầu siêu và cúng cơm. Tăng ni được mời tới nhà tụng kinh, hoặc cũng có thể xin làm lễ tụng kinh tại chùa.

Buổi tụng kinh sau bảy ngày đầu tiên gọi là *Sơ thất*, tuần thứ hai tiếp theo gọi là *Nhị thất* rồi *Tam thất*... tới lần thứ bảy gọi là *Thất thất* được coi là lần cuối cùng cho nên cũng được gọi là *Chung thất*, hoặc *Tứ cửu*. Khi tụng kinh tại chùa, thì

trong các ngày tuần từ Sơ thất tới Chung thất, người ta rước hồn bạch hoặc Thần chủ (nay là ảnh chân dung người chết) lên chùa. Đến Chung thất là tuần sau cùng, con cháu tang gia cúng tại nhà có tế lễ, còn mang lên chùa thì có làm chay để tụng kinh sám hối, có khi kéo dài đến ba ngày đêm để vong hồn người khuất được siêu thăng tịnh độ. Lại có nơi làm lễ "49 ngày", lễ này kéo dài tới bảy ngày đêm liền. Phật giáo quan niệm rằng, tuần Chung thất này rất quang trọng, là đưa hương hồn người chết lên chùa để nương cửa Phật.

Làm chay Chung thất

Việc làm chay Chung thất cũng như đàn chay cúng vào dịp tết Trung nguyên để cầu siêu độ cho tổ tiên, đàn chay gồm có: Tam bảo đặt trên cùng, hoặc có khi là ba bình hương thay thế. Kế đến là tượng Tam phủ, (tượng Thiên phủ, Địa phủ và Thủy phủ). Ở giữa là tượng Đức Thích Ca và hai bên tả hữu có tượng Thiên quan và Thành hoàng. Hai bên có Thập điện Diêm Vương; Ở giữa về phía dưới là Địa ngục. Dưới cùng là bàn thờ chúng sinh; Trước bàn thờ là *đàn mông sơn* dựng cao lên để chủ lễ làm dấu hiệu siêu sinh cho hương hồn người chết.

Lễ làm chay có nghi thức sau. ; *Lễ Phật* để cầu sự từ bi hỉ xả; *Lễ Tam phủ* để xin xoá bỏ tội lỗi; *Lễ*

cầu vong tức là lễ yêu cầu vong hồn người chết nhập vào một người đồng để cho biết ý muốn của vong; *Lễ phá ngục* để mở cửa ngục tha các tội nhân; *Lễ giải oan* cắt đoạn để sửa chữa tội lỗi cũ và dứt bỏ dây oan nghiệt; *Lễ phóng đăng phóng sinh* tức là thả đèn và thả chim lên trời hoặc cá xuống sông. Lễ này để chuộc tội cho vong; *Lễ cúng cháo* để bố thí cháo và thức ăn cho chúng sinh.

● Làm chay tại chùa, có khi bày đàn làm chay ở nhà nơi trung thiên. Làm chay đủ lễ thường phải bảy đêm ngày mới xong. Đàn-tràng bày trên hết thờ Phật, dưới là thập điện Diêm Vương, rồi đến các thần linh.. Lễ cũng *trên chay dưới mặn*.

Xưa tục lệ tin rằng, có người chết phải "giờ xấu chạm tuổi" thì có trùng. Người chết sẽ bị trùng tra khảo, dẫn về nhà bắt người thân thích, cần làm chay cúng lễ trừ trùng.

Văn tế tuần chung thất (49 ngày)

Hôm nay ngày... tháng... năm... con (cháu) là... dâng lễ bạc cáo cùng phụ thân (mẫu thân)... mà than rằng :

Phụ thân (hay mẫu thân) đi đâu - Vội vàng chi mấy ! - Trời cao soi thấy - Thảm thiết muôn phần.

Thương thay ! Cõi đời giấc mộng - Hình ảnh phù vân.

Sớm tối xoay vần - Tính vừa bốn chín - Thoi
đưa thắm thoắt, chung thất tới tuần - Gia đình sửa
lễ cú dưng. Lễ nghi tỏ lòng hiếu kính.

Cẩn cáo

Lễ mát nhà và việc cúng cơm

Xưa kia người nghèo túng đến mấy, không làm lễ được ở nhà thì cũng phải đến tĩnh hay điện lễ xin thầy cúng cho bùa đem về dán ở nhà. "Lễ mát nhà" có mời thầy cúng hay thầy phù thủy tới bày đàn mũ mã cúng tống hung thần, ném gạo muối tiền và thỉnh bùa trấn trạch, yếm mả.

Bùa trấn trạch dán trên cổng trên nhà, cửa buồng để ngăn cấm tà ma. Bùa yếm mả để trừ trùng, cuốn gọn bỏ vào ống tre vát nhọn một đầu cắm ngấp xuống phía trước mộ chí.

Từ xưa, sau khi chôn cất, suốt trong một trăm ngày, nhà nghèo khó sớm hôm *đầu tắt mặt tối*, cũng cố cúng cơm mỗi ngày hai bữa. Bữa ăn thường thế nào thì cúng như thế ấy. Việc "cúng cơm" hàng ngày là một công việc có ý nghĩa về lòng hiếu thảo trong thời gian cư tang mà cho tới ngày nay, nhiều người vẫn còn tôn trọng. Việc cúng cơm mỗi ngày suốt thời kỳ để tang, hoặc là một năm, hoặc là ba năm tùy theo hoàn cảnh và quan niệm gia đình. Cúng cơm mỗi ngày trong thời để tang, kể cả việc mời cơm với chén đũa để dành riêng trong mỗi bữa

ăn của gia đình, có tính cách nhắc nhở bốn phận con cháu trong tình thương kính đối với người đã khuất, là một tục lệ đặc biệt của người Việt.

Tuần Tốt khóc

Người chết đã được 100 ngày là đến tuần Tốt khóc.

Kể từ tuần này trở đi, con cháu sẽ không còn khóc nữa, theo lệ xưa, cũng thôi cúng cơm mỗi ngày hai bữa. Vào tuần này, con cháu cúng tế lần cuối cùng.

Tuần "Tốt khóc" còn gọi là tuần "*Bách nhật*" nghĩa là *một trăm ngày* như người ta thường gọi. Ngày xưa có trường hợp vì một lý do nào đó mà linh cữu còn quàn lại ở đâu đó chưa chôn thì con cháu không được làm lễ "Tốt khóc" mà chỉ được cúng ngày hai bữa như "Triêu Tịch diện". Buổi cúng trăm ngày cũng là buổi cuối cùng.

Trong tuần "Tốt khóc" cũng có tế lễ, và nghi thức cũng như các cuộc tế khác. Sau đây là mẫu văn tế:

Ngày tháng thoi đưa, tới tuần Tốt khóc

Cây lặng gió lay, khóc làm sao được.

Cha (hoặc mẹ) từ khuất mặt, tưởng linh hồn như ở linh sàng.

Con khó có lòng, thờ lúc chết như thờ lúc sống.

Cẩn cáo

LỄ GIỖ TRONG TANG CHẾ

Tiểu tường

Ngày giỗ đầu tiên của người chết, đúng một năm sau. Con cháu còn để tang, sự đau đớn như còn ở trong tâm khảm người sống.

Trong ngày *Tiểu tường*, khi cúng tế người chết, người sống mặc tang phục như ngày đưa ma, nhất là con cháu, để chứng tỏ với vong hồn người khuất nỗi nhớ thương chưa nguôi. Và con cháu, khi tế lễ cũng lại khóc như ngày đưa ma. Những nhà khá giả xưa, trong ngày *Tiểu tường* có mời phường kèn để thổi kèn thờ từ bữa tiên thường cho đến hết ngày giỗ cũng như trong ngày tang, con trai lúc khăn lễ, phải áo xô mũ chuôi và dùng gậy để lễ và đáp lễ khách khứa lễ trước bàn thờ cha mẹ mình. Mũ gậy thường ngày vẫn để thờ người chết để chứng tỏ người chết có bao nhiêu con trai.

Trong dịp này, người sống thường sắm đủ mọi đồ dùng để đốt cho người chết. Trong lễ đốt mã, còn có cả hình nhân. Người ta tin rằng, hình nhân bằng giấy đốt xuống cõi âm, sẽ hoá thành kẻ hầu

hạ người khuất. Sự tin tưởng của con cháu ở nơi linh hồn ông cha bất diệt khiến người ta nghĩ đến việc đốt mã để trang bị cho người chết mọi thứ cần dùng cho "cuộc sống" thường nhật ở cõi âm.

Đại tường

Ngày Đại tường (giỗ hết) tức là ngày giỗ năm thứ hai... kể từ khi người thân qua đời. Trong ngày này, con cháu vẫn ăn mặc tang phục sô gai để cúng giỗ và để đáp lễ khách tới lễ giỗ và lần mặc sô gai này là lần cuối cùng.

Lễ Đại tường cũng được cử hành long trọng, và trong những gia đình khá giả thường có cuộc tế vong. Lúc tế lễ con cháu vẫn khóc. Ngày giỗ khiến con cháu nhớ lại lúc lâm chung của người khuất và biết bao kỷ niệm giữa người mất người còn.

Trong ngày giỗ hết, người ta cũng đốt mã cho người khuất và mã đốt năm nay lại nhiều hơn năm trước. Tục tin rằng, mã đốt năm trước là mã biểu - người chết nhận được đồ dùng của con cháu đốt trong ngày Tiểu tường phải đem biểu các ác thần để tránh bị quấy nhiễu. Trước khi đốt mã, thường có cúng lễ ở ngay tại mộ người khuất; đồ mã cũng đem đốt ở ngay trước mộ. Những gia đình khá giả có làm chay ngay tại mộ, mời tăng ni tới cúng và tụng kinh niệm Phật trước khi đốt mã.

Cỗ bàn trong ngày giỗ hết rất linh đình.

Khách khứa cũng được mời rất đông. Con cháu muốn mọi người chứng kiến lòng thành của mình qua cuộc cúng tế.

Những ngày giỗ năm sau chỉ là những ngày giỗ thường (ky nhật) và việc cúng lễ sẽ cử hành như những người đã qua đời trước. Bởi vậy, ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ.

Văn tế Tiểu Tường hoặc Đại Tường :

Năm... tháng... ngày... Cô tử (hoặc ai tử)... cùng cả họ, vì nay đến ngày đại (hoặc tiểu) tường, kính dâng chay lạt, mọi lễ cáo chung Hiến khảo (hoặc Tỷ)... (chức, tước, họ)... quý công tự... tuy... phủ quân (mẹ thì "mỗ công chính hay trắc thất mỗ quý thị... hiệu từ" hoặc "diệu... nhụ nhân) trước linh tọa, khóc mà can rằng : "Than ôi ! Chồi Thung (hay Huyền) tuyết phủ, núi Hồ (Dĩ) mây che, làm chi sớm độc địa hỡi trời, hơn một ngày không ở, đành tử sinh có mạng, kém một ngày không đi.

Nhớ những lúc một nhà sum họp, cha (mẹ) trước, con sau :

Bỗng vì đâu hai ngã chia phôi kẻ còn, người khuất.

Than ôi ! Công đức chưa đền, đau đớn nhẽ chưa chan giọt lệ.

*Âm dương xa cách, xót xa thay bồi rôi ruột tâm
Tính đốt tay, chưa khô hàng lệ, tính ngày vừa
ba trăm sáu một ngày giỗ đầu diện lễ.*

*(Hoặc Đại tường thì là : Tính đốt ngón tay, đã
ba năm hai mươi lăm tháng, là tiết đại đường,
chưa khô hàng lệ, đã bảy trăm hai mươi một ngày,
là tuần giỗ đoạn).*

*Chạy lạt dăng lên, dưới chín tuổi, cha (mẹ)
già chứng giám.*

*Khóc than kể lễ trước linh sàng con trẻ khẩn
đầu, cuối xin làm hưởng.*

Cẩn cáo

Lễ Trừ phục

Theo sách cũ, đại tang kéo dài trong thời gian ba năm, nhưng có nơi theo tục lệ thì thu lại còn có 27 tháng, được kết thúc bằng lễ Trừ phục, còn gọi là mãn tang hoặc hết khó, tức là không còn mặc tang phục nữa.

Trong tháng thứ 27, con cháu chọn ngày tốt, hợp với mọi sự bài trừ, thường là ngày trực trừ để làm lễ Trừ phục, đem đốt hết quần áo tang gậy chống, mũ rơm, khăn xô. Một số địa phương có lệ làm lễ Trừ phục vào khoảng một tháng sau giỗ hết. Từ đó về sau, hàng năm làm giỗ, còn gọi là cúng cơm hay cát kỵ, giỗ kỵ, tùy địa phương.

Tế Đám

Sau Đại tang ba tháng, chọn ngày tốt để trừ phục, gọi là Đám tế. Từ ngày này, thân nhân bỏ hết tang phục và coi như đã mãn tang. Lễ tế Đám tuy gọi là ba tháng, nhưng chỉ là hơn hai tháng mà thôi, vì đến tháng thứ ba, tìm được ngày tốt thì làm lễ, chứ không bắt buộc phải tính đủ cả ba tháng chẵn.

Văn tế :

Hôm nay ngày... tháng... năm... Nay con là... tại... xã... huyện... thành khẩn có : hương hoa, trầu rượu, cỗ bàn... nhân ngày tế đám xin kính mời hương hồn... là...

*... Than ôi ! Nhớ bóng phụ thân (mẫu thân) ;
Cách miền trần thế.*

*Tủi mắt nhà Thung (hoặc Huyền) mây khoá,
thăm thăm sâu phiên ;*

Đau lòng núi Hố (hoặc Dĩ) sao mờ, đầm đìa ai lệ.

Kể năm đã quá đại tang ;

Tính tháng nay làm đám tế.

Tuy lễ hưng biến cát, tang phục kết trừ ;

Song nhân tử sự thân, hiếu tâm lưu để.

*Lễ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên, cây
cội nước nguồn,*

*Suối vàng, như có thâu chãng, hoạ may tỏ,
trời kinh đất nghĩa.*

Cẩn cáo

Lễ rước linh vị vào chính điện (bàn thờ chính)

Sau khi làm lễ tế đàn thì chép sẵn linh vị mới phủ giấy hay vải đỏ xong, thì đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới.

Văn tế :

Hôm nay !

Ngày... tháng... năm... Tỉnh, huyện, xã, thôn...

*Tín chủ là... (nếu lễ gia thân) hoặc Hậu duệ
tôn là... (Nếu lễ gia tiên, tự xưng hô với vị được liệt
thờ cao nhất).*

*Quy trước linh vị của (Độc linh vị của Hiên...)
vị thờ cao nhất, liệt vị chư tiên linh.*

Kính nghĩ :

*Gót tiêu dao, mịt mù mù mịt, đâu hạc nội,
đâu mây ngàn ?*

*Cõi trần thế, thay đổi đổi thay, nay nương
dâu, mai bãi bể.*

*Lá rụng về cội, phách tuy giáng, hồn lại được
siêu thăng ;*

Nước chảy về nguồn, thác là quy, sinh chẳng qua tam ký.

Nhân sinh do tổ, gốc phải vững, phúc quả mới mong bền ;

Hiếu tử sự thân, tế như tại, nhân tâm nào dám phế.

Rày nhân : Hiên khảo (hoặc tử) (đọc linh vị bố hoặc mẹ)

Thọ chung ngày... tính đến nay đã :

Qua huý đại tường ;

Đến tuần đàm tế.

Quá hai năm trừ phục, cáo tiên linh ;

Đủ ba tháng dư ai, theo cổ lệ.

Cầu gia thần chứng giám, cho từ đường, phảng phát linh hồn ;

Nguyệt tiên tổ phù trì, để trạch triệu, quy hồi phách thể

Đến ngày giỗ chạp, con cháu nhớ tháng ngày, làm lễ dâng hương ;

Nồi gót tổ tiên, ông cha tiếp thế thứ, theo hàng phôi tế.

Lễ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên, cây cội, nước nguồn ;

Suôi vàng, như thấu cho chẳng, hoạ may tỏ, trời kinh, đất nghĩa.

Cẩn cáo

Lễ Vu Lan Bồn

Lễ này do sự tích Phật giáo về tôn giả Mục Kiều Liên báo hiếu đời xưa, còn gọi là tết xá tội vong nhân.

Các tang gia cứ đến tết này có tục làm lễ cầu siêu thoát cho người chết, để báo đáp ơn huệ sinh dưỡng thương yêu của cha mẹ lúc sinh thời, mời các nhà sư đọc kinh luôn bảy đêm ngày.

Một biến thể của tín ngưỡng Phật giáo là phát sinh thêm tục đốt mã vào dịp này.

Đốt mã

Tục đốt mã có nguồn gốc từ Trung hoa. Vào thuở xa xưa, khi có người thân quá cố, người ta chia đồ dùng để họ "mang theo" về cõi âm, đến ngày kỵ còn dùng đồ bạch ngọc để cúng tế; sau đó thay bạch ngọc bằng tiền cho đỡ tốn. Nhưng tiền sau khi cúng bỏ đi cũng phí phạm, vì vậy người ta thay tiền kim loại bằng tiền giấy và vàng giấy thay cho các thỏi vàng thật. Ở nước ta từ lâu đã có tục đốt vàng mã, tùy theo các tuần cúng, lễ tiết và quan niệm của gia chủ mà mua, sắm vàng mã tương ứng.

Ngày Rằm tháng Bảy đầu tiên sau Tiểu tường, làm lễ đốt mã cho vong. Nếu chết trước ngày Rằm tháng Bảy thì chưa đến Tiểu tường đã

đốt mã vào ngày Trung nguyên năm ấy, thành ra hai mã. Mã đầu là mã biểu, dâng cho thần linh để chia cho các vong hồn khác, mã đốt kỳ sau mới thực để cho người chết. Nhiều nơi có tục đốt mã ngày giỗ đầu và ngày giỗ hết, không đốt ngày Trung nguyên.

Đồ mã làm bằng giấy, giống hệt những đồ dùng hàng ngày như áo, quần, khăn, yếm, giày, dép, ô, nón, chăn, gối, rương, tráp, điếu, hộp trà, ống nhổ, nồi, niêu, mâm, bát... thậm chí cả con mèo, con chó, con ngựa, con trâu. Có nhà mua sấm hình nhân làm người hầu hạ. Giàu có làm những ngôi nhà bằng giấy dài rộng với đủ cả tủ trà sập khảm, trường kỷ bàn đọc, nhà xay giã...; những năm gần đây người ta đặt thợ mã làm những chiếc xe máy, xe ô tô, xe đạp, tiền vàng... để đốt cho người chết dùng, bởi họ quan niệm "trần sao âm vậy" (?)

Đặc biệt trong đốt mã, còn có tục *đốt hình nhân*. Nguyên trước từ thời đại phong kiến khi một người đàn ông chết thì vợ cả, vợ lẽ đều tự sát ngay ở mộ. Các con hầu đầy tớ chính là những nô lệ cũng đều bị giết để chôn theo. Về sau, bản tính tự vệ của con người đã khiến người ta nghĩ đến cách lấy hình nhân thế mạng.

Người ta tin rằng, hình nhân bằng giấy đốt xuống cõi âm theo phép thuật của một Pháp sư sẽ

hoá thành kẻ hầu hạ người khuất. Có nhiều con cháu biết tính các ông già quá cố, thường đốt những nữ hình nhân để lấy người hầu hạ và đấm bóp cho các cụ.

Nhìn chung, các gia đình đều đốt mã ở nhà, nhưng cũng có gia đình đốt mã ở chùa, làm lễ cầu siêu một - vài ngày.

Cải táng

Chôn lúc mới chết gọi là hung táng còn ba bốn năm sau đem hài cốt táng ở nơi khác gọi là cải táng hay bốc mộ, cát táng, cải cát. Nhìn chung, người Việt vốn coi trọng đạo hiếu, luôn tin từ tổ tiên, ông bà, cha mẹ đến mình có mối tương quan; hài cốt tiên nhân yên lành, ấm cúng, con cháu mới mạnh khoẻ, làm ăn phát đạt. Do đó, người ta tin rằng người có đại tang là gặp "vận áo xám", thường gặp nhiều rủi ro, làm việc gì cũng không thuận lợi bởi lúc ấy, thi thể của cha mẹ đang bị rữa nát, huỷ hoại, tất có cảm ứng liên hệ đến con cháu cùng huyết mạch. Điều này giải thích tại sao người xưa muốn tìm nơi đất tốt để mà ông ba cha mẹ "nằm" ở nơi quý địa, có thể kết phát để con cháu mạnh khoẻ làm ăn phát đạt.

Muôn cải táng, phải chọn ngày thích hợp, không xung khắc với tuổi người chết. Trước hôm cải táng phải làm lễ cáo vong và cáo gia tiên. Ngày

cải táng làm lễ khấn Thổ thần nơi mà xin đào lên và cúng Thổ thần nơi sắp đem chôn.

Sau khi đào đất, cạy nắp quan tài, người ta thu lượm từng cái xương không bỏ sót; để phồng những mẩu xương đốt ngón tay ngón chân khô lột mất, lúc liệm, chân tay người chết thường được bao bằng những túi nái sợi tơ bền không rách nát (ngày nay, người ta thường dùng bút tá ni lông) lúc bốc mộ chỉ việc nhấc những túi ấy lên nhật xương dễ dàng. Xương được rửa sạch, xếp gọn vào một cái tiểu sành, rảy nước ngũ hương phủ giấy trang kim, đặt nắp tiểu, đem táng nơi khác, xa gần tùy đất đã chọn, không bao giờ lại táng luôn nơi cũ. Trong khi nhật, rửa, xếp xương phải kiêng giữ không để ánh mặt trời soi vào. Nhà giàu sang gói bọc xương bằng gấm vóc như liệm lúc chết, và ngoài tiểu lại có quách bằng gỗ quý sơn thếp trang trọng. Việc thu nhật xếp xương vào tiểu gọi là sang tiểu.

Ngày cải táng, con cháu đội khăn tang, mặc áo trắng, nhiều nhà khóc thảm thiết. Cát táng xong, còn cháu anh em thân thích về làm lễ cúng vong và gia tiên.

Nhiều khi thầy học nhà thanh bạch học trò cùng nhau tự lãnh việc cải táng, xây mộ phần và tế yên mồ rất trọng thể.

Sau khi cải cát mới được rước bát hương và thần chủ sang thờ chung gian giữa với tổ tiên, nếu không muốn để thờ riêng như trước ở gian bên.

Khi hung táng mộ đắp hình chữ nhật theo chiều đặt quan tài lúc hạ huyệt, khi cải táng đắp hình tròn nhỏ gọn hơn. Tuy nhiên, cũng có nhiều gia đình chỉ chôn (hung táng) một lần chứ không cải táng, vì tuỳ theo phong tục từng địa phương. Nhiều nhà còn chọn áo quan tốt, xây huyệt kiên cố gọi là "vạn niên phần". Nhưng cũng có trường hợp người ta lại phải cải táng vì trong nhà có người đau bệnh nguy nan, xảy ra tai ương hoạn nạn, xem bói thấy động mả, hoặc vì tin theo thầy địa lý muốn cải táng nơi đất tốt cầu mong con cháu được bình yên, thuận lợi.

Văn khấn :

Hôm nay !

Ngày... tháng... năm... tỉnh, huyện, xã, thôn...

Hiển khảo (hay tử)... mộ tiên

*Than rằng : Thương xót cha (hay mẹ) xưa,
vắng xa trần thế.*

Thác về sống gửi, đất ba thước phải vùi chôn

Phác lạc hồn bay, hình trăm năm khó gìn để.

*Lúc trước, việc nhà bói rồi, đặt để còn, chưa
hợp hướng phương.*

*Tới nay, tìm đất tốt lành, sửa sang lại, cầu an
hình thế.*

Rày thân : Phần mộ đời xong, lễ Ngũ kính tế.

*Hồn thiêng xin hưởng, nguyện cầu vĩnh viễn
âm phần ;*

Phúc để di lưu, phù hộ vãng bên miếu duệ.

Cẩn cáo

PHẦN HAI

**CÁC NGHI LỄ
TRONG THỜ CÚNG TỔ TIÊN
VÀ CÁC VỊ THẦN TẠI GIA**

THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Việc thờ cúng tổ tiên rất quan trọng và không thể thiếu trong phong tục Việt Nam.

Khi ông bà cha mẹ trăm tuổi, ngoài việc lo ma chay chôn cất, con cháu phải lập bàn thờ tại nhà và cúng bái trong những ngày sóc vọng, giỗ tết, Sự thờ phụng tổ tiên không phải là một tôn giáo, mà là do lòng thành kính và biết ơn của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, cụ kỵ đã khuất. Những người theo Thiên Chúa giáo, tuy không lập bàn thờ tổ tiên, nhưng không phải là không thờ phụng tổ tiên. Trong những ngày giỗ, họ vẫn làm cỗ và cầu nguyện cho người đã khuất. Kể từ năm 1968, họ được toà thánh Vatican cho phép lập bàn thờ tổ tiên như mọi gia đình Việt Nam khác.

Đối với người Việt cổ, chết chưa phải là hết, thể xác tuy chết đi nhưng linh hồn vẫn còn và vẫn lui tới gia đình. Thể xác tiêu tan nhưng linh hồn bất diệt. Tục lại tin rằng, dương sao âm vậy, người sống cần gì, sống ra sao thì người chết cũng như vậy. Vì tin như thế, nên việc cúng lễ là cần thiết.

Tục cũng tin rằng, vong hồn người khuất thường luôn ngự trên bàn thờ để gần gũi con cháu, theo dõi họ trong công việc hàng ngày và giúp đỡ họ trong trường hợp cần thiết. Sự tin tưởng vong hồn ngự trên bàn thờ có ảnh hưởng nhiều đến hành động của người sống. Nhiều người vì sợ vong hồn cha mẹ buồn, đã tránh những hành vi xấu xa, xem công việc nào đó lúc sinh thời cha mẹ có chấp nhận hay không.

Tục đốt hương

Trong việc tế lễ bao giờ cũng có đốt hương. Gốc tích sự đốt hương là từ Tây vực. Có lẽ tục đốt hương truyền sang nước ta từ thời Tam quốc, khi người Ngô là Trương Tân làm thứ sử Giao châu. Trương Tân thường đốt hương để đọc thơ.

Ngày xưa, tục Trung hoa khi cúng tế chỉ dùng cỏ thơm hoà với mỡ đốt cho thơm. Đến đời Vũ Hán đế, sai tướng sang đánh nước Hồn gia xứ Tây vực. Vua nước này đầu hàng, dâng một thần tượng bằng vàng. Người nước Hồn gia cúng tế thần tượng này chỉ dùng hương đốt lên rồi lễ vái. Người Trung hoa bắt chước, từ đó có tục đốt hương.

Hương đốt để cầu thần thánh giáng lâm. Đốt hương thường đốt số lẻ (1,3,5...) vì nén lẻ thuộc âm.

Cầu cúng lễ bái

Quan niệm vong hồn gia tiên luôn ở gần mình,

người sống cảm thấy như tiếp xúc với giới vô hình qua mọi việc cầu cúng lễ bái. Mỗi biến cố xảy ra trong gia đình, gia chủ đều khẩn vái gia tiên, trước là để trình bày sự kiện, sau là để xin sự phù hộ. Những biến cố được coi là quan trọng là: vợ sinh con; con đầy cữ, đầy tháng, đầy năm; con cái bắt đầu đi học, sửa soạn đi thi, đã thi đỗ; gả chồng cho con gái; dựng vợ cho con trai; lập được công danh (được thăng chức); được thưởng phẩm hàm; xây nhà mới; đi dự một giải thi; cùng những biến cố buồn: có người qua đời; lúc bắt đầu đưa ma người thân; trong nhà có người ốm đau; gặp những chuyện không hay như buôn bán thua lỗ, bị kiện cáo; có người phải đi xa...

Ngoài những biến cố xảy ra trong gia đình, còn nhiều trường hợp con cháu cùng làm lễ cáo gia tiên kêu cầu khẩn vái: nước nhà bỗng có giặc, con cháu vẫn xin tổ tiên phù hộ cho toàn gia tránh khỏi mọi tai nạn trong lúc loạn lạc; trong làng bỗng có đám cướp, gia chủ vội vàng lễ khẩn tổ tiên xui khiến cho lũ cướp mau đi khỏi không đến quấy rối; một bệnh dịch phát sinh, con cháu xin với tổ tiên phù hộ tránh khỏi tai ách; trong làng mở hội, con cháu vui mừng cũng có lễ cúng tổ tiên v.v...

Nghi thức cáo gia tiên

Gia trưởng bao giờ cũng lo mọi lễ nghi cúng bái trong gia đình. Mỗi lần cúng lễ đều có đồ lễ,

thường gồm trầu rượu, hoa quả, vàng hương và nước lạnh, nhưng trong trường hợp khẩn cấp, đồ lễ có thể giảm xuống mức tối thiểu, chỉ cần một chén nước lạnh, một nén hương thắp trên bàn thờ. Ngoài ra, tùy theo các gia chủ giàu nghèo và tùy những buổi lễ, đồ lễ có thể gồm nhiều thứ khác như xôi chè, oản, chuối hoặc cỗ mặn, có khi thêm đồ mã.

Sau khi đặt đồ lễ lên bàn thờ, gia trưởng khăn áo chỉnh tề, thắp hương cắm lên bát hương, rồi đứng trước bàn thờ khấn. Trước khi khấn, vái ba vái và khi khấn xong, lễ bốn lễ thêm ba vái, gọi là bốn lễ rươi. Bàn thờ lúc đó phải có thắp đèn hoặc nến. Cũng có nhà có đỉnh trầm. Hương thắp trên bàn thờ, bao giờ cũng thắp theo số lẻ (một, ba, năm...) nén, vì số lẻ thuộc âm. Sau khi gia trưởng khấn lễ xong, những người khác trong gia đình, ngoại trừ trẻ nhỏ, cũng lần lượt tới lễ trước bàn thờ bốn lễ rươi. Thường thì chỉ trong những ngày giỗ, mọi người trong gia đình mới cần lễ đủ.

Ngày nay, người ta lấy vái thay lễ. Trước khi khấn, vái ba vái ngắn, khấn xong, vái thêm bốn vái dài và ba vái ngắn thay cho bốn lễ rươi.

Lễ tạ

Sau khi mọi người đã lễ vái xong, người ta chờ cho tàn một tuần hương, gia trưởng tới trước bàn thờ lễ tạ, thắp thêm mấy nén hương nữa. Lễ tạ

xong, gia trưởng hạ vàng mã trên bàn thờ đem hoá. Lúc hoá vàng, người ta thường lấy chén rượu cúng đổ vào đồng tàn vàng, vì cho rằng như vậy người khuất mới nhận được số vàng người sống cúng và đồ vàng mã trên mới biến thành đồ đặc và tiền thật dưới cõi âm. Lúc này đồ lễ mới được hạ xuống.

Lễ tạ là lễ tạ ơn gia tiên đã chứng giám lòng thành của con cháu và đã hưởng những lễ của con cháu dâng lên. Người ta tin rằng, trong lúc tuần hương đang cháy là tổ tiên đang hưởng lễ con cháu dâng lên. Trong lúc này, y môn trên bàn thờ được buông xuống, khi lễ tạ xong, y môn lại được kéo lên. Y môn thường chỉ buông xuống khi nào trong việc cáo gia tiên có cúng cỗ mặn.

Văn khấn gia tiên

Đồ lễ đã đặt lên bàn thờ, hương đèn đã thấp, gia chủ khấn trình với gia tiên lý do việc cúng lễ, đồng thời mời gia tiên hưởng lễ; gia trưởng phải mời hết các cụ kỵ từ ngũ đại trở xuống, cùng tất cả chú bác cô dì, anh em nội ngoại đã khuất.

Văn khấn xưa thường dùng chữ nho, nhưng trong dân gian cũng nhiều người dùng chữ nôm, nhất là ở những gia đình người gia trưởng đã mất, người vợ thường đảm nhiệm việc cúng khấn.

Lúc khấn, người gia chủ lâm râm đọc khế. Cùng với việc cáo gia tiên, bao giờ cũng phải cúng

khấn thổ công để xin phép ngài cho hương hồn tổ tiên được về hưởng lễ.

Lời khấn :

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Nay con giữ việc phụng thờ tên là..., ... tuổi, sinh tại xã..., huyện...tỉnh... cùng toàn gia, trước bàn thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bạc: trầu rượu trà nước, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật, lòng thành nhân dịp... kính mời hương hồn nội ngoại gia tiên, kỵ cụ, ông bà, cha mẹ, cô dì chú bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin gia tiên phù hộ độ trì cho... và toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo.

Lời văn khấn bằng thơ Nôm:

Duy Đại Việt tuế thứ..., ngày... tháng... năm (âm lịch), tín chủ là..., ...tuổi, sinh quán tại..., trú quán tại... cùng toàn gia

Cúi cung bái trước bàn thờ

Kính dâng lễ bạc hương hoa rượu trầu,

Cùng là phẩm vật trước sau,

Lòng thành tâm nguyện thỉnh cầu gia tiên:

Cao tăng tổ khảo đôi bên,

Cao tăng tổ tỷ dưới trên người người,

*Cô dì chú bác kính mời,
Đệ huynh đồng thỉnh tới nơi từ đường;
Cúi xin hưởng chút lễ thường,
Và xin phù hộ khang cường toàn gia.
Cẩn cáo.*

Chăm sóc mộ phần tổ tiên

Một trong những hình thức để biểu lộ sự thờ phụng là săn sóc tới mộ phần. Hàng năm trước ngày Tết, cũng có địa phương sau ngày Tết, con cháu đi thăm mộ tổ tiên để sửa sang, đắp lại cho cao, nhổ hết các loại cây nhỏ có thể xâm phạm tới hài cốt. Nhân dịp thăm mộ này, con cháu thắp hương trên mộ, khấn vái mời tổ tiên về ăn Tết. Ngày Thanh minh con cháu cũng đi tảo mộ mang theo vàng hương cắm đốt trước mộ. Nếu mộ sụt thì đắp lại. Có người mang cả cỗ ra cúng trước mộ.

Mộ phần được con cháu luôn luôn trông nom cẩn thận. Tuy nhiên khi mộ bị động (vì súc vật đào bới hoặc vì rễ cây ăn vào xương cốt, hoặc vì một lẽ gì khác), tục tin rằng, ông cha báo mộng hay ứng điềm cho con cháu hay, nếu con cháu không biết, trong nhà sẽ có người đau ốm, hoặc công việc làm ăn gặp trắc trở. Khi được biết là có ngôi mộ động, con cháu lập tức ra thăm mộ, đắp lại nếu bị sụt, đồng thời cũng làm lễ tạ mộ, ngụ ý như tạ tội vì sơ ý để mộ bị xâm phạm. Lễ tạ mộ gồm trầu cau, xôi chuối, rượu

gà, vàng hương. Lễ đặt trước ngôi mộ. Trong khi tạ mộ, con cháu phải cúng cả vị Thổ thần nơi để mộ.

Cũng có khi, con cháu ở xa, trước những thời cuộc biến đổi, sợ rằng hồn phách ông cha không yên, cũng tạ mộ để cầu bình an cho vong hồn người khuất. Hoặc có khi, chiếu theo số tử vi, đến năm tháng cần phải tạ mộ, con cháu cũng làm lễ tạ mộ.

Tạ mộ bao giờ cũng có làm sớ. Trong sớ nhờ thần linh dẫn hồn sứ giả là Ngũ đạo tướng quân, vị thần coi quản các nẻo đường, đưa hồn đến mộ. Ngoài ra thần linh cũng chuyển tờ sớ tới đương xứ Thổ địa chánh thần tại nơi có ngôi mộ xin tạ.

Sớ tạ mộ (bản dịch):

Tam bảo tư vi Tạ mộ pháp đàn.

Nay cứ theo địa chỉ tại Đại Việt

Địa chỉ ở...

Lễ này làm tại nhà chúng tôi, vâng theo phép Phật bảo hộ bình an, tín chủ tên là... cúi đầu bày tỏ về việc vong hồn của Tiên linh chúng tôi đã qua đời mà thời gian đã quá lâu cùng với thời cục biến đổi, sợ rằng hồn phách không yên, bởi vậy chúng tôi cần biện lễ vật để tạ mộ, trông ơn đức Phật tế độ vong hồn và đức thần linh dẫn hồn sứ giả, đưa hồn đến nơi đến chốn, dấu rằng âm dương cách biệt, đường xá xa xôi, nhưng nhờ có tờ điệp văn này thì cũng thông cảm được.

Tờ điệp này do quan Dân hồn sứ giả Ngũ đạo tướng quân chuyển đến quan Đương xứ Thổ địa chánh thần tiếp nhận nơi âm phủ.

Xin quan sứ giả bỏ cáo cho các ty các nơi thuộc hạt như các bến đò, bến chợ đều biết, không ai được làm ngăn cản để cho vong hồn được nhận linh lễ vật an ổn ở nơi mộ phần, hầu khiến cho kẻ âm người dương đều được hưởng phúc lợi lạc.

Nay điệp.

Mộ táng tại... năm... tháng... ngày... giờ...

Đồ lễ cúng

Những đồ lễ dâng cúng gia tiên bao giờ cũng phải *thanh khiết*. Cỗ bàn nấu xong, phải cúng gia tiên trước - con cháu mới được ăn sau.

Trong việc cúng lễ tổ tiên, sự thành kính phải đặt hàng đầu. *Tâm động quý thân tri*, trong lòng nghĩ thế nào quý thân đều thấy rõ. Việc cúng bái tổ tiên thiếu thành kính tức là thiếu sự hiếu thảo.

Dâu rế lễ gia tiên

Trước mọi biến cố trong gia đình, con cháu đều cáo gia tiên. Trong việc vui mừng lễ thành hôn của các con cháu, ngoài người gia trưởng phải khấn vái tổ tiên, chính các đương sự cũng phải cúng lễ tổ tiên.

Trước khi đi đón dâu, người con trai phải làm lễ ở bàn thờ nhà mình, rồi đến khi tới nhà vợ, phải lễ tổ tiên nhà vợ tại chính nhà bố mẹ vợ và tại nhà thờ họ của nhà vợ. Cô gái cũng vậy, ngày vu quy, trước khi tới nhà chồng, việc đầu tiên là phải lễ trước bàn thờ nhà chồng, sau đó đến lễ nhà thờ trong hai họ nội ngoại. Việc làm lễ trước bàn thờ nhà chồng hoặc nhà vợ, chính là để cô dâu chú rể trình diện với tổ tiên, nhận tổ tiên nhà chồng (vợ) như tổ tiên nhà mình.

Bàn thờ họ

Bao nhiêu con cháu dòng dõi một họ, lập chung một bàn thờ vị Thủy tổ gọi là từ đường của họ, thí dụ nhà thờ họ Nguyễn gọi là *Nguyễn tộc từ đường*. Tại bàn thờ họ có bài vị của Thủy tổ họ, trên bài vị thường ghi rõ đó là vị Thủy tổ của họ nào, (như *Bùi môn lịch đại tổ tôn thân thân chủ*, nghĩa là *Thân chủ tổ tiên họ Bùi*). Bài vị xưa ghi bằng Hán tự. Thân chủ này không bao giờ thay đổi nên gọi là bách thế bất diêu chi chủ. Ngày nay, người ta thường dùng chữ quốc ngữ để đề bài vị.

Có họ không có nhà thờ mà xây một đài lộ thiên, dựng bia đá, ghi tên thụy hiệu các tổ tiên. Mỗi khi có giỗ Tổ hoặc có tế tự của một chi họ nào, cả họ hoặc riêng chi họ đó ra nơi đàn lộ thiên cúng tế. Nơi đàn lộ thiên này chỉ dùng để cúng tế, hoặc

tổ chức những trò vui như hát chèo, múa rối trong ngày giỗ Tổ họ, hoặc một chi họ nào.

Có nhiều họ làm nhà thờ riêng với bàn thờ Thủy tổ để cho chi trưởng nam đời đời giữ hương hoả, và chỉ khi nào ngành trưởng không có con trai nối dõi, việc thờ cúng mới truyền sang chi thứ.

Bản chi từ đường

Nhiều họ ta chia làm nhiều chi, các chi này ngoài việc tham dự ngày giỗ Tổ toàn họ, còn có ngày giỗ Tổ riêng của chi họ, và như vậy các chi đều có nhà thờ riêng gọi là *Bản chi từ đường*.

Trên bàn thờ này có bài vị của ông Tổ chi họ gọi là *Thần chủ bản chi*. Thần chủ này cũng như thần chủ của Thủy tổ họ sẽ để thờ đời đời.

Người trong chi họ có dành riêng những ruộng để lấy hoa lợi cúng giỗ họ, gọi là *Ky điền*. Những ruộng này có thể là hương hoả của tổ tôn để lại, có thể là ruộng của hàng họ chung nhau tậu và có thể là của một người trong họ cúng để lấy hoa lợi chi cho việc tế tự. Có họ có những người phụ nữ đi lấy chồng, không có con, họ cúng tiền, cúng ruộng về họ mình. Chi họ nhận những ruộng ấy làm *ruộng ky*, rồi khi người kia chết sẽ được thờ tại nhà thờ họ, ngày giỗ người phụ nữ này sẽ do họ cúng, gọi là *giỗ hậu họ*.

Lời khẩn :

Hôm nay ! Ngày... tháng... năm...

Hậu duệ tôn là... tộc trưởng họ... hội cùng các ông, các chú, các bậc kỳ lão trong họ, cùng với dâu rể con cháu nội ngoại, kính cẩn quỳ tâu :

Nay nhân ngày... vâng theo lệ cổ, sắm các lễ vật gồm... Trước linh vị của : Hiển... (đọc theo linh vị của tể cao nhất trong từ đường) và liệt vị tiên linh.

Trộm nghĩ rằng :

Hưởng gạo thơm cần nhớ công lam lũ

Uống nước ngon phải tìm giếng trong xanh

Người sinh hưởng khí đất trời chung quy cùng đạo lý

Đời trọng báo ơn tiên tổ xuất phát tự tâm tình

Kính nghĩ : Tiên linh xưa !

Kiệm cần gây cơ nghiệp, trung hậu giữ gia thanh

Qua cuộc bể dâu dầm sương giải gió

Vững tay chèo lái vượt thác băng ghềnh

Đời càng vững cây bền gốc

Ngày thêm thắm lá tươi cành

Con cháu nhiều bề tiến bộ, tổ tiên muôn thuở hiển vinh

Nhân ngày giỗ tổ, ngưỡng mộ tôn linh.

Dâng bày lễ nhỏ, giải tỏ lòng thành

Ngưỡng vọng tổ tiên ban phúc ấm

Độ trì con cháu được yên lành

Kính mời các vị tiên linh phôi tế, và tầng tầng lớp lớp con cháu thường vong, theo gót tổ tông, cùng về hâm hưởng.

Kính cáo Táo quân, Thổ thần, long mạch chiếu giám.

Cẩn cáo

Gia từ

Gia từ tức là nhà thờ riêng của từng gia đình, nơi có bàn thờ gia tiên. Những nhà giàu có thì làm riêng một ngôi nhà thờ, còn những gia đình bình thường, bàn thờ được thiết lập ngay tại nhà ở.

Cũng có những gia đình con thứ không phải cũng giỗ, nhưng vì lòng thành kính đối với tổ tiên, người ta vẫn lập bàn thờ để thờ vọng, và để cúng vọng trong những ngày giỗ, vì lý do người ta không thể tới nhà trưởng được.

Trang trí bàn thờ tổ tiên

Người Việt xưa thường để bàn thờ làm hai lớp trong và ngoài.

Lớp trong kê sát ngay vào tường hậu gồm: Chiếc rương thật lớn, cao vào khoảng một thước,

dài trên hai thước và rộng gần hai thước. Mặt trước có đóng nẹp chia làm ba ô, ở các ô này, có khi là ba chữ đại tự, có khi là bức tranh được dán vào trong những dịp Tết. Trên những nẹp có đóng những đồng tiền đồng hoặc kẽm tùy theo từng nhà. Trong rương để cất đựng những bát đĩa, nồi đồng, sanh đồng lớn.

Ở những gia đình khá giả, chiếc rương lớn này được thay thế bằng một chiếc sập sơn son thiếp vàng kê trên mễ cao, phía trước thường có một tấm màn bằng vải đỏ che những mâm thau đồ đồng cùng bát đĩa, được xếp dưới gầm sập (thay vì để trong rương). Để giữa chiếc rương hoặc chiếc sập thường có hai chiếc mâm nhỏ chân quỳ mặt hình chữ nhật: một chiếc bề dài độ tám tấc, bề rộng độ sáu tấc, chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn, để đằng sau chiếc thứ nhất. Hai chiếc mâm này cao chừng bốn tấc trông giống như hai chiếc bàn nhỏ thấp, dùng để bày đồ lễ trong những ngày sóc vọng giỗ tết. Trong những ngày giỗ tết có làm cỗ, cỗ bày trên chiếc mâm thứ nhất, còn hương hoa trầu nước bày ở chiếc mâm thứ hai.

Bên trong cùng lớp thứ nhất là thần chủ để trong long khám để trên một chiếc bệ, chiếc bệ này cao ngang mặt hai chiếc mâm. Nhiều gia đình không thờ thần chủ chỉ để ở nơi đây một chiếc ngai, được sơn son thiếp vàng, tượng trưng cho

ngôi vị của tổ tiên.

Trên chiếc mâm nhỏ kê bên trong, ở trước thần chủ hay chiếc ngai là một cái tam sơn, đồ thờ để đặt đĩa trầu, chén rượu, ly nước, đĩa hoa quả trong những ngày cúng lễ. Lớp trong được ngăn với lớp ngoài bằng một chiếc y môn (màn thờ) màu đỏ, bằng the nhiều hay vải. Y môn chỉ buông xuống trong ngày giỗ, lúc con trưởng đã khấn và con cháu đã lễ bái xong.

Lớp ngoài (từ chiếc màn thờ trở ra) gồm:

Trước tiên là một hương án cao. Trên hương án này, tại chính giữa là một bát hương để cắm hương khi cúng lễ. Đằng sau bát hương là một chiếc kỷ nhỏ (giống chiếc mâm kê ở trước thần chủ lớp trong). Đặt trên chiếu kỷ nhỏ này là ba chiếc đài có nắp và trên nắp có núm cầm. Khi mở nắp ra, nắp kê xuống dưới, đài đặt lên trên. Đài bằng gỗ được tiện rỗng hoặc đài bằng đồng. Ba đài này đựng ba chén rượu nhỏ lúc cúng lễ. Hàng ngày đài đậy nắp để tránh bụi bặm, chỉ mở ra trong những dịp giỗ tết, sóc vọng.

Hai bên bát hương là hai cây đèn, cao khoảng bốn tấc, chân tiện và lưng chùng có vành rộng gọi là đĩa đèn. Trong những ngày cúng lễ xưa kia, người ta đặt lên trên hai cây đèn này hai đĩa dầu lạc dùng bấc đốt, sau đó hai đĩa dầu trên được thay thế bằng hai ngọn đèn dầu hoả. Tại các đô thị,

người ta mắc bóng điện thẳng vào hai cây đèn. Vào những dịp giỗ, tết đèn thấp sáng suốt đêm ngày, vì người ta cho rằng hương hồn người chết tại vị trên bàn thờ.

Gần hai bên bát hương, ngoài hai cây đèn có khi còn có hai con hạc châu hai bên. Trên đầu hai con hạc cũng có chỗ để thấp nến. Ở mé ngoài hai cây đèn, gần hai đầu hương án là hai ống hương, dùng để đựng hương. Hai ống hương này chân tiện, miệng hơi loa.

Ngoài các đồ thờ trên, còn có một lọ độc bình hoặc đôi song bình bày trên hương án để cắm cành đào trong dịp Tết, hoa trong ngày giỗ chạp hoặc sóc vọng. Trong trường hợp chỉ có một chiếc độc bình, đối diện với chiếc độc bình là một chiếc mâm bông để bày hoa quả trong lúc cúng lễ, cũng có khi là một chiếc mâm chân quỳ.

Tất cả những đồ thờ trên ở các gia đình bình dân thường làm bằng gỗ mít, các gia đình giàu có dùng đồ bằng đồng.

Thần chủ

Trên bàn thờ ông Tổ một họ bao giờ cũng có riêng một thần chủ. Tại các gia từ, đã lập thần chủ phải có đủ thần chủ từ bốn đời trở lên, kể từ người gia trưởng. Ấy là thần chủ của kỵ, cụ, ông và cha tức là cao, tăng, tổ, khảo.

Thần chủ làm bằng gỗ táo (vì cho rằng cây táo sống lâu được nghìn năm) dài vào khoảng hai tấc rưỡi, ở giữa đề tên họ chức tước, còn hai bên thì đề ngày tháng sinh tử của tổ tiên. Thần chủ có hộp vuông che kín để trong long khám, chỉ khi nào có cúng tế mới mở ra.

Thần chủ chỉ để thờ từ bốn đời trở xuống, hễ đến đời thứ năm, thần chú của cao tổ được mai đi và nhấc lên các bậc tầng tổ khảo lên bậc trên, rồi đem ông mới mất thế vào thần chủ ông khảo. Việc mai thần chủ này gọi là *Ngũ đại mai thần chủ*, nghĩa là thần chủ đời thứ năm được chôn đi.

Gia phả

Đó là cuốn sổ để ghi chép thế thứ trước sau của tổ tiên và mọi người trong nhà.

Gia phả thường dùng bằng giấy sắc, viết tinh tả, nghĩa là viết một cách rất rành rẽ, để tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên. Trong gia phả, mỗi vị tổ tiên đều có ghi rõ ngày, tháng sinh tử, chức, tước, có khi ghi rõ cả tính tình và sự ưa thích của mỗi vị lúc sinh thời, vị nào sinh ra những vị nào, ngành trưởng, ngành thứ là những ai.

Nhà đại gia, trong gia phả có ghi chép cả công trạng của tổ tiên, sinh tại đâu, táng tại đâu, có được nơi nào thờ phụng làm phúc thân, chết trong trường hợp nào. Trong trường hợp này, gia phả được coi như một quyển sử ký của gia đình.

Hoành phi

Đó những tấm biển gỗ treo cao nằm ngang trên mé trước bàn thờ, chiều ngang ăn suốt gian nhà vào khoảng ba thước, chiều cao độ từ một thước tới thước hai, trên có khắc những chữ Hán tự thật lớn, thường là ba, bốn chữ. Những nhà nghèo không có hoành phi bằng gỗ, thường dùng những tấm cốt đóng nẹp, rồi dán lên những tấm giấy đỏ có viết đại tự treo thay.

Những chữ viết trên hoành phi là tỏ lòng tôn kính của con cháu, đối với tổ tiên, hoặc để ghi tụng công đức của tổ tiên.

Thường chỉ treo tại bàn thờ tổ tiên một bức hoành phi, nhưng cũng có gia đình sung túc treo tới hai ba bức.

Câu đối

Nếu ở trên cao bàn thờ có treo những bức hoành phi thì ở cột hoặc ở tường nhà thờ có treo những câu đối; nhà giàu bằng gỗ sơn son thiếp vàng, hay sơn đen khảm xà cừ, còn nhà nghèo là những đôi liễn hay những tờ giấy hồng có viết những câu đối.

Cũng như những bức hoành phi, đại ý những câu đối cũng là để con cháu tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên và xưng tụng công đức của tổ tiên. Cũng có đôi câu đối tả một cảnh an nhàn con cháu đang

hương, những câu đối loại này thường treo ở gian bên cạnh bàn thờ.

Những đôi câu đối và những bức hoành phi đều bằng Hán tự, nhưng có nhiều nhà dùng câu đối nôm, hoành phi nôm.

Bà Cô, ông Mãnh

Bà Cô, ông Mãnh là những con cái trong gia đình bị chết trẻ, gặp giờ linh. thường báo mộng cho người sống về sự đi về của những vong hồn này.

Các bà Cô, ông Mãnh chính ra cũng được thờ trên bàn thờ tổ tiên, nhưng vì tuổi nhỏ, sợ không dám cùng về hương lễ với các cụ trên một bàn thờ chung, nên có những bàn thờ riêng cho bà Cô ông Mãnh; thường đặt ở dưới gầm hương án của bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ này thường đơn sơ chỉ, có một chiếc bệ trên có đặt bài vị. Trước bài vị là một bát hương nhỏ, có vài ba chiếc đũa để đặt ly rượu, đĩa trầu cau, tách nước khi cúng, và một cái đèn nhỏ.

NGÀY GIỖ

Cát kỵ

Kể từ năm thứ ba trở đi, là ngày giỗ thường còn gọi là *cát kỵ*, hoặc ngày giỗ lành. Qua hai năm với tiểu tường và Đại tường, người chết còn nằm dưới huyết hung táng, nghĩa là táng lúc đầu tiên. Sau ngày Đại tường con cháu làm lễ *cát táng* tức là lễ bốc mộ, nhật hài cốt của người chết sang vào tiểu nhỏ để táng ở một nơi khác. Việc táng này gọi là *cát táng*.

Những ngày giỗ sau lễ cát táng gọi là cát kỵ; vì sự tụ họp của con cháu để tưởng niệm người đã khuất, chính là một điều tốt đẹp. Ngoài ra, trong thời gian hung táng, con cháu còn lo sợ vong hồn người khuất bị trùng quý quấy nhiễu, còn khi đã cát táng, không còn trùng quý nào có quyền hành tới người chết nữa.

Ngày tiên thường

Ngày *tiên thường* là ngày trước ngày giỗ. Còn có nơi gọi là cáo giỗ, bởi trong ngày tiên thường,

con cháu báo cáo cho người khuất sự cúng giỗ ngày hôm sau.

Trong ngày tiên thường, người đứng giỗ làm lễ cáo với Thổ công ngày hôm sau là ngày giỗ để xin phép Thổ công cho hương hồn người được cúng giỗ về phối hưởng, và đồng thời cũng khẩn xin Thổ công cho phép vong hồn nội ngoại gia tiên nhà mình cùng về dự giỗ. Vì ngoài việc mời hương hồn người được cúng giỗ, còn phải mời cả hương hồn nội ngoại, gia tiên về dự.

Cũng trong ngày tiên thường, người đứng giỗ mang lễ ra mộ người được hưởng giỗ để mời vong hồn vị này về phối hưởng. Cũng nhân dịp này, con cháu thường đáp lại mộ của người khuất.

Ngày tiên thường con cháu phải đến nhà người trưởng tộc để sửa soạn làm giỗ ngày hôm sau. Bàn thờ được dọn dẹp lau chùi từ buổi sáng để buổi chiều cúng cáo giỗ. Con cháu, những người nào phải gửi giỗ, đều mang đồ lễ tới nhà đứng giỗ trong ngày tiên thường.

Mẫu văn khẩn :

*Hôm nay, ngày... tháng... năm... tại thôn...
xã... huyện... tỉnh... nước...*

Con (hoặc cháu đích tôn) là... vâng theo lệnh ông (bà, cha, mẹ...) cùng các em (cháu - thuộc bề dưới) nội ngoại kính lạy.

*Nhân ngày giỗ của... sắp tới, xin kính cần
thư rằng :*

Kính lạy tiên linh.

*Ngày mai huý kỵ, hôm nay sửa lễ, cúng trước
một ngày, tục gọi xưa nay, tiên thường tiên cáo, tỏ
lòng hiếu thảo, báo đáp công ơn, thác cũng như
con, kính thành phụng sự, âm thầm thương nhớ,
biết thuở nào nguôi.*

Cẩn cáo

Gửi giỗ

Người chết thường có nhiều con cháu, nhưng ngày giỗ chỉ cúng ở nhà người con trai trưởng; nếu con trai trưởng chết thì giao cho người cháu đích tôn. Tuy nhiên những người con thứ, cháu thứ, cháu ngoại không thể bỏ giỗ cha mẹ, ông bà mình được. Ngày giỗ, những người này đều phải tế tự ở nhà người trưởng chi họ để làm giỗ. Họ phải có đồ lễ mang tới cúng. Việc mang đồ lễ tới nhà trưởng tộc như vậy gọi là gửi giỗ hay góp giỗ.

Lễ gửi giỗ trọng hay mỏng tùy theo khả năng tài chính của người sống hay theo sự liên hệ giữa người sống với người chết. Gửi giỗ thường bằng tiền, kèm theo đồ lễ đáng giá: con lợn, cặp gà hay yến gạo nếp, có người trong khi gửi giỗ lại lựa mua thứ gì người chết khi sinh thời ưa thích. Người ở

xa, ngày giỗ không về được, cũng cố mua đồ lễ để gửi về nhà người trưởng. Những người này, ngoài việc gửi còn làm lễ cúng vọng trong ngày giỗ. Câu "con đâu cha mẹ đấy" là ý nói : con cái cúng giỗ ở đâu, hương hồn cha về đó phối hưởng. Có nhiều trường hợp, người trưởng chi họ không nhận đồ lễ gửi giỗ của một người nào đó vì họ bất kính hoặc cậy của. Những đồ lễ do các ngành thứ mang gửi giỗ, người trưởng đều phải đem sử dụng hết trong ngày giỗ. Cúng xong, ăn không hết, người trưởng tộc sẽ chia phần cho con cháu đem về.

Ngày giỗ chính

Ngày giỗ chính là ngày kỷ niệm người chết đã qua đời, thường được gọi là kỵ nhật. Đây là điều quan trọng nhất trong sự thờ phụng tổ tiên.

Trong ngày giỗ, người ta làm cỗ bàn mời thân bằng quyến thuộc. Ở nhà quê, ngày giỗ là một dịp để gia chủ được mời lại những người đã từng mời mình đi ăn uống. Giỗ có thể làm to hoặc làm nhỏ, tùy theo gia cảnh, tùy theo con cháu đông hay vắng và nhiều khi lại tùy theo tình cảm giữa người sống và người chết.

Thường thường thì giỗ cha mẹ làm to, rồi trở lên mỗi đời mỗi xa thì kém đi. Giỗ các cụ, kỵ xa đời cũng như giỗ những người không thuộc hàng quan trọng trong gia đình, thường làm đơn giản, không

mời mọc ai (*giỗ giúi*). Nhà trưởng một ngành họ hàng năm phải làm nhiều giỗ: cha mẹ, ông bà, cụ, kỵ, và có khi những ông chú ông bác xa đời, tất cả những người đã gửi giỗ (để ruộng đất lấy hoa lợi làm giỗ), lại còn bà Cô, ông Mãnh; có tháng hai ba cái giỗ. Giỗ không được coi là trọng thì *cúng cơm canh*, ý nói làm giản dị không bày đặt cỗ bàn.

Sau khi bày cỗ bàn, thắp hương, gia chủ khăn áo chỉnh tề bước vào chiếu trải trước bàn thờ, chuẩn bị lễ.

Gia chủ đứng thẳng, chấp hai tay dơ cao lên ngang trán, cong mình cúi xuống, đặt hai tay vẫn chấp xuống chiếu, quỳ gối bên phải rồi gối bên trái xuống chiếu, cúi rạp đầu xuống gần hai bàn tay đang chấp (thế phủ phục), cất đầu và mình thẳng lên đồng thời co hai tay vẫn chấp lên trước ngực, co đầu gối bên phải lên, đặt bàn chân phải lên chiếu để sửa soạn đứng dậy, hai bàn tay vẫn chấp xuống tì vào đầu gối bên phải mà đứng lên.

Lời khấn :

Nước... năm... tháng... ngày... tỉnh... huyện... (phố... phường... số nhà...)... là con (cháu) của... cùng vợ, con... và cả gia đình thành kính kính dâng (kể tên những thứ đem cúng) lên... tên huý, tên thụy, tên hiệu..., mất... Hôm nay là ngày giỗ, xin kính dâng lễ bạc, mời... soi xét lòng thành, phù

hộ cho con cháu... Kính mời ông bà tổ bốn đời, ba đời... (tên) cùng... về hưởng lễ cúng.

Cẩn cáo

Lúc khấn, khi nhắc đến tên người đã mất, phải hạ thấp giọng xuống (tỏ ý kính cẩn), mỗi lần đọc tên lại cúi đầu vái một cái.

Mời ăn cỗ giỗ cũng có hẹn giờ, thường là vào khoảng từ mười một giờ trưa trở ra. Những khách khứa tới ăn giỗ có mang đồ lễ để cúng người khuất, thường là vàng hương, trầu rượu, trà nén, hoa quả. Con cháu khi khách tới phải đón đồ lễ đặt trên bàn thờ trước khi khách lễ. Khách sẽ lễ trước bàn thờ bốn lạy ba vái. Gia chủ phải tự bản thân hoặc cử đại diện đứng đáp lễ. Lễ bàn thờ xong, khách quay sang vái người đáp lễ.

Sau khi khách đã ăn trầu uống nước, người nhà mời khách dự cỗ. Một mâm cỗ dùng cho bốn người. Mỗi lần đủ bốn người khách, chủ nhà dọn một mâm mời cỗ nhưng khách đàn bà ngồi riêng, đàn ông ngồi riêng, người nhiều tuổi với người nhiều tuổi. Ngoài ra chủ nhà lại phải lựa những người cùng địa vị hoặc địa vị xấp xỉ như nhau để mời vào một mâm. Hương đèn trên bàn thờ luôn luôn thấp sáng để khách khứa tới lễ.

Khi khách đã vãn, gia chủ mới cúng thêm tuần rượu nữa, rồi lễ tạ, hoá vàng.

Hoá vàng

Hoá vàng, tức là đem đốt những vàng mã của con cháu gửi giỗ hoặc khách khứa mang tới. Phải kể cả những tấm hàng, những cuộn giấy đi màu, tượng trưng cho những tấm vải, con cháu đã mua cúng trong ngày giỗ, cũng được hoá cùng với vàng mã.

Cho đến khi hoá vàng, ngày giỗ mới kể là xong. Lúc hoá vàng, con cháu đổ vào đồng lửa một chén rượu cúng, chén rượu này cốt để biến những vàng mã giấy trên dương gian thành vàng thật, đồ dùng thật dưới âm phủ. Người ta lại còn thường hơ một chiếc đòn gánh hoặc một chiếc gậy trên ngọn lửa hoá vàng có ý rằng các cụ sẽ dùng chiếc đòn đánh hoặc chiếc gậy này để gánh vàng mã về cõi âm.

Sau khi hoá vàng, hương đèn trên bàn thờ không cần giữ cháy nữa.

Văn khấn giỗ

Một mâm cơm dù thịnh soạn và dù có con cái mình, nếu chúng không mời mà chỉ đặt lên bàn thờ, ắt hẳn các cụ cũng không phối hưởng. Bởi vậy trong ngày giỗ, con cháu phải khấn mời để tổ tiên phối hưởng, lời khấn dù thô sơ tới đâu, hương hồn của các cụ cũng thông cảm và thụ hưởng những vật của con cháu dâng lên.

Người Việt vốn xưa nay trọng lễ nghi, mọi trường hợp cúng vái đều có văn khấn riêng. Ngày nay, Hán tự không còn thịnh, khấn giỗ người ta thường khấn nôm...

Khi khấn đến tên người chết, phải khấn lâm râm rất khẽ trong miệng để tỏ lòng thành kính. Cần khấn hết tên tục, tên hiệu, tên hèm của người hưởng giỗ. Tên tục là tên lúc sống vẫn gọi, tên hiệu tức là biệt hiệu, còn tên hèm tức là tên phụng - tên khi người hấp hối tự đặt cho mình để sau này con cháu khi cúng thì khấn tới.

Còn cháu lúc khấn giỗ cần phân biệt các hàng kỵ, cụ, ông bà và cha mẹ. Đàn ông khấn chữ "khảo" còn đàn bà khấn chữ "tỷ". Cao tăng tổ khảo tức là kỵ ông, đối với người khấn là năm đời chứt. Cao tăng tổ tỷ tức là kỵ bà. Tăng tổ khảo tức là cụ ông, tăng tổ tỷ tức là cụ bà, đối với người khấn là bốn đời (chất). Tổ khảo tức là ông, tổ tỷ tức là bà, đối với người khấn là ba đời (cháu). Hiền khảo tức là cha, hiền tỷ tức là mẹ. Kể từ đời thứ sáu (chít) trở đi, con cháu không phải cúng giỗ nữa.

Trong ngày giỗ, sau khi khấn giỗ xong, phải buông y môn xuống để các cụ hưởng lễ.

+ Nếu trong nhà có bàn thờ gia thần (Táo quân, Thổ thần) riêng, thì trước khi cúng giỗ phải đến làm lễ trước ở bàn thờ gia thần để xin giúp.

Lời khấn yết cáo gia thần :

Duy !

Niên hiệu...

Tỉnh... huyện... xã... thôn...

Tín chủ... (tên người chủ lễ)

Kim nhân : Hiên khảo (hiên tử, hiên tổ khảo, tổ tử... (đọc linh vị người được cúng giỗ) huý nhất lai lâm,

Cẩn dĩ : hương đăng, trâm trà, phù tửu, quả phẩm, đăng vật chi nghi.

Liệt vị tôn thân toạ tiền, cảm kiến cáo vu :

Kính cáo : Bản gia Đông trù tư mệnh Táo phủ thân quân, bản gia tiên sư, tiên thánh, bản viên thổ công, bản đường ngũ liệt vị tôn thân mặc thuy chiếu giám, tích chi khang thái. Nguyên tỵ xí bản đường chư tiên linh, cập phụ vị thương vong tông tư đồng lai hâm hưởng.

Cẩn cáo

+Sau khi đã làm lễ trước bàn thờ gia thần thì đến làm lễ tại bàn thờ gia tiên.

Lời khấn :

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Con (hoặc em, cháu) là... nguyên quán tại... hiện ngụ tại...

Nay nhân ngày giỗ (ông, bà, cha, mẹ)... là

(tên)... hiệu là... xin sửa soạn mâm cúng (chay hoặc mặn)... cùng hoa quả đèn hương, để kính mời :

Cụ tổ là (ông, bà, cha, mẹ)... cùng đến chứng giám lễ bái, hưởng ba tuần rượu. Xin liệt vị phù hộ độ trì cho con cháu gia đình được quanh năm yên ổn, việc lành thì đến, việc dữ thì qua.

Cẩn cáo

Lời khấn giỗ (chồng, vợ) :

Năm... tháng... ngày... chồng (vợ) là... hôm nay ngày... gọi chút xót thương, nhớ đến người xưa... trước bàn thờ than rằng :

Tình nghĩa vợ chồng, âm dương xa cách.

Từ khi khuất mặt cõi trần, những tưởng chút lòng ân ái.

Đã đành sinh ký tử quy, vẫn nhớ lời ăn tiếng nói.

Năm qua ngày tháng, việc cúng hôm nay, linh hồn có thiêng, thấu tình một chút, hộ chồng (vợ) còn mạnh khoẻ luôn luôn, coi nhà cửa bình yên mãi mãi.

Tâm hưởng

+ Nếu thờ gia thần chung một bàn thờ với gia tiên thì lời khấn theo mẫu dưới đây :

"Hôm nay !

Ngày... tháng... năm... giờ... tức là năm thứ... nước...

Tại : thôn... xã... huyện... tỉnh... (hoặc số nhà... phường... quận... thành phố...).

Con... (hoặc cháu đích tôn) là... vâng theo lệnh của... (ai đó thuộc các bậc bề trên như ông, bà, bố, mẹ, chú, bác...) cùng các... (ai đó thuộc bề dưới như các em, các cháu) nội, ngoại kính lạy.

Nay nhân ngày giỗ của... đã tới, gọi là theo nghi lễ cổ truyền, có kính cẩn sắm các lễ vật gồm...

Kính dâng lễ mọn biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của : Hiển... chân linh.

Xin kính cẩn trình thưa rằng :

Than ôi ! Phụ thân (hoặc phụ mẫu), vắng xa trần thế, chẳng thấy dương âm

Năm qua tháng lại, vừa ngày huý lâm. Ôn vọng cực, xem bằng trời lớn, nghĩa tứ thân, xót nghĩ tình thâm.

Nhân ngày giỗ kính dâng lễ mọn.

Tỏ lòng thành đốt nén hương trầm.

Nguyện tiên linh độ trì dương thế,

Nguyện vong hồn siêu thoát cõi âm.

Thượng hưởng.

Xin kính mời :

Hiển...

Hiển...

...

Cùng các vị tiên linh tổ bá, tổ thúc, tổ cô và các vong linh phụng thờ theo tiên tổ cùng về hưởng.

Kính cáo : liệt vị tôn thân : Táo quân, Thổ công, Thánh sư, Tiên sư, ngũ tự gia thần cùng chứng giám và phù hộ cho toàn gia được mọi sự an lành tốt đẹp.

Cẩn cáo"

Nhìn chung các bài văn tế, văn khấn đã nêu ví dụ ở các phần trên đều chia ra ba phần chính :

Phần một : Gồm có ngày, tháng, địa điểm, tên người đứng ra cúng tế và lễ vật dâng cúng.

Phần hai : Nêu tên, tuổi, thụy, hiệu của người được cúng tế.

Phần ba : Nói rõ mục đích của lễ tế, nhân dịp nào.

Văn tế thường làm theo một thể riêng như thể phú.

Văn khấn có thể viết theo văn vần, gồm một đoạn theo thể phú, hoặc bằng văn xuôi. Văn khấn cũng như văn tế, khi xưa người hay giỏi chữ Nho thường dùng Hán văn, về sau người ta chuyển sang Việt văn. Cần nhất là hay, có ý nghĩa và được đọc một cách trang trọng.

Điều lưu ý là trong các lễ giỗ kỵ, văn khấn cần nên viết sẵn ra giấy. Người chủ lễ đứng trước bàn

thờ, vái 4 vái rồi cắm giấy mà đọc. Đọc xong vái năm vái rồi thân nhân trong gia đình vào lễ theo thứ tự.

Người Thiên chúa giáo làm giỗ

Người Thiên chúa giáo cũng làm giỗ, nhưng thủ tục có hơi khác so với những người không theo tôn giáo này. Ngày giỗ là ngày kỷ niệm người chết qua đời, cho nên vào ngày đó, con cháu đều nghĩ tới ông cha, và khi người ta đã tin vào linh hồn bất diệt thì ngày giỗ tới cũng phải làm gì đó để kỷ niệm.

Tới ngày giỗ, người Thiên chúa giáo xin lễ tại nhà thờ để cầu nguyện cho hương hồn người chết ; và ở nhà cũng làm cỗ mời khách khứa, họ hàng làng nước tới ăn bữa tiên thường. Ngày này, họ đi viếng mộ, đắp lại mộ và đặt vòng hoa. Những gia đình khá giả, làm giỗ to cũng phải làm rạp.

Giỗ họ

Nhiều gia đình họp thành một ngành, nhiều ngành họp thành một họ. Mỗi họ có một ông Tổ chung. Ngày giỗ ông Tổ gọi là ngày giỗ họ hoặc giỗ Tổ. Người trưởng tộc lo việc làm giỗ, nhưng tất cả các ngành trong họ đều phải đóng góp. Theo luật tục, trưởng tộc được hưởng của hương hoả của tổ tiên để lại, và của hương hoả không được bán, phải

để gây hoa lợi dùng trong việc tế tự và cúng giỗ. Dầu có của hương hoả, nhưng ngày giỗ Tổ, các hàng con cháu đều góp giỗ.

Ngày giỗ Tổ, trưởng các ngành chi họ đều có mặt ở nhà thờ họ. Vào ngày này, các họ lớn có mời phường bát âm tới tế lễ. Về số tiền cúng để góp giỗ, thường tính theo đầu đàn ông trên 18 tuổi, còn đàn bà và trẻ con được miễn. Có nhiều họ, con gái không được dự giỗ, vì con gái khi lấy chồng sẽ thuộc họ khác, con dâu được tới dự giỗ.

Ngày giỗ họ, không mời khách khứa, chỉ có con cháu trong họ cúng lễ và ăn uống với nhau. Có họ to, nhân dịp ngày giỗ có mời phường chèo, phường múa rối tới múa hát cho con cháu xem.

Giỗ hậu

Nhiều người không có con trai cúng giỗ, và cũng không lập tự vì không phải ngành trưởng, và vì cũng nghĩ rằng, kẻ ăn thừa tự sau này vẫn có thể bỏ giỗ mình được, nhưng sẵn tiền của, những người này đóng tiền hoặc mua ruộng nương cúng vào họ, vào chùa, vào đền để về sau khi qua đời, chùa đền sẽ cúng giỗ. Những giỗ cúng như vậy gọi là *giỗ hậu*.

Tại nhiều làng trong hương ước có ghi cả khoản *mua hậu*, nghĩa là người nào muốn sau này làng cúng giỗ phải bỏ tiền ra mua sự cúng giỗ đó

với làng. Tiên *mua hậu* nộp vào quỹ làng để sắm thêm tỳ khí, mở đền đình hoặc dùng trong việc công ích khác. Những người *mua hậu* có thể phòng sẵn cả việc mai táng của mình, nhờ làng nước chùa chiền hoặc họ làm ma.

Trong những ngày *giỗ hậu*, tại nhà thờ họ, trưởng tộc cúng *giỗ* và có mời một số con cháu trong họ tới dự *giỗ*. Tại đình, các hương chức quan viên cúng *giỗ*, rồi cùng nhau chia phần hưởng lộc, ăn uống ngay tại đình hoặc mang về. *Giỗ hậu* cúng ở nơi *nhà hậu*, một căn nhà riêng tại các đình chùa dùng để làm *giỗ hậu*.

Người khấn *giỗ* tại đình thường là ông thủ từ hoặc ông tiên chỉ, Trong ngày *giỗ hậu*, ngoài việc cúng người hưởng *giỗ*, dân làng cũng phải sửa lễ để cáo Thành hoàng. Tại chùa, việc khấn vái do một vị sư đảm nhiệm. Ở đây trong ngày *giỗ hậu* có tụng kinh để cầu an cho vong hồn người khuất.

Lập tự

Dân ta vì tin rằng, khi cúng lễ phải do người đồng khí huyết với người khuất khấn vái hương hồn, người khuất mới có thể phối hưởng được. Chính vì muốn có người giữ việc khói hương thờ phụng tổ tiên nên ta có tục phải lo sao cho có con trai để *lập tự*. *Lập tự* trước hết phải lập con vợ cả, trừ trường hợp vợ cả đã quá năm mươi tuổi không

có con trai, mới lập con vợ lẽ. Nếu tất cả vợ chính, vợ thứ đều không có con, phải chọn một người cháu gọi bằng chú hay bằng bác, không có cháu gần thì lập cháu xa để giữ việc thừa tự cho mình. Lập tự phải thứ tự "chiêu mục" nghĩa là người được hưởng thừa tự của người trên, như cháu thừa tự cho chú bác, em thừa tự cho anh, chứ không làm ngược lại.

Người được lập thừa tự nếu là con nuôi người lập thì phải ăn ở với cha mẹ nuôi như với cha mẹ đẻ, phải thực hiện mọi bổn phận của người con đẻ, không được tự ý bỏ cha mẹ nuôi về nhà mình. Tuy người thừa tự đã lập rồi, nhưng nếu vì tính hạnh xấu xa, vẫn có thể bỏ đi để lập người khác, gọi là lập hiền hay lập ái. Trong khi lập tự, không được dùng con đinh hoặc con trưởng, vì những người này còn phải giữ việc khói hương của chính cha mẹ đẻ.

Trong trường hợp cha mẹ nuôi con sau khi đã lập tự mới sinh được con trai, người được lập tự có thể về ở với cha mẹ đẻ mình, hay có thể cứ ở lại với cha mẹ nuôi, sẽ được hưởng một phần gia tài và có đủ mọi quyền lợi như con đẻ. Người đàn ông không con, không lập tự lúc sống. Lúc chồng chết rồi, vợ có bổn phận thoả thuận với tộc trưởng để lập tự lấy người cúng giỗ cho chồng và gia tiên nhà chồng.

Những người đã hỏi vợ (chưa cưới hay mới

Hài nhi yếu vong với ngày giỗ

Thường tục lấy tuổi lên ba là tuổi hiểu biết. Những trẻ chết dưới tuổi này, người ta cho rằng đó chỉ là những đứa trẻ lộn kiếp, nhất là những trẻ sơ sinh.

Đối với những trẻ sinh ra được ít lâu sau mới chết, người ta còn tin rằng, cha mẹ chúng kiếp trước có nợ chúng, nên kiếp này chúng đầu thai vào để đòi đủ số nợ lại ra đi. Nợ hết là chết, nên đối với những trẻ hài nhi này, sự cúng giỗ không cần. Nhưng nhiều gia đình thương con, dù chúng chết yếu dưới tuổi hiểu biết, tới ngày giỗ họ vẫn cúng.

CÁC VỊ THẦN TẠI GIA

Từ buổi sơ khai của lịch sử, thiên nhiên chính là cái nôi nuôi dưỡng con người, nhưng cũng chính là lực lượng đe dọa cuộc sống con người.

Hình ảnh buổi đầu của thần linh Việt là các thần cây, thần đá, sau đó là các thần sông nước, thần rắn... là lực lượng mà sau này được gọi là các nhiên thần. Với quan niệm "sinh vi tướng, tử vi thần" với những người chết được tôn thờ là thần thì thoát kỳ thủy, người Việt mới chỉ tôn nghiêm những người trước khi chết, ở trần gian họ là người có sức mạnh hoặc có tài. Với việc thờ cúng các vị nhân thần như thế, người dân biểu lộ sự nhớ ơn và tôn thờ sức mạnh, cầu ban sức khoẻ cho người và gia súc. Dưới con mắt của dân chúng, không có sự phân biệt thứ bậc, chủng loại, mà mọi vị thần đều linh thiêng, đều có phẩm chất là lực lượng siêu nhiên quyền năng vô hạn. Họ đến với thần để cầu viện được người an vật thịnh.

Cũng như các tôn giáo khác, tín ngưỡng thờ thần của người Việt, ngoài mục đích thoả mãn tâm

linh, còn hướng con người đến một lý tưởng Chân - Thiện - Mỹ. Niềm tin này đã giúp cho con người thêm ý chí và nghị lực vượt qua những gian khổ cuộc đời, cũng như hạn chế những điều ác mà thực hành điều thiện.

THỔ CÔNG

Dân ta từ xưa đã có câu "Đất có Thổ công, sông có Hà Bá" nghĩa là tại các gia cư, Thổ công chính là vị thần trông coi gia đình, định dự họa phúc cho gia đình tín chủ. Nhờ ngài mà ma quỷ không xâm nhập được để quấy nhiễu những người trong nhà, và nếu được người phù hộ thì sẽ làm ăn khấm khá, mạnh khoẻ.

Thổ công (còn gọi là ông Thổ hay ông Địa) có thể là vô hình, nên thờ cúng ngài chỉ cần đặt bát hương riêng của ngài lên bàn thờ, ngoài những ngày kỵ, giỗ chạp, thì ngày Sóc ngày Vọng hàng tháng đều có thắp hương, cúng hoa quả cho ngài. Ở nhiều nơi, nhất là ở thành thị, ông Địa được hình tượng hoá dưới hình dáng một ông già to béo, bụng phệ, vẻ mặt hiền lành, miệng cười thoải mái. Khi có tượng ông Địa, có thể đặt ở bàn thờ hay một nơi nào đó trong nhà, thuận tiện cho việc hương khói thường ngày.

Định phúc Táo quân

Tức là ông vua Táo định phúc đức cho gia đình. Phúc đức này do sự ăn ở phải đạo hay trái đạo của người nhà. Táo quân thường được tôn là Đệ nhất gia chi chủ, chính vì vậy mà mỗi khi muốn cúng lễ đều phải cúng Táo quân trước và xin phép ngài để những vị được cúng lễ có thể tới phối hưởng. Hai bên bài vị bao giờ cũng có một đôi câu đối: "Hữu đức năng ty hoả; Vô tư khả đạt thiên" (Có đức trông coi việc lửa; Vô tư có thể lên trời). Tục tin rằng, ngày 23 tháng Chạp Táo quân lên châu trời, tâu bày mọi việc xấu tốt của trần gian.

Theo người Việt, Táo quân nghĩa đen là vua Bếp, có ba ngôi - ba vị thần linh, mà trong tích cũ kể rõ rằng: Ngày xưa có hai vợ chồng nhà kia là Thị Nhi và Trọng Cao, lấy nhau đã lâu không có con, buồn phiền thương cãi cọ nhau. Một hôm, Trọng Cao giận quá đánh vợ. Bực mình, Thị Nhi bỏ nhà ra đi, gặp một chàng trai là Phạm Lang. Phạm Lang đem lời quyến rũ nên được cùng Thị Nhi ăn ở thành vợ thành chồng. Khi hết giận, Trọng Cao đi khắp nơi tìm và để xin lỗi. Mãi không thấy, hết tiền, Trọng Cao phải hành khất lần hồi. Một hôm, nhà Phạm Lang cũng đốt mã ngoài sân, có một hành khất vào ăn xin. Thị Nhi nhận ra chồng cũ, động lòng thương đem tiền gạo ra cho; bị Phạm Lang nghi ngờ, Thị Nhi lấy làm xấu hổ đâm đầu vào đồng lửa mà tự tử. Trọng Cao cảm tình ân

nghĩa cũng đâm đầu vào lửa chết theo; Phạm Lang thương vợ cũng nhảy vào đống lửa nốt. Trời thấy cả ba người đều có nghĩa mới phong cho làm Táo quân, nhưng mỗi người giữ mỗi việc. Phạm Lang là Thổ công trông nom việc trong bếp, Trọng Cao là Thổ địa trông nom việc trong nhà, Thị Nhi là Thổ kỳ trông nom việc chợ búa hoặc việc sinh sản màu vật ở vườn đất.

Bàn thờ Thổ công

Nhà nào đã tin theo Thần đạo đều có bàn thờ Thổ công. Những người thuộc ngành thứ, trong nhà không có bàn thờ tổ tiên, nhưng cũng thiết lập một bàn thờ Thổ công. Bàn thờ này thường đặt ở gian bên; tại những gia đình không có bàn thờ tổ tiên, bàn thờ Thổ công được đặt ở gian giữa.

Bàn thờ Thổ công giản dị, chỉ gồm một chiếc hương án, trên đó có chiếc mâm nhỏ và vài ba dĩa rượu. Đằng sau mâm, kê cao hơn, là bài vị Thổ công (có khi được thay bằng một cỗ mũ gồm ba chiếc, trong đó mũ đàn bà đặt ở giữa). Phía trước mâm là bát hương. Ở những gia đình nghèo, bàn thờ có khi chỉ là một chiếc bàn, trên đó có một bát hương và một cỗ mũ đặt ở phía sau. Dù bàn thờ có giản dị thế nào cũng vẫn là một bàn thờ đủ biểu lộ sự thành kính của gia chủ đối với vị thần trông coi gia cư mình.

Bài vị Thổ công

Tại bàn thờ Thổ công, không phải người ta chỉ thờ một vị thần, mà ở đây là ba vị thần với ba danh hiệu khác nhau: Thổ công, Thổ địa, Thổ kỳ. Bài vị của ba vị thần được lập chung và đề như sau:

Bản gia Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân

Bản gia Thổ địa Long mạch tôn thần

Bản gia Ngũ phương ngũ thổ Phúc đức chính thần.

Chữ "Bản gia" đặt lên trên vì mỗi nhà có riêng một Thổ công, và vị Thổ công của mỗi nhà đều được thay thế hàng năm vào ngày 23 tháng Chạp, tức ngày lễ Táo quân. Nhân dịp này, người ta sửa lễ cúng ông Công, rồi đốt bài vị cũ để thay bài vị mới.

Mũ Thổ công

Mũ Thổ công có thể là một cỗ ba chiếc (một đàn bà và hai đàn ông) hoặc chỉ có một chiếc đàn ông. Mũ đàn ông có hai cánh chuồn, còn mũ đàn bà thì không. Trường hợp thờ một mũ thì đó là mũ Thổ công. Cỗ mũ hoặc chiếc mũ đặt trên chiếc bệ bằng giấy; mỗi chiếc mũ có kèm theo chiếc áo và một đôi hia dính vào bệ giấy. Dưới mỗi chiếc mũ thường kê một trăm vàng thoi.

Mũ, áo và hia Thổ công mỗi năm một màu, ăn theo với ngũ hành - mỗi năm có một hành riêng, mỗi

hành là một màu khác. Năm nào hành Kim (như năm Quý Mão) thì ngũ màu vàng; năm nào hành Mộc thì ngũ màu trắng; năm nào hành Thủy thì ngũ màu xanh; năm nào hành Hoả thì ngũ màu đỏ; năm nào hành Thổ thì ngũ màu đen. Cũng như bài vị, hàng năm ngũ Thổ công cũng được đem hoá vào ngày Tết Táo quân và được thay thế bằng ngũ khác; cỗ ngũ này cũng chỉ để thờ đến 23 tháng Chạp năm sau.

Cúng Thổ công

Cúng Thổ công vào những ngày giỗ, tết, sóc vọng. Lễ cúng tùy theo gia chủ có thể cúng chay, có thể cúng mặn; thường thì trong những ngày sóc vọng, người ta hay cúng chay, đồ lễ chỉ gồm có giấy vàng, giấy bạc, trầu, nước, hoa quả. Tuy nhiên cũng có nhà cúng mặn; đồ lễ ngoài những thứ kể trên, phải có thêm rượu, xôi, gà (hoặc chân giò). Trong những ngày giỗ tết, trong nhà có làm cỗ.

Ngoài ra, trong mọi trường hợp làm lễ cáo gia tiên đều có cúng Thổ công, và người ta cũng khẩn cầu sự phù hộ của Thổ công. Khi cúng Thổ công phải khẩn cả ba vị thần linh ghi trong bài vị, tức là: Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân; Thổ địa Long mạch tôn thân; Ngũ phương ngũ thổ Phúc đức chính thần.

Mẫu văn khẩn (bản dịch):

*Nước Đại Việt, năm.... tháng Giêng ngày Rằm
Tín chủ là... toàn gia cư trú tại xã... huyện,*

tỉnh... trăm bái.

Kính cẩn dâng lên rượu nước, bạc vàng, đèn hương, hoa quả, cỗ bàn phẩm vật cùng mọi đồ lễ.

Cùng mời:

Bản gia Thổ công tại vị ở trước

Thổ địa tại vị ở trước

Thổ kỳ tại vị ở trước

Giáng lâm chứng giám.

Cầu xin phù hộ gia chủ từ già đến trẻ hạnh phúc, bình an, không bệnh không tật.

Thượng hưởng

Tết ông Công

Lễ cúng Thổ công quan trọng nhất trong năm là Tết ông Công vào ngày 23 tháng Chạp. Theo tín ngưỡng cổ truyền, vào ngày này, Thổ công lên châu Ngọc hoàng để báo cáo về những việc tai nghe mắt thấy ở trần gian. Nhiệm vụ của Thổ công là ghi chép tất cả mọi việc tốt xấu xảy ra trong gia đình một cách khách quan.

Sau khi cúng ông Công (23 tháng Chạp), người ta hoá vàng, đồng thời hoá cả cỗ mũ năm trước. Lại mua tặng ông Công một con cá chép (ngựa của ông Công), được phóng sinh ra sông hoặc hồ ao sau lễ cúng. Con cá sẽ hoá rồng đưa ông Công lên châu trời.

THẦN TÀI

Người Việt xưa tin rằng thần Tài là vị thần mang tài lộc đến cho gia đình, nên người ta tin thờ. Mỗi khi làm việc gì, gia chủ thường cầu khẩn Thần Tài. Sở dĩ người ta thờ Thần Tài ở xá xĩnh là do điển tích: xưa kia lái buôn tên là Âu Minh, khi đi qua hồ Thanh Thảo, được Thủy thần cho một nô tỳ tên là Như Nguyệt. Âu Minh đưa Như Nguyệt về nuôi, trong nhà làm ăn phát đạt, chỉ vài năm đã giàu to. Về sau, nhân một ngày tết, Âu Minh đánh Như Nguyệt. Sợ hãi Như Nguyệt chui vào đồng rác rồi biến mất. Từ đó, Âu Minh sa sút dần, chẳng mấy lúc nghèo kiệt.

Người ta bảo Như Nguyệt là Thần Tài và lập bàn thờ để thờ. Từ đó, ngày Tết ta có tục kiêng hót rác trong ba ngày đầu năm, sợ hót mất Thần Tài trong đồng rác đổ đi, thì việc làm ăn sẽ không phát đạt. Cũng theo sự tích trên, Thần Tài là một vị nữ thần.

Bàn thờ Thần Tài

Vì theo điển tích trên mà bàn thờ Thần Tài

không được đặt ở trên cao, ở một nơi quang đãng trong nhà, mà thường được thiết lập ở những nơi xó xỉnh - góc nhà hoặc hàng hiên, và bàn thờ cũng không cần to tát, chỉ là một cái khăn nhỏ sơn son thếp vàng, có khi chỉ là một thùng gỗ dán giấy đỏ.

Bên trong khám dán bài vị của Thần Tài, cũng viết trên giấy đỏ. Chữ viết thường bằng kim nhũ: *Ngũ phương ngũ thổ Long thần; Tiền hậu địa chủ Tài thần*. Hai bên bài vị có đôi câu đối: *Thổ năng sinh bạch ngọc; Địa khả xuất hoàng kim* (Đất hay sinh ngọc trắng, Đất khả có vàng ròng). Đôi câu đối này có thể thay đổi, nhưng bao giờ cũng có một đôi. Trước bài vị là một bát hương kê trên một trăm vàng thoi. Hai bên là hai cây đèn nhỏ đủ thấp (để không bốc cháy lên khám). Gia chủ còn thu xếp để có chỗ đặt mấy chén nước, rượu. Cũng có một mâm bông để bày hoa quả, phẩm vật khi cúng lễ.

Có nhà khắc trên mặt khám mấy chữ đại tự, và ở hai bên có đôi câu đối đại ý xứng tụng sự giúp đỡ của Thần Tài và sự cầu mong của gia chủ.

Cúng Thần Tài

Dân ta chỉ cúng Táo quân trong những ngày sóc vọng và giỗ tết, nhưng lại cúng Thần Tài quanh năm. Trong những ngày sóc vọng, giỗ tết, lễ cúng Thần Tài có khi cúng mặn, thậm chí là cả

một mâm cỗ. Trong những ngày thường, lễ cúng rất đơn giản, chỉ có trầu nước, đôi khi thêm một đĩa trái cây.

Mỗi buổi chiều, bàn thờ Thần Tài được thắp hương lên, có khi gia chủ khấn vái, có khi chỉ khấu thủ trước bàn thờ. Chỉ trong ngày sóc vọng, giỗ tết, sự khấn vái mới cần thiết. Văn khấn Thần Tài cũng như văn khấn Thổ công, chỉ thay đổi chỗ cung thỉnh... *Tài thần vị tiên...*

THÁNH SƯ

Thánh sư (Tiên sư hay Nghệ sư) tức là ông Tổ một nghề, người đã truyền dạy nghề đó cho đời sau. Các vị Thánh sư rất được tôn trọng. Ở nhiều nơi, những người cùng làm một nghề, cùng buôn một thứ hợp nhau thành phường, có miếu thờ Thánh sư riêng; ngày giỗ của Thánh sư gọi là giỗ phường, cúng giỗ tại miếu và mọi người trong phường cùng tới lễ. Các thành viên trong phường phải cùng nhau góp tiền để cúng giỗ. Những phường to thường có tài sản riêng, có ruộng vườn để lấy hoa lợi dùng trong việc thờ tự Thánh sư. Giỗ phường có khi được làm rất to, có tổ chức các trò vui như một ngày hội: múa rối, hát chèo, đánh đu, đánh cờ...

Bàn thờ Thánh sư

Người Việt bao giờ cũng biết nhớ ơn những người có công với mình, nên ngoài bàn thờ Thánh sư ở miếu phường, mỗi thành viên của phường đều thờ Thánh sư tại nhà riêng. Bàn thờ được thiết lập trên một hương án kê sát tường hậu gian bên.

Trong cùng chính giữa hương án là một chiếc

bệ, trên có kê bài vị Thánh sư gồm tên họ, nghề nghiệp sáng tạo của Thánh sư. Bài vị này có khi được thay bằng một bức chân dung của Thánh sư. Có nhà thờ cả một pho tượng Thánh sư thay cho bài vị. Trước bài vị là một chiếc bàn nhỏ có kê đài rượu có nắp đậy. Trước bàn này là bát hương hoặc đỉnh trầm với hai bên có đèn nến, ống hương, mâm bông.... Ngoài cùng cũng có một chiếc y môn.

Cũng có gia đình đã lập ban riêng để thờ Thánh sư, ở ngoài cửa ban có treo một chiếc màn nhật nguyệt vẽ long phụng châu hai bên.

Cúng Thánh sư

Vào những ngày sóc vọng, tuần tiết, giỗ tết, trong khi cúng gia tiên và Thổ công, gia chủ cũng cúng Thánh sư với đồ lễ tương tự như đồ lễ cúng Thổ công; nhưng lễ cúng Thánh sư quan trọng nhất trong năm nhằm vào ngày kỵ nhật của Thánh sư.

Văn khấn Thánh sư cũng như văn khấn Thổ công, chỉ thay đổi *cung thỉnh Thổ công* thành *cung thỉnh Thánh sư*, theo như bài vị của từng nghề, mỗi nghề một vị Thánh sư. Thí dụ, ông trạng Bùng tức Phùng Khắc Khoan dạy dân ta nghề dệt, the lụa vào đời vua Lê Kính Tông.

Những người hành nghề, mỗi khi gặp việc trắc trở, đều làm lễ kêu khấn Thánh sư để được phù hộ gặp sự may mắn.

ĐẠI VƯƠNG HÀNH KHIỂN

Theo quan niệm và tín ngưỡng dân gian, dân ta tin rằng, ngoài các vị thần hữu danh và vô danh, có các vị thần thời gian nữa, gọi là Đại vương hành khiển. Có tất cả 12 vị, ứng với thập nhị chi. Mỗi vị có trách nhiệm trông coi nhân gian một năm. Có ý kiến cho là ngày các vị cũ ra đi và các vị mới xuống nhân gian trùng với ngày ông Táo lên trời (23/12) và trở về mặt đất (30/12). Mỗi vị hành khiển đều có một phán quan giúp việc. Đại vương hành khiển lo thi hành mệnh lệnh của Ngọc Hoàng và trình lên ngài những việc đã xảy ra. Vị phán quan lo ghi chép công tội của mọi người, mọi nhà. Tính cách các vị hành khiển cũng khác nhau: hoặc nhân đức, hoặc khắc nghiệt.

1. Năm Tý - Chu vương hành khiển, Thiên ôn hành binh chi thần. Lý tào phán quan.

2. Năm Sửu - Triệu vương hành khiển, Tam thập lục phương hành binh chi thần Khúc tào phán quan.

3. Năm Dần - Ngụy vương hành khiển, Mộc

tinh chi thân. Tiêu tào phán quan.

4. Năm Mão - Trịnh vương hành khiển, Thạch tinh chi thân. Kiếu tào phán quan.

5. Năm Thìn - Sở vương hành khiển, Hoả tinh chi thân. Biếu tào phán quan.

6. Năm Ty - Ngô vương hành khiển, Thiên hải chi thân. Hứa tào phán quan.

7. Năm Ngọ - Tân vương hành khiển, Thiên hao chi thân. Nhân tào phán quan.

8. Năm Mùi - Tống vương hành khiển, Ngũ đạo chi thân. Lâm tào phán quan.

9. Năm Thân - Tề vương hành khiển, Ngũ miếu chi thân. Tống tào phán quan.

10. Năm Dậu - Lỗ vương hành khiển, Ngũ nhạc chi thân. Cự tào phán quan.

11. Năm Tuất - Việt vương hành khiển, Thiên bá chi thân. Thành tào phán quan.

12. Năm Hợi - Lưu vương hành khiển, Ngũ ôn chi thân. Nguyên tào phán quan.

TIỀN CHỦ

Tiền chủ là người ở trước tiên rồi chết trong ngôi nhà này. Ngôi nhà qua thời gian, theo mọi sự biến cố mà lưu chuyển từ gia chủ nọ tới gia chủ kia. Ai có tiền thì tậu nhà, không có tiền lại bán. Ở dương thì vậy, nhưng tại cõi âm, người tiền chủ vẫn nhớ ngôi nhà của mình, nên thỉnh thoảng đi lại thăm nom, coi những chủ sau không thực sự là chủ ngôi nhà. Gia chủ không muốn bị vong hồn người tiền chủ quấy rối, thì phải lập bàn thờ tiền chủ.

Bàn thờ tiền chủ

Bàn thờ tiền chủ thường xây ở ngoài sân, gồm một cột trụ cao hơn đầu người, mé trên xây rộng ra thành một bàn thờ, trông giống như một chiếc ngai, có thành ở đằng sau và hai bên. Trên bàn thờ này có đặt một bát hương. Không có bài vị, vì không ai biết tên tiền chủ là gì. Khi cúng chỉ cần khấn bản gia tiên chủ là đủ. Có nhiều người đi xem bói, được thầy bói gieo quẻ nói cho biết họ tên tiền chủ khi cúng có khấn thêm, nhưng bao giờ

cũng khẩn rồ là tiên chủ ngôi nhà.

Người ta cúng tiên chủ vào những ngày Rằm, mồng Một, giỗ tết. Đồ lễ cúng giống như đồ lễ cúng Thổ công. Đôi khi trong nhà có điều gì không ổn, người ta cũng cúng khẩn tiên chủ để cầu sự bình yên.

CÁC VỊ THẦN KHÁC

Đức Thánh Quan

Là Quan Vân Trường đời Tam Quốc (Trung Quốc), một người theo sử sách, lúc sinh thời rất trung trực lúc chết đã hiển thánh. Trên bàn thờ có tượng hoặc bức tranh của ngài. Bức tranh thường vẽ ngài ngồi giữa, bên phải là Quan Bình, con nuôi, và bên trái là Châu Xương, gia tướng trung thành. Trước bức tranh để bát hương với các đài để trầu rượu, chiếc mâm bông để các đồ lễ cúng vái.

Thần Hồ

Thường người ta thờ thần Bạch Hồ, hoặc thần Ngũ Hồ, tức là năm thần Hồ năm sắc. Bàn thờ thường lập một nơi riêng, nhiều khi là ở một chiếc ban xây ngoài sân, hay chiếc miếu xây ở ngoài vườn. Đây là dấu vết của sự thờ cúng thú vật từ thuở hồng hoang của lịch sử.

Cúng thần Hồ cũng cúng vào những ngày sóc vọng hoặc trong nhà có công việc gì cáo với gia

tiên. Cúng thần Hồ ngoài trầu rượu phải cúng mặn, phải dùng thịt sống hay trứng sống làm đồ lễ. Cúng thần Hồ xuất phát từ niềm tin rằng con hổ là thần linh hay chúa tể của mọi vật, có mãnh lực chống được ma quỷ, bảo vệ được thân xác cũng như linh hồn của bá tính.

Sơn thần

Những gia đình ở vùng núi non, nhà nào cũng có bàn thờ thần núi tại nhà, để tiện việc cúng lễ, và cũng mong được Sơn thần phù hộ, người ta thờ ngay Sơn thần tại nhà. Bàn thờ Sơn thần được thiết lập tại một chiếc bàn riêng, thường xây ở vườn về phía chân núi. Bàn thờ không có bài vị, chỉ có bát hương và các đồ thờ khác. Những chiếc bàn thờ được xây, thường bên trên thờ Sơn thần bên dưới thờ thần Hồ.

Mộc tinh

Nhiều gia đình, sau khi tậu được một dinh cơ lớn có vườn rộng, và trong vườn lại có vài cây thuộc loại cổ thụ, dọn đến ở gặp phải một vài việc không tốt đẹp, như trong nhà có người đau ốm, của cải mất mát, cho là tại những cây cổ thụ có thần, và vì chủ nhân chưa biết tới mình nên họ đã ra uy để chúng tỏ sự hiện diện của mình. Gia chủ phải lập miếu thờ ở gốc cây. Tục còn tin rằng, những cây to xanh tốt thường có hồn ma trú ngụ, muốn được yên cần phải có cúng lễ.

TÍN NGƯỠNG TẠI CÁC ĐỀN, PHỦ

Tại các đình, đền, miếu, phủ lớn thường có người thường xuyên túc trực hôm sớm đèn nhang phụng thờ thần linh, thành hoàng, thánh Mẫu. Ngoài ra, tại các nơi thờ tự như vậy đều có những kỳ lễ hội dâng hương định kỳ vào các dịp tuần, tiết, sóc, vọng.

Ở các vùng nông thôn, vào dịp cấy lúa cũng có thể làm lễ gọi là "Lễ Hạ điền" và khi lúa đã bắt đầu trở đòng đòng cũng có thể có kỳ lễ dâng hương gọi là "Lễ Thượng điền" : Lại còn có cả lễ Thượng tân vào tháng Chín âm lịch, tức cũng là lễ Cơm mới.

Đến với những nơi thờ tự như vậy, trước hết là biểu hiện của một tập tục văn hoá truyền thống, là thể hiện sự tôn trọng, tôn sùng, nhớ ơn của các vị tiên nhân đã có công với cộng đồng làng, xã, dân tộc trong lịch sử. Đó cũng là thể hiện đạo lý của con người Việt Nam "uống nước nhớ nguồn" : trong dòng họ gia đình thì công ơn tiên tổ, trong làng xã thì có thành hoàng... là những bậc đã có công khai phá lập làng, đánh giặc, cứu nạn trừ tai.

Ngoài các kỳ lễ dâng hương nói trên, thường mỗi năm một lần còn có những kỳ dâng hương lớn, đó là những kỳ dân làng mở hội vào đám.

Hội có thể mở vào những ngày nhân dịp mùa Xuân hay mùa Thu nhưng cũng có thể chọn ngày sinh hay ngày mất của thần linh để mở hội vào đám.

Những kỳ lễ dâng hương lớn như vậy thường có thể kéo dài nhiều ngày. Ngoài việc tế thần linh, thánh Mẫu còn có cả việc tổ chức hội hè vui vẻ với những trò vui dân gian.

Thờ đức thánh Trần

Đền Kiếp Bạc ở làng Vạn Yên, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương là nơi thờ Trần Hưng Đạo, còn gọi là đức thánh Trần.

Năm 1257, khi quân Nguyên Mông sang đánh nước ta, Trần Hưng Đạo được vua cử làm Tiết chế, chỉ đạo cuộc kháng chiến, lập công lớn. Năm 1283, vua lại cử ông làm Quốc công Tiết chế thống lĩnh toàn quân và dưới sự chỉ huy mưu lược và tài giỏi của ông, quân giặc liên tục bại trận ở khắp nơi. Năm 1288 chúng buộc phải rút khỏi nước ta.

Trần Hưng Đạo là danh tướng xuất sắc của nước ta suốt hai ngàn năm nay, để lại nhiều chiến tích hiển hách. Ông được phong tước vương nên gọi là Hưng Đạo Vương.

Trong tâm thức dân gian, Trần Hưng Đạo trở thành một vị thánh. Đức Thánh Trần được thờ ở nhiều nơi. Vùng Vạn Kiếp, một địa điểm chiến thắng của ông, trở thành chốn thờ tự uy nghiêm ; hàng năm mở Hội đền Kiếp Bạc vào ngày 20 tháng 8. Khách từ khắp nơi đến rất đông. Người đi thấy hội lấy việc lễ bái hàng đầu, bởi vậy hội ở đây chỉ có lễ bái, không có các trò bách hý như ở các hội khác.

Văn khấn :

Hôm nay, ngày... tháng... năm...

Tín chủ là... tuổi...

Cùng vợ (chồng) là... tuổi...

Con trai (con gái) là... tuổi...

Ngụ tại...

Lễ bạc tâm thành, con xin dâng lên trước đền,

Xin chấp tay lay chín phương trời, mười phương đất, chư Phật mười phương.

Kính lay đức Trần triều hiền thánh Nhân Vũ Hưng Đạo đại vương, đại nguyên soái, tổng quốc chính, thái sư thượng phụ thượng quốc công, tiết chế, lịch triều tấn tể, khai quốc an chinh, hồng đồ tá tri, hiệu linh trác vĩ, minh đức trí nhân, phong huân hiển liệt, trí trung đại nghĩa, đức bảo trung hưng, thượng đẳng tôn thân, ngọc bệ tiến.

Kính lay Nguyên từ Quốc Mẫu Thiên Thành

Thái Trương Công.

Kính lạy tứ vị Thánh tử đại vương, nhị vị vương cô Hoàng thánh.

Kính lạy Đức Ông Phạm điện suy tôn thần, tả quan Nam Tào, hữu quan Bắc Đẩu, lục bộ thượng từ, chư vị bách quan.

Chấp kỳ lễ bái, phù hộ độ trì cho tín chủ con cùng toàn gia quyến được luôn mạnh khoẻ ; đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối được tai qua nạn khỏi ; điều lành mang đến, điều dữ mang đi ; cầu tài được tài, cầu lộc được lộc, cầu bình an được bình an : có người có của, được nhân an vật thịnh ; đi đến nơi về đến chốn ; làm ăn được thông đồng bén giọt, vạn sự như ý.

Trong dịp này người ta có thể cầu nhân duyên, hoặc cầu tự (cầu con trai hoặc gái).

Tín ngưỡng thờ Mẫu

Có người cho rằng: tín ngưỡng thờ Mẫu là một nét đặc trưng của tín ngưỡng bản địa Việt Nam, được bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ Mẹ Đất vốn đã có trong thời tiền sử.

Trên một đất nước đa dân tộc và tồn tại nhiều loại hình tôn giáo, tín ngưỡng, khi muốn nhận diện, phân biệt nhất là đối với những hình thức tín ngưỡng bản địa còn mang nhiều dấu vết nguyên thủy của cư dân nông nghiệp, ta không thể tránh

khỏi những khó khăn.

Với đạo Mẫu cũng vậy, sự nhận diện dễ dàng cũng không thể có được, bởi những nơi thờ riêng, vì bề ngoài nó cũng giống như một ngôi chùa, một ngôi đình, hay một ngôi đền bất kỳ nào khác.

Điện thờ Mẫu có ở khắp mọi nơi trên đất nước, từ đồng bằng lên miền núi, và cả ở trong khu cư trú của cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Có nơi nó tồn tại là một đền phủ nguy nga, có nơi nó chỉ là một ban thờ khiêm tốn đặt tại một góc trong một ngôi chùa, một điện thờ nhỏ trong từng gia đình. Cho nên người ta chỉ nhận diện được nơi thờ Mẫu khi quan sát từng nét riêng trong từng chi tiết của kiến trúc tổng thể của điện thần, và nhất là ở sự bày bố điện thờ, và những nghi thức cầu cúng. Chính những nét riêng ấy đã làm nên những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu (xuất phát từ quan niệm nguyên thủy: mọi vật đều sinh ra từ Mẹ) khiến cho tín ngưỡng này là một hình thức tín ngưỡng thuần phác, đặc biệt của dân tộc Việt.

Cấu trúc của nơi thờ Mẫu

Trong tâm thức dân gian của cư dân nông nghiệp, dòng sông, con suối, hồ nước... tức là những nơi có nước mang tính nữ (Âm). Vì vậy hầu hết các điện Mẫu thường được xây dựng cạnh sông, cạnh suối, cạnh hồ, cạnh cửa biển... và các cửa điện Mẫu bao giờ cũng được đặt quay về phía nguồn

nước, những nơi tụ thủy tụ phúc, những mong làm ăn phát đạt. Cho nên, nếu như không chọn được cái thế đất lành tự nhiên có sông hồ ôm bọc... thì trong khuôn viên dựng điện Mẫu, người ta sẽ phải làm hồ, ao, giếng để dựng lại một không gian cần phải có, ứng với thuật phong thủy của người xưa. Cũng để tạo tính âm, nhiều điện Mẫu ở vùng cao thường được dựng trong các hang động, hoặc xây dựng thêm nhiều các hòn non bộ, với những ngọn đá lô xô mọc lên từ đất hoặc đâm chân trong nước.

Cấu trúc không gian trong các điện thờ Mẫu, vị trí chư vị thần thánh được bài trí sắp xếp theo ba tầng: tầng trên không, tầng ngang trên ban, bệ thờ và tầng trệt. Đây là một điều rất riêng vì không có tôn giáo tín ngưỡng nào bài trí như vậy. Ở tầng không là sự hiện diện của đôi măng xà (còn gọi là Ông Lốt) tượng trưng cho quan lớn Tuần Tranh. Một con màu trắng, một con màu sẫm quán trên xà ngang phía trái, bên trên ban thờ.

Ở tầng ngang trên ban, bệ thờ, có khi chỉ có một bàn, có khi là một dãy bàn từ ngoài vào cao dần (tuỳ từng nơi), là nơi ngự của các thánh Mẫu (cũng có khi chỉ một tượng Mẫu) và các chư vị thánh.

Ở hạ ban (tầng trệt) bao giờ cũng thờ ông Năm Dinh hay thánh Ngũ hổ tướng quân, với biểu trưng là tượng, hoặc bức tranh hổ; phía trước có đặt một bát hương.

Cấu trúc ở tầng ngang của nơi thờ Mẫu đơn giản nhất cũng bao gồm các ban thờ sau:

1. *Hậu cung* (nơi đặt ban thờ Tam toà thánh Mẫu) chính giữa, ở vị trí cao nhất là tượng bà chúa Liễu Hạnh mặc sắc phục đỏ (có nơi màu vàng) đó là *Mẫu Thượng thiên*.

Thấp hơn về bên hữu là Mẫu đệ nhị, sắc phục trắng - *Mẫu Thoải*

Tương ứng về phía tả là Mẫu đệ tam, sắc phục xanh - *Mẫu Thượng ngàn*.

2. Phía trước hậu cung Tam toà thánh Mẫu là một ban thờ lớn, ban thờ này gồm ba lớp thừa tự, tính từ hậu cung trở ra.

- *Lớp một*: Giữa là vua cha *Ngọc Hoàng*, bên tả là vị *Nam tào*, bên hữu là vị *Bắc đẩu*.

- *Lớp hai*: gồm năm vị quan lớn (gọi là Ngũ vị thái tử).

Đệ nhất: áo đỏ, quan *Thượng thiên*

Đệ nhị: áo xanh, quan *Giám sát*

Đệ tam: áo trắng, quan *Thủy phủ*

Đệ tứ: áo vàng, quan *Khâm sai*

Đệ ngũ: áo đen (tím, lam), quan *Tuần Tranh*.

Năm màu áo này tượng trưng cho màu của ngũ hành: *Kim* (trắng), *mộc* (xanh), *thủy* (đen), *hoả* (đỏ), *thổ* (vàng).

- *Lớp ba*: gồm hai ông hoàng *Bảy* và ông hoàng *Bơ*, với sắc phục thường là màu tím và màu trắng.

3. Hai bên tả hữu của ban thờ nói trên là ban

thờ đức thánh Trần Quốc Tuấn (bên tả) ban thờ Chúa Sơn trang (bên hữu).

4. Ngoài cùng là những ban thờ thần hoàng thổ địa, thủ đền tại vị, ban thờ Cô, Cậu...

Nghi thức thờ Mẫu

Tại điện Mẫu, người ta tiến hành những nghi thức thờ cúng thánh Mẫu, cùng các chư vị thần thánh để cầu mong lấy phúc, lộc, sức khỏe, tiền tài. Ở mặt sinh hoạt này đạo Mẫu đã khẳng định tính đặc thù của mình.

Ở bất cứ nơi thờ Mẫu nào, trước ban thờ Mẫu bao giờ cũng treo tầng lớp lớp những đồ vàng mã, nhưng phổ biến và không thể thiếu là nón (tu lờ, quai thao, nón chóp), hài, thuyền rồng, đèn lồng đủ loại đủ màu, với nhiều kích cỡ khác nhau. Sở dĩ có treo những đồ vật ấy vì trong đạo thờ Mẫu, từ thánh Mẫu tới hàng quan, hàng châu, ông Hoàng, các Cô, Cậu đều gồm các vị thần linh có gốc gác từ mọi miền đất nước, chốn núi rừng, nơi ven biển. Điều này cũng thể hiện ngay trong những bộ xiêm y rực rỡ mặc trong những điệu múa thiêng khi làm lễ trước điện.

Trước điện Mẫu, không biết từ bao giờ đã ra đời một lễ thức khá đặc biệt, độc đáo, mà ngày nay nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định nó là loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian gồm âm nhạc, hát văn và múa thiêng, tập trung lại trong một hình thức

sân khấu tâm linh đặc thù, đó là hầu bóng.

Văn khấn Thánh Mẫu (tại gia) :

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tỉnh, phủ, huyện, xã, thôn...

Đệ tử là... cùng cả nhà, trai gái già trẻ kính cáo Thiên thượng Thánh Mẫu, Cửu thiên huyền nữ, Vân cát thân nữ, Chẳng thắng Hoà diệu đại vương, Tả hữu tiên cô thị tòng liệt vị.

Nay nhân ngày... đệ tử lòng thành, kính dâng lễ vật...

Kính xin Thánh mẫu chứng tri

Rủ lòng thương xót

Trước sau như một

Đội đức từ bi

Lâm lỗi điều gì

Xin Mẫu đại xá

Hộ cho tất cả

Con cháu khang ninh

Tổ đức hiếu sinh

Anh linh thánh Mẫu

Phù trì phù hộ

Cứu khổ trừ tai

Tiến phúc tăng tài

Xin ngày chứng giám

Thượng hưởng.

PHẦN BA

**CÁC NGHI LỄ THEO
LỄ TIẾT TRONG NĂM**

TẾT NGUYÊN ĐÁN

Tết do chữ "tiết" mà ra, "nguyên" là đầu tiên, "đán" là buổi sớm. Tết Nguyên đán là tết bắt đầu một năm mới. Người Việt thường quen gọi là Tết hay Tết Cả. Chỉ có gọi như thế mới nói hết tâm vóc và chiều sâu tâm hồn của nếp sống truyền thống: nói là tết Nguyên Đán là dân ta muốn giới thiệu về Tết cổ truyền.

Sống bằng nghề nông, người Việt cổ gắn bó với mùa màng, hoà nhập với Trời - Đất (môi trường) thành một khối thống nhất; vì vậy, chỉ đến Tết mới thấy toàn thể cộng đồng cầu chúc nhau toàn diện. Với nông dân cầu phong đăng, hoà cốc; với nho sinh đỗ đạt, hiển vinh; với người già - bách niên giai lão; với vợ chồng - gia đình đầm ấm; với mọi người - lời chung nhất là sức khoẻ và bình yên.

Trước ngày Tết, người ta thường lo dọn dẹp, lau rửa bàn thờ, đồ thờ, trang hoàng nhà cửa để đón Tết. Ở thôn quê, nhiều nhà còn thay cả mấy ông đầu rau mới nặn bằng đất. Vào chiều 30 Tết, nhà nào cũng trồng nêu; mọi người thường nấu

nước ngũ vị hương rảy lên trên nhà thờ và trong bếp để tẩy uế. Ngoài ra, ai cũng sắm hai cây mía dựng bên bàn thờ ngày Tết làm gậy ông Vải.

Trưa hôm ba mươi, người ta sửa lễ cúng tất niên, đồng thời đón rước tổ tiên. Từ lúc này, đèn hương thắp suốt ba ngày Tết. Người Việt thường có lệ biếu Tết để qua đó tỏ lòng chung thủy, biết ơn.

Tết đến vào khoảng khắc hai năm cũ - mới gặp nhau và ly biệt. *Giao thừa* chính là điểm hội tụ và phân ly ấy. Đúng nửa đêm, mọi sự như có đột biến. Bầu trời đang triền miên trong đêm tối mịt mùng và âm lặng... bỗng những tia sáng loé lên, pháo nổ râm ran, ở mọi nhà, trên mọi miền đất nước. Đó là thời điểm thiêng liêng nhất của một năm. Đúng lúc giao thừa ấy, người xưa có nhiều hành động đặc thù để biến lời chúc thành hiện thực, chứ không chỉ là hy vọng. Chẳng hạn như đoàn trẻ con nghèo hát "xúc sắc xúc sê" chúc mừng mọi gia đình, tục gọi gạo, lệ giữ lửa qua đêm giao thừa, lễ trăm tự (chém chữ)...

Tết Nguyên đán trước hết là Tết của gia đình. "Tháng Giêng ăn Tết ở nhà". Người Việt thường có tục hàng năm mỗi khi Tết đến thì dù ai đi bất cứ đâu, làm bất cứ nghề gì cũng mong được trở về sum họp gia đình trong ba ngày Tết, được khấn vái trước bàn thờ tổ tiên và sống lại những ngày đầm ấm trên mảnh đất quê hương. Với quan niệm cổ truyền, Tết

là lễ hội của cả người đang sống và những người đã chết, là cuộc "họp mặt" của nhiều thế hệ.

Với người lao động quanh năm công việc, Tết là một thời gian tạm nghỉ ngơi, làm cơm cỗ cúng tổ tiên, bày các trò chơi giải trí, ca múa, thi đấu các môn thể thao dân tộc, thi nấu cơm, bắt cá... Trò chơi có nguồn gốc xa xưa, từ thời thị tộc. Ngày ấy, trò chơi thường được ghép vào lễ nhập môn của các lứa tuổi như một thử thách về sức chịu đựng và lòng dũng cảm, lại thường khoác bộ áo tôn giáo hay thần thoại.

Tết là dịp cộng cảm của con người và vạn vật, cộng cảm giữa người sống và người chết, cộng cảm giữa cá nhân với gia đình, làng nước.

Người xưa thờ cúng tổ tiên bằng những tự khí đẹp, dâng cúng những đồ ăn thức uống như lúc còn sống. Các lễ vật sắm dần, tới đâu bày luôn tới đó: vàng, hương, trâm, nến, hoa giấy. Mâm ngũ quả tươi tắn đủ màu - đỏ của hồng, xanh của chuối, vàng của bưởi, vàng đậm của cam quýt, xanh tươi của táo... tất cả chen nhau đầy tròn trên mâm bông. Hai cây mía để dài cả ngọn dựng hai bên bàn thờ. Mấy đĩa đèn đã đổ dầu đặt bắc. Vào dịp Tết, đèn được thắp suốt đêm ngày, vì con cháu tin rằng, dịp này hương hồn tổ tiên lúc nào cũng hiện diện trên bàn thờ. Các vách tường được quét lớp vôi mới, trông sáng sủa phong quang.

Tết ông Táo

Không khí tết rõ nhất là ngày Hai mươi Ba, Tháng Chạp, ngày Táo quân triều thiên (ông Táo châu trời). Nhà nào cũng phải sửa lễ tiễn ông Táo lên trời. Bàn thờ Táo quân được định vị khác nhau, tùy địa phương, có nơi kê cạnh bàn thờ tổ tiên, có nơi đặt bệ thờ ngay trong bếp, có nơi (Hà Tiên) lại thờ Táo công ở vách giữa phía sau nhà. Lễ cúng được cử hành chu đáo, kính cẩn và lễ vật là mâm cỗ mặn. Sau khi lễ xong thì hoá vàng, hoá luôn cả cỗ mũ năm trước, cá chép (đã mua sẵn thả ở chậu nước) được phóng sinh để ông Táo cưỡi lên châu trời. Ở miền Trung, ông Táo lại cưỡi con ngựa đồ mã đủ yên cương; ở miền Nam, ông Táo được dâng cặp giò (cặp hia - mã).

Nói tới ông Táo - vua Bếp cũng là nói tới lửa. Về thời cổ, Lửa và Nước là phương tiện tẩy sạch, thanh khiết hoá. Một bà hai ông đâm đầu vào lửa là hình ảnh đầu tiên của "nghĩ lễ thanh khiết". Ngoài ra, dân ta còn tin rằng, ngoài các vị thần hữu danh và vô danh, còn có các thần thời gian, gọi là Đại vương hành khiển với mười hai vị. Ngày các vị cũ ra đi và các vị mới xuống nhân gian trùng với ngày ông Táo lên trời (23/12) và trở về mặt đất (30/12).

Mẫu văn khấn :

Hôm nay, ngày 23 tháng chạp năm...

Tín chủ là...

Người thôn... xã... huyện... tỉnh...
Cùng toàn thể gia đình kính bái
Trước linh toạ của Đông trù tư mệnh Táo phủ
thần quân

Kính cẩn thưa rằng :

Nay cuối mùa đông

Tứ quý theo vòng

Hăm ba tháng chạp

Sửa lễ kính dâng

Hoa quả đèn hương

Xiêm lai áo mũ

Phỏng theo lễ cũ

Ngài là vị chủ

Ngũ tự gia thân

Soi xét lòng trần

Táo quân chứng giám

Trọng năm sai phạm

Các tội lỗi lầm

Cúi xin tôn thân

Gia ân chiêm chước

Ban lộc ban phúc

Phù hộ toàn gia

Trao gái trẻ già

An ninh khang thái

Cẩn cáo

Nếu cúng cả cá chép sống thì sau khi làm lễ xong, gia chủ đem cá ra sông, hồ thả với niềm tin : cá sẽ chở ông Táo về trời.

Lễ tiễn ông Vải

Có nhà, từ sau lễ cúng ông Công mới thật sự bắt tay vào lo Tết, vì như lễ tiễn ông Vải, làm sớm quá e mang tiếng với các bậc gia tiên. Vì gia tiên có khi vẫn ngự ở nơi thờ tự được gọi chung là ông Vải. Người xưa nghĩ rằng, ông Vải về cuối năm cũng muốn "đi đây đó" ít bữa, cho con cháu dọn dẹp thu xếp, bày biện lại bàn thờ cho sạch, cho mới, mình về ngự thì sẽ tốt hơn. Trong việc dọn dẹp bàn thờ, người ta muốn bỏ những chân hương cũ đi, để thay bát hương mới trong dịp chào đón năm mới. Những chân hương này phải đem đốt nơi thanh sạch hoặc đem đổ xuống sông, xuống hồ, kể cả tro. Sau khi lau sạch bát hương, người ta thay tro mới. Lễ này thường làm vào ngày 25 tháng Chạp.

Lễ tất niên

Ngày cuối cùng trong năm, mọi việc to nhỏ đều phải làm cho xong để sửa soạn đón giờ phút tiễn năm cũ, đón năm mới. Trước hết phải soát lại bàn thờ, tiếp theo là dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa cho sạch sẽ, sáng sủa, vui mắt. Thường thì nhà nào

cũng có bày càn đào hoặc chậu quất.

Trong bếp, mọi người: tất bật lo mâm cỗ cúng gia tiên. Lễ vật phải thơm ngon, tinh khiết, đầy đặn. Bản nhất là gia chủ, người phải quán xuyến mọi việc, nhất là việc hệ trọng liên quan đến tổ tiên, những người đã khuất. Vì Tết là cơ hội giao lưu giữa con cháu với tổ tiên: tổ tiên đang sống lại trong tâm tưởng của con cháu và con cháu tin tưởng vào sự âm phù của các cụ. Tùy từng nơi, người ta có hai cách làm *lễ Rước các cụ*. Cách thứ nhất là Rước các cụ nhưng không ra mộ, mà bày cỗ lên bàn thờ, đèn hương dâng cúng vào trưa Ba mươi (giờ Ngọ), rồi khấn vái, cầu mời các cụ về dự hưởng. Cách thứ hai là chiều ngày Ba mươi, gia chủ cùng vài người ra mộ, dọn sạch cỏ, đắp lại nấm mộ cho cao, rồi đốt hương, khấn mời tổ tiên về nhà cùng con cháu đón Tết. Cùng lúc với việc cúng gia tiên, con cháu đào hố trồng cây nêu ngay trước sân nhà.

Văn khấn :

Hôm nay !

Ngày... tháng... năm...

Tại : thôn... xã... huyện... tỉnh...

Tín chủ là... vâng lệnh mẹ và các chú, cùng với chị ruột, anh rể và các em trai gái dâu rể, con cháu nội ngoại toàn gia kính bái.

Nay nhân ngày...

Kính cẩn sắm một lễ gồm... gọi là lễ mọn lòng thành, kính dâng lên :

Đông trù tư mệnh tảo phủ thân quân, bản gia tiên sư, bản viên thổ công, liệt vị tôn thân.

Trước linh vị của...

...

Và các vị tổ bá, tổ thúc, tổ cô, cùng các vong linh phụ thờ theo tiên tổ.

Kính cẩn thưa rằng : Năm cũ sắp hết, ngày Tết tới gần, chuẩn bị mừng xuân.

Kính cáo : thổ, địa, chưa vị linh thần.

Kính mời : Vong linh tiên tổ về với gia đình để cháu con phụng sự.

Cẩn cáo

Sau khi rước các cụ về nhà, đợi cháy hết tuần hương, cỗ cúng được hạ xuống, cả nhà quần tụ xung quanh mâm cơm tất niên vui vẻ và trịnh trọng. Điều quan trọng là mọi thành viên trong gia đình kể cả những người đi xa, đều có mặt để hàn huyên mọi chuyện vui buồn xảy ra trong năm, hơn nữa, bàn cách giúp đỡ nhau trong việc làm ăn sắp tới...

Cũng vào tối Ba mươi Tết, một số trẻ em nghèo họp nhau thành từng nhóm đi chúc Tết,

mặc dù lúc này chưa tới Tết. Mỗi nhóm có một ống tre để đựng tiền. Xưa tiền trinh, tiền xu đều làm bằng đồng. Tối trước cửa mỗi nhà, các em lắc ống tiền và đồng thanh hát bài *Xúc sắc xúc sê*. Nhà chủ lắng nghe. Bài ca vừa dứt, người ta mở cổng, tặng các em ít tiền xu, có nhà còn tặng cả mít và bánh chưng, vì tục tin rằng, các em mang sự may mắn đến.

Cúng cam

Từ xa xưa, con trai một số làng vùng ven biển Nghệ An đang yêu phải đưa cam đến nhà gái đặt lễ giao thừa, người làng gọi là cúng cam. Người ta giải thích: để chàng rể tương lai, trước ông bà tổ tiên, xin được làm con cháu trong gia đình nhà gái và cũng ngầm báo với mọi người là con gái nhà ấy đã có người yêu.

Chỉ những người đã nhận lời yêu nhau mới được làm như thế. Nhưng nhiều đôi "chưa đâu ra đâu", mà chàng trai lấu cá vẫn cứ dùng dùng mang cam đến như để "đặt cọc". Vì thế nhà có con gái đẹp thường có chuyện mấy đám cùng mang cam đến một lúc. Trường hợp này, bố cô gái đành phải đứng ra phán xét. Khổ nhất là năm nào cam ở làng mất mùa, các bà mẹ lại phải mua với giá cắt cổ, có nhà phải đặt cam vườn từ khi cây vừa đậu quả.

Đón giao thừa

Đối với người Việt, đêm giao thừa gọi lên những kỷ niệm thấm thiết, những tình cảm thiêng liêng: người trong gia đình dù đi làm ăn sinh sống ở bất cứ đâu xa cũng mong đêm giao thừa kịp trở về chốn làng cũ quê xưa đoàn tụ với gia đình, và lễ Trừ tịch được cử hành đúng vào lúc giao thừa (giây phút cũ mới giao tiếp). Hết giờ Hợi ngày Ba mươi sang giờ Tý mở đầu ngày mồng Một Tết, ở thôn quê, các hương xā thiết lập hương án giữa trời ở sân đình, ở văn chỉ, có khi ở ngã ba trước điểm canh, với vàng hương, hoa quả, bầu rượu để cúng giao thừa, thời điểm thiêng liêng mà đất trời giao cảm, âm dương hoà quyện, chấm dứt sự lặng yên tạm thời của vạn vật để bùng ra sức sống mãnh liệt, mới mẻ, song song với sự chuyển vận của thời gian từ năm cũ sang năm mới.

Tục đốt pháo giao thừa đã hình thành với nhiều ý nghĩa: trước hết, pháo nổ nghe sảng khoái, vui tai như một lời chào mừng của con người trước thiên nhiên: năm mới đầy hy vọng đã tới; tiếng nổ âm vang trong trời đêm tĩnh mịch cũng sẽ xua đuổi tà ma, điều rủi. Nhưng những âm thanh này còn mang thêm ý nghĩa sâu sắc - một lễ nghi nông nghiệp. Người Việt, cư dân trồng lúa nước, thấy rõ hơn ai hết, mùa đông cần cõi, đất ngủ, trời yên; mùa xuân, mùa gieo vãi, cấy trồng, người ta đánh

thức đất dầy, như tục gọi gạo, gọi sấm về. Ở Việt Nam xưa kia, pháo là Tết, đốt pháo là để thắp lên ngọn lửa lạc quan cho cuộc sống. Pháo là chuỗi cười giòn tan tưởng chừng như vô tận của một năm mới bắt đầu.

Lễ Trừ tịch

Còn gọi là cúng giao thừa "Trừ" là trao lại chức quan, "tịch" là ban đêm. Lễ Trừ tịch cử hành lúc giao thừa, lúc hết giờ Hợi sang giờ Tý - lúc cũ mới giao tiếp nhau, là bắt đầu sang ngày khác. Lễ này là để tiễn vị thần năm cũ, đón vị thần năm mới. Cũ giao lại công việc, mới tiếp nhận.

Tục xưa tin rằng, mỗi năm có một vị Hành khiển coi việc nhân gian, mỗi vị có tên riêng với vương hiệu và cũng gọi là Đương niên chi thần (mỗi vị có một phụ tá là phán quan). Có mười hai vị hành khiển luân phiên kể từ năm Tý đến năm Hợi là mười hai năm, hết lượt lại quay trở lại. Hành khiển có ông Thiện ông Ác. Có năm trời gây ra thiên tai hạn hán lụt lội mất mùa đói kém, hay dịch tễ chết hại, là do số tấu của Hành khiển, trừng phạt vua quan không có nhân chính hay dân ăn ở càn dỡ. Bởi vậy, lễ giao thừa là lễ quan trọng nhất trong dịp Tết Nguyên đán. Người ta cúng lễ ở ngoài trời và trong nhà. Sắp đến giờ lễ giao thừa, gia đình chuẩn bị lễ vật để đúng đến 12

giờ đêm, lễ được tiến hành.

Lễ vật cúng ngoài trời, ngoài những phẩm vật không thể thiếu (hương, nến, trầu...) còn cần có thêm đồ chín như thủ lợn luộc, gà trống luộc, xôi, bánh chưng, được chuẩn bị sẵn, đặt lên bàn hay mâm kê cao.

Đúng thời điểm giao thừa, gia chủ thắp đèn, hương, đốt pháo rồi khấn. Nếu viết văn khấn giấy để đọc, thì ngay sau khi đọc xong sẽ hoá (đốt) cùng với tiền vàng dâng cúng.

Lời khấn :

Nam mô a di đà Phật (3 lần)

Lạy chín phương trời, mười phương đất

Lạy chư Phật mười phương

Lạy đương niên thiên quan... năm...

Lạy : Đông phương Thanh đế,

Bắc phương Hắc đế,

Nam phương Hồng đế,

Tây phương Bạch đế.

*Lạy Đông trù tư mệnh, Táo phủ thần quân,
Long mạch, Thổ thần, cấp thổ chủ vị thần tài mở
bái.*

Tín chủ tên là...

Cùng với toàn gia (vợ, con, cháu...)

Ngụ tại : thôn... xã... huyện... tỉnh... nước Việt Nam.

*Lòng thành sắm lễ
Hương, đăng, trà, quả
Tiền vàng, cánh sớ
Phẩm vật chi nghi
Nhân phút thiêng liêng Giao thừa đã tới
Pháo nổ vang lừng đón tiết đầu Xuân
Cầu mong vạn lượng canh tân
Tam dương khai thái cung trần lễ nghi
Nguyện tôn thần phù trì bảo hộ
Cầu anh linh Tiên tổ lưu ân
Ban cho con cháu hạ trần
Anh linh khang thái, muôn phần tốt tươi
Thiền quang chiếu rọi sáng ngời
Đầu năm chí cuối mọi người đều an
Có được sức khoẻ lâu bền
Tu tà, tích đức được nên danh phần
Bốn mùa thu, hạ, đông, xuân
Làm ăn phát đạt, bớt phần nguy nan
Những điều tai vạ trái ngang
Ơn trời phù hộ tiêu tan tức thì
Điều lành mang đến, điều dữ bỏ đi*

*Dám xin sám hối, bù trừ cho con
Một lòng theo đạo sắt son
Sông trên dương thế để còn tu tâm.
Nam mô a di đà Phật (3 lần)*

Sau khi làm lễ dâng hương ngoài trời xong thì gia chủ vào nhà làm lễ dâng hương tổ tiên.

Lời khấn :

Việt Nam... tháng... ngày Trừ tịch nam... Tự tôn là... thừa mệnh thân phụ cùng vợ là... và các con cháu trai gái sửa soạn cỗ bàn, trầu rượu, hoa quả, kính dâng lên :

Chư vị tổ tiên trong nhà

Ông nội là... hiệu... phủ quân. Bà nội là... công Chánh thất.

Cha là... hiệu phủ quân. Mẹ là... công Chánh thất

Kính thưa rằng :

Nay theo vận luật, tống cữu nghinh tân, giờ tý đầu xuân, mưa móc thấm nhuần, đón mừng Nguyên đán.

Cháu con tưởng niệm, nội ngoại tổ tiên, kính cẩn dâng lên, lễ nghi vật phẩm.

Cúi xin chứng giám, biểu lộ lòng thành, thỉnh

các tiên linh, cùng về hâm hương.

Tôn linh tại thượng, phù hộ độ trì, năm mới mọi bề, bình an khang thái.

Cẩn cáo

Xuất hành

Sau phút giao thừa pháo nổ, người ta làm cuộc du xuân cầu cúng tìm may. Chọn được hướng đi xuất hành tốt, mọi người đến đền, chùa làm lễ. *Đi lễ đền chùa* đầu năm không ai mang lễ vật vàng hương như ngày thường; đến nơi đã sẵn có bán. Nhiều khi quá đông người, không thể vào lễ trước bàn thờ, phải đứng ngoài sân cầm hương thấp khấu đầu vái và khấn cầu. Có người mang theo về vài ba nén hương gọi là hương lộc đem cắm vào bát hương Táo quân ở nhà. Lửa đỏ ở mấy nén hương là lộc Phật Thánh ban biểu tượng cho thịnh vượng.

Cũng nhiều người lễ xong, ra vườn chùa xin lộc ở cây cổ thụ già nhất, tục gọi là *hái lộc* mang về giắt dưới mái nhà gian giữa trước bàn thờ gia tiên. Nhưng người ta thường hái lộc ở cây đa đầu làng, vì đa là loài cây sống lâu, tượng trưng cho tuổi thọ, đa còn có nghĩa là nhiều - nhiều con, nhiều tiền. Phải có ý chọn cành cây hương về phương Đông, lá sạch, không sâu, cành đẹp, có búp mới thật tốt. Trước khi hái, phải đếm số lá

trên cành: nếu số lá chẵn thì đi buôn, để con không tốt, nhưng đi hỏi vợ thì lại tốt (vì chẵn là đủ đôi). Xin lá xong, niệm chú: "Xin lộc lấy may!" rồi mới ngắt. Nhất thiết không được cho lộc, cho lộc sẽ mất lộc. Tục hái lộc sinh ra từ truyền thuyết vua Hùng nhân chuyến đi chơi xuân, hái cành lộc mang về cho con cháu với mục đích truyền điếm tốt lành cho dòng dõi nhà mình.

Lễ Chính đán

Sang mùng Một Tết, pháo lại nổ ran. Ngoài sân pháo nổ, trong nhà bày mâm cỗ để cúng ông bà ông vải tại bàn thờ gia tiên, gọi là *lễ Chính đán*. Lễ phẩm gồm tất cả những thứ đã chuẩn bị từ trong Tết. Chính đán là lễ cúng long trọng nhất mở đầu cho cả một năm, nên được mọi người hết sức chú ý. Sự bày biện mâm cỗ tươm tất không những có ý nghĩa biểu hiện lòng hiếu thảo, tôn kính của con cháu đối với tổ tiên, mà còn là một dịp trình diện với xóm làng về khả năng lo liệu tết nhất của mình. Những người con thứ đã ra ở riêng, hoặc thuộc các ngành thứ, làm cỗ đơm ở nhà trưởng để cúng ông bà.

Cúng gia tiên xong, các hàng chú bác và con cháu mọi gia đình đến nhà thờ tổ làm *lễ tế Tổ*. Các bậc hào trưởng hương lý ra đình làm lễ tế Thần. Tế Tổ và tế Thần theo nghi thức trọng thể, hết cả buổi

sáng. Nhiều nơi có tục tế đình xong một số quan viên đại diện cả làng đi lễ yết các cửa họ.

Những người cùng một họ (chỉ riêng đàn ông) sau khi lễ tổ tiên các nhà trong chi họ mình rồi, đến lễ tổ tiên các nhà chi trên và chi dưới, đồng thời chúc Tết. Họ to nhiều nhà, thì anh em cắt đặt chia nhau đi lễ, để chỉ trong ngày mồng Một phải đi hết.

Đi lễ Tết, vào nhà phải đến lễ tổ, và chúc mừng năm mới. Phải vào lễ trước bàn thờ gia tiên bốn lạy ba vái, rồi mới ngồi nói chuyện, uống nước, ăn trầu. Ngày Tết có lệ bất cứ ai đến, không kể giờ giấc nào, xong tuần trầu nước, cũng mời uống rượu, ăn cỗ, ăn bánh. Khách cũng phải giữ lễ nhấm nháp chút rượu, ăn bánh hoặc mứt.

Ngày nay, việc tổ chức đi thăm họ hàng, làm cơm cúng đầu năm không nhất thiết phải tuân thủ theo thời gian nghiêm ngặt. Có gia đình chỉ cúng chiều 30, có nhà lại cúng sáng mồng Một. Tuy nhiên, gia đình nào cũng làm lễ này và rất thành kính khi làm lễ.

Cũng trong buổi sáng mừng Một, nhiều nhà còn mang lễ vật ra chùa, đền, đình, miếu để thắp hương cúng bái. Khác với đình miếu, lễ phẩm cúng ở chùa chỉ là oản, chuối, hương hoa, chứ không bày cỗ mặn.

Mẫu văn khấn :

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Con (hoặc cháu) là... nguyên quán tại... hiện ở tại...

Nay nhân dịp đầu năm, xin dọn dẹp từ đường, sửa soạn lễ nghi, thỉnh tổ tiên liệt vị, kính cẩn thưa rằng :

Nay theo tuế luật

Mông một đầu xuân

Mưa móc thấm nhuần

Đón mừng nguyên đán

Cháu con tưởng niệm

Nội ngoại tổ tiên

Kính cẩn dâng lên

Lễ nghi vật phẩm

Cúi xin chứng giám

Biểu lộ lòng thành

Thỉnh cáo tiên linh

Cùng về hâm hưởng

Tôn linh tại thượng

Phù hộ độ trì

Năm mới mọi bề

Yên vui khang thái.

Cẩn cáo

Tục xông đất

Xưa người ta tin rằng, ngày đầu năm mới được người vui vẻ dễ tính tốt nết đến nhà trước nhất, thì cả năm trong nhà mọi việc hanh thông. Người đến trước nhất là người *xông nhà, xông đất*. Bởi vậy nhiều người phải chọn người xông nhà cho mình. Ngày nay, nhiều gia đình lại tìm người có tuổi hợp với gia chủ hoặc tuổi tốt của năm đó mới đến xông nhà. Cũng có gia đình, gia chủ tự xông đất lấy để tránh nghi ngại về những phiền phức, rủi ro khi có người khác đến xông nhà.

Thuở xưa, người đến xông nhà đốt một bánh pháo mừng, cất cao giọng chúc chủ nhà mọi điều tốt lành, tùy theo từng trường hợp: *Tăng phúc tăng thọ* (nhà có cha mẹ già); *Phong đăng hoà cốc* (nhà nông); *Tốt tài sai lộc* (nhà buôn bán, làm nghề); *Buôn may bán đắt, Nhất bản vạn lợi* (nhà buôn); *Thăng quan tiến chức* (người làm việc cho nhà nước).

Chủ nhà hoan hỉ đón chào và cảm ơn, đồng thời cũng chúc lại mọi điều hay, và có nơi còn đưa mừng tiền đựng trong một bao giấy nhỏ hồng điều gọi là *phong bao*. Tục đưa biếu tiền như vậy còn gọi là *mở hàng*.

Lễ cúng đưa

Với quan niệm "Âm dương dị đồng nhất lý" nên đã có mời thì phải có đưa mới đúng lễ. Nếu

như lễ cúng vào chiều ba mươi Tết với ý nghĩa là để mời tổ tiên về ăn Tết, thì lễ cúng vào ngày mồng ba để tiễn đưa các cụ trở lại thế giới bên kia. Lễ phẩm cũng chỉ là những thứ đã từng bày biện trong ba ngày Tết, có nhà thêm đĩa xôi, con gà, còn hương, hoa, trầu cau đều thay mới. Trong lời khấn, gia chủ cần chú ý ba điều : cảm tạ tổ tiên đã về với con cháu; nay tiễn đưa, mong các cụ phù hộ cho con cháu; trong ba ngày Tết, con cháu có gì khiếm khuyết, xin các cụ tha thứ.

Cúng đưa xong là làm lễ hoá vàng mã. Vàng, mã làm bằng giấy, tượng trưng cho đồ dùng của người đã khuất lúc sinh thời. Nhân ngày Tết, để biểu hiện lòng hiếu thảo của mình, con cháu đã mua sắm những thứ đó để tổ tiên dùng. Người ta hoá vàng ở giữa sân hoặc ở một góc vườn sạch sẽ; thắp hương biện lễ, rồi châm lửa đốt, cho đến lúc tất cả đều cháy hết là xong. Nhà nào cẩn thận thì mời thầy cúng đến làm lễ trước lúc hoá.

Lời khấn :

... *"Tiệc xuân đã mãn, Lễ tạ kính trình, rước tiễn Tiên linh, lại về âm giới.*

Buổi đầu năm mới, toàn gia mong đợi, lưu phúc lưu ân, kính cáo tôn thần, độ trì phù hộ.

Dương cơ âm mộ, mọi chỗ tốt lành, con cháu khang ninh, vận hành khai thái.

Cẩn cáo"

Hoá vàng xong, việc cúng đơm ngày Tết trong các gia đình coi như tạm ổn. Gia chủ có thể rời khỏi bàn thờ gia tiên để tham gia những nghi lễ chung của cộng đồng như *Khai canh*, *Khai sơn*, *Cầu xuân* và hội hè đình đám của làng. Tuy nhiên, nếu ai có điều kiện thì vẫn cứ tiếp tục thờ phụng trong nhà; trong thực tế, nhiều nhà kéo dài đến lễ *Khai hạ*.

Lễ Khai hạ

Tết Nguyên đán được kết thúc bằng lễ Khai hạ, cũng đồng thời làm lễ hạ nêu. Lễ được cử hành vào ngày mồng bảy Tết. Theo sách "Chiêm tuế sự thư", tháng đầu năm, mồng một là ngày con gà, mồng hai ngày con chó, mồng ba ngày con lợn, mồng bốn ngày con dê, mồng năm ngày con trâu, mồng sáu ngày con ngựa, mồng bảy ngày con người, mồng tám ngày của lúa. Đây vốn là một lối bói: nghiệm đầu tháng Giêng, tám ngày ấy, hề ngày nào tạnh ráo thì giống thuộc về ngày ấy cả năm được tốt. Cho nên đến ngày mồng bảy thấy trời sáng sủa, không mưa gió, người ta tin rằng, con người cả năm được mạnh khoẻ, do đó mở tiệc ăn mừng. Sau này dù trời mưa, cứ mồng bảy là mở tiệc ăn mừng. Lễ vật dâng cúng là cỗ mặn với đầy đủ các món. Đây là bữa ăn Tết cuối cùng nên con cháu tụ tập đông đủ, không khí bữa ăn thật đầm ấm.

Tục ăn Tết lại

Đã hơn hai thế kỷ nay, ở nhiều địa phương trong cả nước có tập tục ăn Tết lại. Ra Giêng (trước hay sau Rằm), người ta gói tiếp đợt bánh chưng khác để cho người thân chưa kịp về dịp Tết, để mời khách đột xuất và cũng là để gia đình ăn Tết lại.

Đây là một biểu tượng văn hoá được kết lại từ hiện tượng có thực: sự kiện vua Quang Trung cho quân tướng của mình ăn Tết kỷ Dậu (1789) trước khi mở trận đánh giải phóng kinh thành và sự kiện dân thành Thăng Long tản cư chạy loạn giặc Thanh, sau đó trở lại kinh thành, tổ chức ăn mừng kinh đô giải phóng. Trước khi tiến đánh giải phóng Thăng Long, vua Quang Trung đã mở tiệc khao quân ở Tam Điệp. Hôm đó là ngày 30 Tết Kỷ Dậu, rồi nhà vua mật bảo với các tướng rằng: "Ta với các người hãy tạm sửa lễ ăn Tết Nguyên đán trước đã. Hẹn đến năm mới mừng 7 thì vào thành Thăng Long, sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi nhớ lời ta xem có đúng không? "Nhưng chỉ đến ngày mồng 5 Tết, Quang Trung đã tiến quân vào thành. Lại nói, trước đó dân thành Thăng Long đã chuẩn bị ăn Tết với đầy đủ các vật phẩm, nhưng do phải chạy giặc, họ chỉ đem được rất ít, phần lớn bánh chưng phải vớt xuống ao. Khi trở về, họ thử vớt bánh lên, thấy vẫn còn thơm ngon. Thì ra nước ao lạnh nên bánh không bị hỏng. Dân chúng cảm tạ thần linh đã

giúp vua Quang Trung giải phóng kinh đô, cho họ được mở tiệc ăn Tết tại nhà.

Từ đó, nhiều nhà đã giữ lại cách thức ngâm bánh chưng ở dưới ao, dưới giếng, sau vớt lên ăn Tết lại. Hoặc tiện hơn là gói đọt bánh khác để ăn tới tận rằm tháng Giêng, có khi tới tận cuối tháng. Ăn Tết lại là một sinh hoạt văn hoá, một hành động tưởng niệm người anh hùng áo vải, người cho quân ăn Tết trước khi giải phóng Thăng Long và ăn Tết lại sau ngày đại thắng. Và đây cũng đã trở thành một nét nhân hậu, có trước có sau của người Việt đối với những người thân ở xa.

CÁC LỄ TIẾT KHÁC

Tết Nguyên tiêu

"Lễ Phật quanh năm không bằng Rằm tháng Giêng". Đó là ngày Thượng nguyên, ngày trăng tròn đầu tiên của một năm mới: *Tết Rằm tháng Giêng*.

Theo *An nam chí lược*, đêm Nguyên tiêu, triều đình nhà Trần dựng cây đèn trên sân rộng, gọi là đèn là Quảng chiếu (một loại đèn kéo quân) muôn ngọn đèn sáng rực. Các vị sư đi xung quanh đèn đọc kinh, các quan đứng vòng quanh đèn làm lễ, gọi là lễ "triều đăng". Hội đèn Quảng chiếu đầu tiên mở vào năm 1119 đời Lý Nhân Tông. Trong đêm Hội đèn còn kết hợp đốt pháo bông, múa rối.

Thời Lý người dự *Hội đèn Quảng chiếu cầu sống lâu*. Năm 1116 ở phía ngoài cửa Nam thấy: "Dựng đài đèn Quảng chiếu, trước sân rộng cửa Đoan môn. Giữa trồng một cây nêu, ngoài đặt bảy tầng đài; rồng uốn mình đỡ toà sen vàng; khâu lồng bằng sa để giữ lửa hoa lan; đốt pháo bông trên trời sáng như vầng nhật... Trong Đoan môn có một ngọn núi vàng, đặt tượng đa bảo Như lai, bày mấy

tầng kiệu pháp gia... Thứ nữa lại có hai toà bằng bạc, bên trái đặt tượng A di đà, bên phải đặt tượng Diệu sắc thân. Thế mạnh vươn cao, dáng đẹp tung bay..." (trích *Văn bia chùa Đọi*, 1121).

Trong dân gian vào ngày này người ta thường hay đi chùa lễ Phật để cầu mong cho sự bình yên quanh năm. Trong mỗi gia đình đều làm một mâm cỗ mặn cúng gia tiên và cúng chay trước bàn thờ Phật.

Ngày nay một số người có điều kiện cũng lập đàn tràng tại gia, dù là nhỏ, để làm lễ dâng hương Trời, Phật Tiên, Thánh và giải hạn sao. Đàn tràng lập ngoài sân.

Văn khấn giải hạn sao (nhân tiết rằm tháng Giêng)

"Hôm nay, ngày rằm tháng Giêng, năm...

Thái tuế...

Gia chủ là... cùng vợ con cháu chắt toàn gia

Xin kính cáo :

- Nhật cung Thái dương thiên tử tinh quân.*
- Nguyệt cung Thái âm Hoàng hậu tinh quân.*
- Nam tào Bắc đẩu tinh quân.*
- Thái bạch, Thái tuế tinh quân.*
- Bắc cực tử vi đại đức tinh quân.*
- Văn xương, văn khúc tinh quân.*

- Nhị thập bát tú, Ngũ hành tinh quân

- La hầu, kế đồ tinh quân.

Trước án toạ liệt vị tinh quân xin kính cáo :

Ngày rằm Nguyên tiêu, kính theo lễ cũ, gia đình sắm đủ, mọi thứ lễ nghi, trân tục vô vi, Tinh quân soi xét.

Gia đình thanh khiết, phúc trách tự trời, vận hạn tới lui, Ngài xui khiến cả, khắp trong thiên hạ, phúc họa cũng nhiều.

Vậy dám nài kêu, tùy phương cơ biến, mở làm trời biển, độ kẻ sinh linh, thấu nỗi ngu tình, trừ tai giải hạn.

Đền trời sán lạn, chiếu khắp cõi trần, xin các tinh quân, lưu ân lưu phúc.

Lễ tuy mọn bạc, lòng thành có dư, mệnh vi an cư, thân cung khang thái.

Cẩn cáo"

Theo các nhà thuật số thì mỗi năm, mỗi người có một sao chiếu mệnh, như : La hầu, Thổ tu, Thủy diệu, Thái bạch, v.v... Trong số có sao mang tính cách tốt, lại có sao vận hạn xấu. Xấu thì làm lễ để tiễn, còn tốt thì làm lễ để *nghinh đón*. Lễ nghinh, tiễn này được tiến hành thường kỳ vào các tháng trong năm và những ngày nhất định.

Tuy nhiên, dù sao nào thì nhân dịp ngày rằm tháng Giêng người ta cũng có làm lễ dâng nhưng bao giờ cũng phải đủ số lượng các đèn, nến theo tính chất của mỗi sao như : sao Thái dương - 12 ngọn đèn, nến ; sao Thái âm - 7 ngọn đèn, nến...

Bài vị cũng được thiết lập trên giấy có mẫu tương ứng với ngũ hành của từng sao như : sao Thái dương : bài vị giấy màu vàng và viết lên đó mấy chữ : "Nhật cung Thái dương thiên tử tinh quân", v.v... Đồng thời khi làm lễ lạy cũng phải đúng hướng chiếu của sao.

Lễ nghênh xuân

Lễ nghênh xuân hay tiết *Lập xuân* - theo lịch mặt trời mồng 4 tháng Hai - khi thì xảy ra trước, khi thì xảy ra sau Tết Nguyên đán. Mô phỏng các vua phương Bắc, các vua Lý, Trần, Lê... cũng làm lễ nghênh xuân bằng phép "Đả Xuân ngư". *Kinh Lễ*, thiên Nguyệt lệnh viết: "Làm con trâu bằng đất để tổng kết khí lạnh, hung tà kéo sang năm làm hại người".

Đại Việt sử lược ghi năm 1048 Lý Thái tông xuống chiếu "định phép đánh trâu Xuân" và *An Nam chí lược* ghi: "Tiết Lập xuân vua sai vị trưởng họ dùng roi đánh con trâu bằng đất. Xong thì các quan liệu đều cài hoa lên mũ vào cung hội yến".

Tết Hàn thực

Tết Hàn thực vào ngày mùng 3 tháng Ba âm lịch, vào ngày đó mọi nhà không để lửa mà ăn đồ ăn đã chuẩn bị sẵn hôm trước: đồ ăn nguội, nên gọi là Hàn thực. Tết này có nguồn gốc từ Trung Hoa và thông dụng ở nước ta từ lâu, theo điển tích : vào khoảng năm 654 trước Công nguyên thuộc thời Xuân Thu, nước Tấn (một chư hầu của nhà Chu) có loạn. Công tử Trùng Nhĩ phải chạy lánh nạn qua nước狄, đến Tề, tới Tề rồi sang Sở rông rã 19 năm. Trong một lần đói khát không tìm ra cái ăn, Giới Tử Thôi, một bầy tôi theo hầu, cắt thịt đùi nấu cho chúa ăn. Biết được chuyện này, Trùng Nhĩ vô cùng cảm kích. Sau đó Trùng Nhĩ giành được nước, làm vua gọi là Tấn Văn Công. Khi ban thưởng cho những bầy tôi có công, nhà vua quên mất Giới Tử Thôi, nhưng ông không oán giận, tự xét công lao mình, rồi đem mẹ vào ở ẩn trong núi Miên. Đến khi nhớ lại công ơn của Giới Tử Thôi, Tấn Văn Công cho người đi tìm, biết Giới Tử Thôi ẩn ở núi Miên, gọi mời mãi ông vẫn không ra, vua cho rằng nếu đốt cháy núi Miên, mẹ con Giới Tử Thôi ắt hẳn phải xuống núi. Nào ngờ, khi vua cho đốt rừng, mẹ con Giới Tử Thôi cũng đành chịu chết cháy trong núi. Đó là ngày mùng 3 tháng Ba. Tấn Văn Công thương xót cho lập miếu thờ Giới Tử Thôi và cấm dân gian không được dùng lửa trong

ngày đó, nên phải đun nấu thức ăn từ trước.

Khi trở thành lễ tết, người Việt Nam không kiêng lửa vào ngày 3 tháng Ba, mọi việc nấu nướng vẫn được thực hiện, chỉ có điều người Việt tượng trưng cho tết Hàn thực bằng bánh trôi - bánh chay, với ý nghĩa tượng trưng đó là những thức ăn nguội - Hàn thực. Vì vậy, người Việt gọi tết Hàn thực bằng tên gọi khác là tết Bánh trôi - Bánh chay.

Tết Thanh minh

Thanh minh là dịp tiết trời mát mẻ, trong sáng. Nhân dịp tiết thanh minh, người ta tổ chức tết Thanh minh (khoảng ngày 5 ngày 6 tháng Ba âm lịch). Mọi người rủ nhau đi thăm viếng tất cả các mộ phần của ông bà tổ tiên, cỏ rậm thì phát quang, đất khuyết thì đắp bồi, thắp ba nén hương cắm trên mộ. Xong công việc, lại lũ lượt kéo nhau về, họ nào cũng làm lễ tế Tổ, mọi nhà làm lễ cúng gia tiên. Trong lễ này còn có hội Đạp thanh (dẫm lên bãi cỏ xanh). Vào lễ tiết này ngoài việc tảo mộ, dân gian còn có dịp đi chơi xuân.

Ở ta, phong tục cổ truyền đan xen với lễ thức Trung Hoa: có nơi tảo mộ tháng chạp; nhiều nơi tảo mộ tháng Giêng, một số nơi tảo mộ tháng Ba... không theo lịch thiên văn mà thường chọn ngày Rằm. Thời Lý, Trần, tết Thanh minh cũng chưa có qui định gì rõ rệt.

Vào dịp tiết Thanh minh, trước khi đi tảo mộ, người ta thường sắm một lễ mặn nhỏ gồm : hương, đèn (nến), trầu cau, tiền vàng, rượu, thịt (chân giò, gà luộc hoặc đơn giản là một khoanh giò nạc độ vài lạng) và hoa quả.

Khi đến nghĩa trang hay khu vực có để mộ phần của gia đình mình thì gia chủ đặt lễ vào chỗ thờ chung. Gia chủ thắp đèn, nhang, vái ba váy vị linh thần thổ địa rồi khấn.

Lời khấn :

Hôm nay ngày...

Tộc trưởng họ... tên là...

Đứng trước mộ của... Kính thưa rằng : Chi họ chúng tôi có vị tiên tổ : Họ... huý... Chúc tước lúc sinh thời... táng ở đây. Nay nhân tiết thuộc Thanh minh, lễ là tảo mộ. Xin bái tạ Long mạch cầu yên.

Cúi nghĩ : Tôn thần !

Núi cao tụ hội tú khí, đất lành hun đúc tinh anh.

Đất trời tạo dựng, sông núi hữu tình

Nhớ xưa, cụ tổ họ mình, hài cốt thơm, an táng đất lành

Trải qua bao nhiêu thế đại, mà mồ còn, bảo đảm an ninh.

Ý hẳn : Thân hội rộng, nuôi hưởng phần âm, bảo toàn khô cốt

ngày đó, nên phải đun nấu thức ăn từ trước.

Khi trở thành lễ tết, người Việt Nam không kiêng lửa vào ngày 3 tháng Ba, mọi việc nấu nướng vẫn được thực hiện, chỉ có điều người Việt tượng trưng cho tết Hàn thực bằng bánh trôi - bánh chay, với ý nghĩa tượng trưng đó là những thức ăn nguội - Hàn thực. Vì vậy, người Việt gọi tết Hàn thực bằng tên gọi khác là tết Bánh trôi - Bánh chay.

Tết Thanh minh

Thanh minh là dịp tiết trời mát mẻ, trong sáng. Nhân dịp tiết thanh minh, người ta tổ chức tết Thanh minh (khoảng ngày 5 ngày 6 tháng Ba âm lịch). Mọi người rủ nhau đi thăm viếng tất cả các mộ phần của ông bà tổ tiên, cỏ rậm thì phát quang, đất khuyết thì đắp bồi, thắp ba nén hương cắm trên mộ. Xong công việc, lại lũ lượt kéo nhau về, họ nào cũng làm lễ tế Tổ, mọi nhà làm lễ cúng gia tiên. Trong lễ này còn có hội Đạp thanh (dẫm lên bãi cỏ xanh). Vào lễ tiết này ngoài việc tảo mộ, dân gian còn có dịp đi chơi xuân.

Ở ta, phong tục cổ truyền đan xen với lễ thức Trung Hoa: có nơi tảo mộ tháng chạp; nhiều nơi tảo mộ tháng Giêng, một số nơi tảo mộ tháng Ba... không theo lịch thiên văn mà thường chọn ngày Rằm. Thời Lý, Trần, tết Thanh minh cũng chưa có qui định gì rõ rệt.

Vào dịp tiết Thanh minh, trước khi đi tảo mộ, người ta thường sắm một lễ mặn nhỏ gồm : hương, đèn (nến), trầu cau, tiền vàng, rượu, thịt (chân giò, gà luộc hoặc đơn giản là một khoanh giò nạc độ vài lạng) và hoa quả.

Khi đến nghĩa trang hay khu vực có để mộ phần của gia đình mình thì gia chủ đặt lễ vào chỗ thờ chung. Gia chủ thắp đèn, nhang, vái ba vái vị linh thần thổ địa rồi khấn.

Lời khấn :

Hôm nay ngày...

Tộc trưởng họ... tên là...

Đứng trước mộ của... Kính thưa rằng : Chi họ chúng tôi có vị tiên tổ : Họ... húy... Chúc tước lúc sinh thời... táng ở đây. Nay nhân tiết thuộc Thanh minh, lễ là tảo mộ. Xin bái tạ Long mạch cầu yên.

Cúi nghĩ : Tôn thần !

Núi cao tụ hội tú khí, đất lành hun đúc tinh anh.

Đất trời tạo dựng, sông núi hữu tình

Nhớ xưa, cụ tổ họ mình, hài cốt thơm, an táng đất lành

Trải qua bao nhiêu thế đại, mà mộ còn, bảo đảm an ninh.

Ý hẩn : Thần hội rộng, nuôi hưởng phần âm, bảo toàn khô cốt

*Trời thành đất, đãi người có phúc, bồi dưỡng
hậu sinh*

*Nay nhân lễ tảo mộ, con cháu kính cẩn
ngiên mình*

Mặc niệm tiên tổ, bái tạ thần minh

Cúi mong chứng giám. Được hưởng hoà bình

*Cầu tổ tiên phúc thể bình yên, mộ vững bền,
như núi non hùng vĩ*

*Nhờ long thân, hồng ân gìn để phúc di lưu,
cho con cháu khang ninh.*

Cẩn cáo

Nếu viết ra giấy thì đọc xong hoá (đốt) ngay cùng tiền vàng.

Trong khi đợi tuần nhang thổ địa thì mọi người trong gia đình đi viếng thăm các ngôi mộ của gia đình mình, thấp lên mộ mấy nén nhang. Đứng trước ngôi mộ mà khấn... và vái ba vái.

Sau khi tảo mộ xong thì quay về làm lễ gia thân và gia tiên ở nhà.

Tết mưa đông

Ở nước ta vào thời Lý, ngày lễ Phật đản (mùng 8 tháng Tư) được hết sức coi trọng - đó là lễ tắm tượng Phật. Theo sách "An Nam chí lược", người ta mài trầm hương, hoà hương với nước, đem tắm tượng Phật; dùng bánh tròn tinh khiết dâng cúng.

Lễ một dục (tắm tượng) không chỉ dành riêng cho tượng Phật, mà cho cả tượng, bài vị thánh thân. Tế lễ ăn uống xong, đem chậu nước trầm hương tắm Thân Phật lúc trước, theo thứ tự trên dưới, mỗi người nhúng tay vào chậu nước xoa lên mặt một chút, gọi là "quân chiêm thân huệ" đội ơn mưa móc. Còn cái khăn vải đỏ dùng để lau tắm tượng thì xé ra chia cho mỗi người một mảnh để lấy khước, cầu phúc.

Lễ một dục này, dù đã bị Phật giáo hoá hoặc Đạo giáo hoá, vẫn hé mở cho ta thấy cội nguồn xa xưa từ những lễ thức cầu mưa. Sử chép : nhiều lần vua Lý làm lễ cầu mưa ở đền Hai Bà hay rước tượng Phật từ chùa Dâu về chùa Diên Hựu để cầu mưa. Tiêu biểu nhất cho lễ thức cầu mưa là tục thờ thần Sấm, thần Mưa đông đầu mùa làm ruộng của nông dân Bắc bộ, từ miền xuôi tới miền ngược. Thực chất đây là Tết mưa đông. Sau Tết đó, mùa làm nương, làm ruộng bắt đầu.

Tết Đoan ngọ

Còn gọi là tết Đoan dương. Dân gian quen gọi là tết mừng năm hay tết "giết sâu bọ". Theo quan niệm xưa thì trong cơ thể con người, nhất là bộ phận tiêu hoá, thường có sâu bọ, nếu không trừ khử thì sẽ ngày càng sinh sôi nảy nở, gây nguy hại cho người. Nhưng giết chúng không phải dễ, và

trong chu kỳ một năm thì ngày mùng 5 tháng 5 chúng mới lộ diện nên mới có thể giết chết.

Giết sâu bọ bằng thức ăn, có hoa quả và rượu nếp, và sau khi ngủ dậy, súc miệng và giết chúng ngay, trước hết ăn rượu nếp vào cho chúng say, sau đó ăn trái cây vào làm cho chúng chết. Đối với con trẻ, có tục bôi vào hai bên thái dương và rốn bụng một ít nước Thần sa Chu sa, cũng có thể cho chúng uống một ít nước đó, để cho con trẻ được an toàn hơn. Ngoài ra, người ta cho trẻ đeo chỉ ngũ sắc và một cục hồng hoàng với những túi nhỏ tết hình quả đào, quả khế, quả ớt... bằng the lụa màu sắc sỡ. Trẻ nhỏ còn được nhuộm móng tay móng chân bằng lá móng, trừ ngón tay trở và ngón chân trở. Chất liệu để nhuộm là một loại lá, gọi là lá nhuộm móng tay, người ta đi hái hay ra chợ mua từ hôm trước, và tối hôm đó giã nhỏ nắm lá đem đắp lên móng tay (trừ móng tay trở) và móng chân, buộc lại bằng lá vông, cho đến sáng hôm sau bỏ ra. Móng tay, móng chân có màu đỏ tươi như son trông đẹp mắt.

Những túi nhỏ mà trẻ con đeo gọi là bùa tua bùa túi. Mỗi một túi bùa gồm: - Một cục hồng hoàng, kỵ rắn rết; - Một túi hạt mùi, kỵ gió; - Một quả ớt màu vàng, đỏ, xanh; - Một quả khế, mỗi múi một màu; - Một quả na; - Một quả hồng. Bùa đeo ở cổ hay chéo lên người trong suốt ngày tết.

Theo quan niệm truyền thống, người ta cho rằng những cây thuốc tìm hái được đúng vào 12 giờ trưa (giờ Ngọ) tết Đoan Ngọ đều là những vị thuốc tốt, có thể chữa được bách bệnh. Những lá thuốc, cây thuốc hái được vào trưa mùng Năm này được phơi khô, rồi đem sao sắc uống để chữa bệnh. Những cây được ưa chuộng nhất là lá ngải cứu, lá đơn, lá ích mẫu, lá côi xay, lá vôi. .. đem về phơi khô, để nấu nước uống cho lành. Lá đơn mùng Năm chữa bệnh đơn rất hay, lá ngải cứu mùng Năm trị bệnh đau bụng rất kiến hiệu.

Trong lễ này, nhiều làng có tục ăn trứng luộc, ăn kê (kê ăn lẫn với đường cát và bánh đa). Người lớn, cả đàn bà uống tí chút rượu hòa tam thân đơn hay hồng hoàng, cũng để giết sâu bọ.

Nhà nào nhà nấy làm cỗ cúng gia tiên. Vì đương mùa dưa hấu, nhiều nơi cúng bắt buộc phải có dưa hấu với đường cát. Nhiều nơi con cháu lo biếu tết ông bà cha mẹ, con rể sêu tết cha mẹ, học trò biếu tết thầy dạy. Quà biếu tết mùng 5 thường là ngỗng với đậu xanh hay dưa hấu với đường...

Ngoài ra, trong tết Đoan dương, nhiều địa phương còn có tục khảo cây lấy quả. Tục khảo cây làm đúng vào giờ Ngọ cùng ngày mùng 5 tháng Năm. Một người trèo lên cây đại diện cho cây, một người đứng dưới gốc làm việc tra khảo. Người ta khảo hỏi tại sao cây không có quả, và nếu cố tình

như vậy sẽ bị chặt hạ. Người trên cây van lạy xin đừng chặt, hứa mùa tới sẽ ra quả. Sau đó người ở dưới hỏi số lượng quả mà cây sinh nở; tùy theo tính chất của cây và ước vọng của người trồng mà người thay cây trả lời nhiều hay ít.

Tết Trung nguyên

Tết Trung nguyên là tết tổ chức vào ngày Rằm tháng Bảy, dân gian còn gọi là ngày "Xá tội vong nhân". Tết Trung nguyên có nguồn gốc từ lễ Vũ Lan Bồn- theo truyền thuyết Phật giáo: tôn giả Mục Kiền Liên báo hiếu với mẹ.

Theo tín ngưỡng truyền thống thì ngày Rằm tháng Bảy các tội nhân ở cõi âm được tha tội một ngày; bởi vậy các gia đình ở dương gian làm cỗ bàn cúng gia tiên, đốt vàng mã và cầu cúng tụng kinh độ trì cho họ. Nhiều người bày lễ cúng chúng sinh ngoài sân, trước thềm nhà, rìa đường phố, cúng cô hồn, ma đói, dùng lễ vật sơ sài như bánh đa, bánh bồng, ngô bắp, khoai lang, trứng luộc... hậu hĩ thì có xôi chè, và thế nào cũng có một nồi cháo hoa; vàng mã cúng chúng sinh thường là những xấp giấy tiền, những xấp giấy cắt hình cái áo, cái quần.

Ngoài các cỗ cúng lễ cúng ở các gia tự, người ta còn bày cỗ cúng cho các cô hồn tại cầu, quán, đình, chùa và gọi là *cúng cháo*. Lễ vật để cúng cháo có cháo hoa nấu bằng gạo, cơm nắm vắt

thành nắm nhỏ, hoa quả, bánh, bỏng, trầu cau, xôi chè... và đồ vàng mã. Lễ vật bày lên mẹt hay nong. Riêng cháo thì múc đổ vào lá mít, lá đa cuộn thành hình bồ đài. Khi cúng xong các cô hồn, những người nghèo, trẻ em giành và chia nhau các thứ đồ vàng mã cũng được hoá.

Những nhà có người mới chết trong vòng một hai năm thường đốt mã, làm chay ngày Trung nguyên.

Văn khấn gia thân, gia tiên vào tiết Trung nguyên có thể sử dụng mẫu văn khấn chung ngày lễ tiết.

Nếu viết văn khấn ra giấy để đọc thì ngay sau khi đọc xong liền hoá (đốt) văn khấn.

Cuối tuần hương, thắp thêm mấy nén nữa rồi đốt các đồ vàng mã dâng cúng.

Các đồ vàng mã này cần được chia ra làm nhiều lễ cho mỗi vong linh của gia đình, hoặc nếu để chung thì phải ghi rõ họ tên của mỗi vong linh vào đồ lễ. Khi hoá, phải hoá riêng các lễ và khấn mỗi lần hoá lễ.

Văn khấn chúng sinh :

"Nam mô a di đà Phật

Xin lay đức Phật di đà, xin lay đức Phật thỉnh ca giáng trần. Xin lay bồ tát Quan âm, xin lay Táo phủ thần quân chính thần.

Tiết trời tháng Bảy thu phân
Ngày rằm xá tội vong nhân hải hà
Âm cung mở cửa ngục ra
Vong nhân không cửa không nhà bơ vơ
Đại thánh khảo giáo A nan đà tôn giả.
Tiếp chúng sinh không mã, không mố.
Gốc cây, xó chợ đầu đường
Không nơi nương tựa đêm ngày lang thang
Quanh năm đói rét cơ hàn
Không manh áo mỏng che làn heo may
Cô hồn Nam, Bắc, Đông, Tây
Trẻ già, trai gái về đây hợp đoàn
Dù rằng chết uống chết oan
Chết vì nghiện hút, chết ham làm giàu
Chết đâm, chết chém, chết đánh nhau vì tình
Chết bom đạn, chết đao binh
Chết vì chó dại, chết vì sản sinh giống nòi
Chết vì sét đánh giữa trời
Nay nghe tín chủ thỉnh mời
Về đây nhận hưởng mọi lời trước sau.
Cơm, canh, cháo, nẻ, trầu cau
Tiền vàng, quần áo đủ màu đỏ, xanh

*Gạo, muối, quả, thực, hoa, dâng
Mang theo một chút để giành ngày mai
Phù hộ tín chủ lộc tài
An khang, thịnh vượng hoà hài ca trung
Nhớ ngày xá tội vong nhân
Lại về tín chủ thành tâm thỉnh mời
Bây giờ nhận hưởng xong rồi
Dắt nhau già trẻ về nơi âm phần
Tín chủ tiêu hoá kim ngân
Cùng với áo quần đã được phân chia
Kính cáo tôn thần
Chứng minh công đức
Cho tín chủ tôi tên là... cùng tôn gia
Ngụ tại thôn... xã... huyện... tỉnh... (hoặc số
nhà... phường... quận... thành phố...) nước...
Nam mô a di đà Phật !*

(Khi đốt tiền vàng, quần áo... thì đồng thời rắc
vung gạo, muối rải ra khắp hướng)

Tết Trung thu

Tết Trung thu là vào đêm Rằm tháng Tám, cũng gọi là tết trông trăng hay tết trẻ con vì sắm đồ chơi cho con trẻ ngắm trăng. Trăng đêm rằm

tháng Tám là to nhất và trong sáng nhất so với trăng rằm các tháng khác. Theo tục truyền, thì vua Đường Minh Hoàng, vào một đêm rằm tháng Tám nằm mơ thấy đạo sĩ đưa lên chơi cung Quảng Hàn tận trên mặt trăng. Nhà vua đắm mình trong cảnh đẹp lộng lẫy với những nàng tiên trong vũ điệu Nghê thường. Tan giấc mơ, vua nuôi tiếc cảnh ở cung trăng, bèn đặt ra tết Trung thu để ngắm trăng và soạn ra vũ khúc Nghê thường.

Lễ vật cho tết Trung thu tuy từng gia đình. Ngoài những thứ truyền thống để cúng gia tiên, là cỗ Trung thu, chủ yếu là hoa quả - có na bưởi, hồng... và bánh nướng, bánh dẻo... để trẻ em phá cỗ Trung thu khi trăng lên sáng tỏ.

Ngày xưa ở thành thị, người ta thường tổ chức rước rồng, múa sư tử, Sư tử hí cầu, Long tranh châu kết hợp với những điệu múa nhạc trống vui vẻ, huyền ảo. Nhiều nhà còn đốt pháo mừng và thưởng tiền (thường treo trên cây cao) khi đám rước đi qua. Tuy Trung thu là tết trẻ con, nhưng nhiều người có lẽ cũng nhân dịp này gửi biểu cha mẹ, người thân bánh Trung thu, cốm vòng, chuối, hồng để biểu hiện lòng hiếu thảo và tình thân.

Ngày nay, vào tết này, trẻ em có rất nhiều đồ chơi hiện đại, nhưng bên cạnh đó vẫn không thiếu những đồ chơi truyền thống như đèn xếp,

đèn sao, đèn đẩu, đèn kéo quân và những hộ rước đèn đón trăng.

Tết Trùng cửu

Cũng gọi là tết Trùng dương, làm vào ngày mùng 9 tháng Chín. Theo "Kinh dịch" thì quẻ Dương gọi là Cửu (Dương Cửu) và quẻ Âm gọi là Lục. Ngày mùng 9 tháng Chín trùng Cửu nên trùng Dương.

Tục truyền, về thời Hán, có một người tên là Hoàn Cảnh theo Phi Tràn Phòng học phép tiên. Một hôm Phòng bảo Cảnh rằng: "Mùng 9 tháng Chín nhà anh có nạn to, bảo người nhà mang túi lụa đựng thuốc thù du, đeo ở cánh tay, rồi lên núi uống rượu thì qua khỏi nạn". Cảnh nghe lời, đem hết người nhà lên núi. Tối về nhà, thấy các con vật nuôi chết hết. Phòng nói với Cảnh rằng, những con vật ấy chết thay người.

Theo tích này, hàng năm đến ngày mùng 9 tháng Chín, người ta làm lễ rồi cùng lên núi bẻ cành thù du, uống rượu cúc. Từ Trung Quốc, lễ tết Trùng cửu du nhập vào Việt Nam, các văn nhân nước ta cũng vào dịp này đi chơi núi, uống rượu, hái hoa và ngâm vịnh thơ phú.

Tết Cơm mới

Theo tục cổ còn gọi là tết Hạ nguyên, tết Thượng tân.

Ở Việt Nam thời Lý-Trần, sau vụ mùa (tháng Mười), các quan liêu đi thăm ruộng, thu lúa thuế. Và sau đó là mùa săn bắn làm vui. Tết Cơm mới, tiến hành vào mồng một, mồng mười hay rằm tháng Mười là Hạ nguyên. Đạo và Phật quan niệm rằng, ngày đó thiên đình cử ông thần Tam Thanh xuống trần gian xem xét tốt xấu về tâu lại Ngọc Hoàng. Nên tiến hành làm lễ vị thần đó là để cầu phúc, tránh họa, cũng là dịp "tiến tâu" cơm gạo mới cúng tổ tiên. Các dân tộc Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên đều có loại Tết Cơm mới này, tổ chức vào những ngày khác nhau sau vụ gặt.

Tết Cơm mới do từng gia đình làm, lấy lúa mới gặt về, phơi xong, xay giã làm cơm thổi xôi cúng gia tiên; sau lễ Cơm mới này, người ta mới bắt đầu ăn cơm gạo mới. Cũng nhân tết này, con cháu mua quà và gạo nếp mới cúng những đặc sản thu đông như chim cu ngói... biếu lễ ông bà, cha mẹ và những bậc được tôn kính.

Lời khấn :

Trộm nghĩ rằng :

Cây cao bóng mát

Quả tốt hương bay.

Công tài bồi xưa những ai gây ;

Của quý hoá nay con cháu hưởng

*Nhờ trước tổ tiên gây dựng, kể công tâm khổ
biết là bao ?*

*Đến nay con cháu dồi dào, hưởng miếng trầu
cam còn nhớ mãi.*

*Nay nhân mùa gặt hái ;
Gánh nếp tẻ đầu mùa
Nghĩ đến ơn xưa
Cày bừa vun xới
Sửa nồi cơm mới
Khấn vái gia tiên
Kính cẩn dâng lên
"Thượng tiên" : Ném trước
Mong nhờ Tổ phước
Hoà cốc phong đăng
Thóc lúa thêm tăng
Hoa màu tươi mới
Làm ăn tiến tới
Con cháu được nhờ
Lễ tuy đơn sơ
Tỏ lòng thành kính*

Kính thỉnh - Thượng hưởng

Tết trùng thập

Tết này nhằm vào ngày mùng 10 tháng Mười, gọi là Tết Trùng thập. Thường được tổ chức để tết các thầy lang, các ông đồng bà cốt và những người làm nghề bói toán. Dân chúng không quan tâm

mấy đến tết này, nhiều vùng người ta gộp một số tết, như tết Thường tân, lễ Hạ nguyên (Rằm tháng Mười) và tết Trùng thập vào làm một, vì tất cả các lễ tết này đều được tiến hành trong tháng Mười.

Dân gian thường sửa lễ cúng gia tiên; trong khi đó, những người được chữa lành bệnh và những người tin vào đồng bóng, bói toán thường có lễ tết rất to và các gia chủ được tết cũng bày lễ thịnh soạn để tạ ơn thần thánh và khoản đãi các đệ tử và bạn hàng.

Lạp tiết

Tết mùng 2 tháng Chạp (tức tháng 12 âm lịch) còn gọi là *Lạp tiết*. Lạp nghĩa là săn bắn. Theo sách *Phong tục thông*, đến tết ấy thì đi săn, trước là luyện tập võ nghệ, sau là săn bắt cầm thú làm lễ cúng tổ tiên. Trong mùa săn này, người ta tha con cái, con con, chỉ bắt con đực, con già đem về làm cỗ, quốc gia cúng xã tắc, bách thần; dân xã cúng thành hoàng; các nhà cúng ông vải. Theo *An nam chí lược* của Lê Trắc, đời Trần, mục *Phong tục* viết: "Tháng Chạp có lễ tế tổ tiên, như lễ tế ở mộ".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản khai thân tích các làng trong cả nước. 1936-38.
2. Báo Văn hoá nghệ thuật (các số liên quan).
3. Bùi Huy Đáp. Văn minh lúa nước và nghề trồng lúa Việt Nam. H, 1985.
4. Bùi Tấn Niên. Gia lễ. TP Hồ Chí Minh, 1997.
5. Bùi Thiết. Từ điển Hội lễ Việt Nam. H, 1993.
6. Bùi Xuân Mỹ, ... Tục cưới hỏi, H, 1994.
7. Bùi Xuân Mỹ. Lễ tục trong gia đình người Việt. H.2001.
8. Bùi Xuân Mỹ.. Từ điển Lễ tục Việt Nam. H, 1995.
9. Cao Hùng Trưng. An nam chí nguyên. H, 1932.
10. Ch. Rollin. Đời sống phụng vụ và bí tích.
11. Chu Ngọc Chi. Thọ mai gia lễ.
12. Đại Việt sử lược. H, 1962.

13. Đào Duy Anh. Đất nước Việt Nam qua các đời. H, 1964.
14. Đặng Văn Lung, Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam. H, 1997.
15. Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long - Đông Đô Hà Nội, H, 1991.
16. Địa chỉ văn hoá thành phố Hồ Chí Minh. TP Hồ Chí Minh, 1986.
17. Đoàn Ngọc Minh,... Hỏi và đáp - Nghi lễ phong tục dân gian, H, 1995.
18. Đỗ Bằng Đoàn. Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam. Sài Gòn, 1968.
19. Hà Tấn Phát. Văn Công, Thọ mai gia lễ.
20. Hoàng Đạo Thuý. Đi thăm đất nước. H, 1987.
21. Hoàng Việt Lệ điển (bản chữ Hán, chép tay).
22. Huỳnh Ngọc Trảng. Đình Nam Bộ - tín ngưỡng và lễ hội. TP Hồ Chí Minh, 1993.
23. Lê Quý Đôn. Kiến văn tiểu lục. H, 1962.
24. Lê Quý Đôn. Phủ biên tạp lục. H, 1964.
25. Lê Quý Đôn. Vân đài loại ngữ, H, 1962.
26. Lê Tắc. An Nam chí lược. Huế, 1985.
27. Lê Trung Vũ... Tết cổ truyền người Việt, H, 1996.
28. Lê Văn Hảo. Huế giữa chúng ta. Huế, 1984.
29. Lê Văn Siêu. Văn minh Việt Nam. Nam chi Tùng thư, Sài Gòn.
30. Lễ hội cổ truyền. Viện văn hoá dân gian. H, 1992.
31. Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Nguyễn Tài Thu chủ biên), H, 1981.

32. Lĩnh nam chích quái, H, 1960.
33. Lý Tế Xuyên. Việt điện u linh, H, 1960.
34. Mùa xuân - phong tục - nghệ thuật - võ thuật. Phụ san Tạp chí Nghiên cứu nghệ thuật, H, 1987.
35. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê. Đại việt sử ký toàn thư (4 T). H, 1967-68.
36. Ngô Thì Sĩ. Việt sử tiên án. Sài Gòn, 1960.
37. Nguyễn Hồng. Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam. Sài Gòn, 1959.
38. Nguyễn Bá Trạc. Gia lễ giản yếu.
39. Nguyễn Minh San. Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam. H, 1994.
40. Nguyễn Nghiễm. Việt sử bị lãm (bản chữ Hán, chép tay).
41. Nguyễn Phương Thảo. Huyền thoại miệt vườn. H, 1992.
42. Nguyễn Thế Giang. Hoa Lư, H, 1982.
43. Nguyễn Trãi - Toàn tập, H, 1976.
44. Nguyễn Tuân. Cảnh sắc và hương vị đất nước. H, 1988.
45. Nguyễn Văn Bằng. Địa chí Hải Phòng, H, 1990.
46. Nguyễn Văn Tân. Từ điển Địa danh lịch sử - văn hoá Việt Nam, H, 1998.
47. Nhất Thanh. Đất lễ quê thói. TP Hồ Chí Minh, 1992.
48. Nông thôn Việt Nam trong lịch sử. H, 1997
49. Phạm Côn Sơn. Gia lễ xưa và nay. H, 1999.
50. Phạm Côn Sơn. Tộc phả tân biên, H, 1998
51. Phạm Đình Hổ. Vũ trang tùy bút.
52. Phạm Minh Đức. Lễ hội dân gian Thái Bình, 1991.

53. Phạm Minh Thảo. Lễ tục vòng đời. H, 2000.
54. Phạm Văn Sơn. Việt sử toàn thư. Sài Gòn, 1960.
55. Phan Huy Chú. Lịch triều hiến chương loại chí (4T). H, 1960-61.
56. Phan Huy Lê... Lịch sử Việt Nam T 1-2. H, 1990.
57. Phan Kế Bính. Việt Nam phong tục. TP Hồ Chí Minh, 1990.
58. Quang Đạm. Nho giáo xưa và nay. H, 1994.
59. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam nhất thống chí. H, 1969-70.
60. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục tiền biên. H, 1962.
61. Quốc sử quán triều Nguyễn. Khâm Định Việt sử thông giám cương mục. H, 1957-60.
62. Sơn Nam. Đình Miếu và lễ hội dân gian. TP Hồ Chí Minh, 1992.
63. Tạ Chí Đại Trường. Thần, người và đất Việt. Văn nghệ California USA, 1990.
64. Tác giả họ Ngô. Hoàng Lê nhất thống chí. H, 1964.
65. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử (các số liên quan).
66. Tạp chí Nghiên cứu văn hoá nghệ thuật (các số liên quan).
67. Tạp chí Văn hoá dân gian (các số liên quan).
68. Thạch Phương (chủ biên). Địa chí Long An. 1989.
69. Thạch Phương... Địa chí tỉnh Bến Tre, H, 1991.
70. Thạch Phương... Văn hoá dân gian người Việt ở Nam Bộ. H, 1992.

71. Thân Trọng Huề. Học luật lệ An nam.
72. Thích Thanh Duệ. Dâng hương - tập tục và lễ nghi. H, 1995.
73. Thu Linh... Lễ hội truyền thống và hiện đại 1984.
74. Toan Ánh. Nếp cũ con người Việt Nam. H, 1992.
75. Toan Ánh. Nếp cũ hội hè đình đám. TP Hồ Chí Minh, 1992.
76. Toan Ánh. Nếp cũ làng xóm Việt Nam TP Hồ Chí Minh, 1992.
77. Toan Ánh. Phong tục Việt Nam (thờ cúng tổ tiên). H, 1991.
78. Toan Ánh. Tín ngưỡng Việt Nam (2 quyển). Sài Gòn, 1967-68.
79. Tô Nguyễn... Kinh Bắc- Hà Bắc 1981.
80. Tôn Thất Bình. Lễ hội dân gian. Huế, 1988.
81. Trần Bạch Đằng (chủ biên). Địa chí tỉnh Sông Bé. 1991.
82. Trần Quốc Vượng... Hà Nội nghìn xưa. 1975.
83. Trần Quốc Vượng... Mùa xuân và phong tục Việt Nam. H, 1976.
84. Trần Thanh Phương. Cửu Long địa chí. 1989.
85. Trần Trọng Kim. Việt Nam sử lược.
86. Trần Văn Giàu. Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, H. 1980.
87. Trịnh Hoài Đức. Gia Định thành thông chí. Sài Gòn, 1972.
88. Trò chơi dân gian Việt Nam. TP Hồ Chí Minh, 1990.
89. Trò chơi xưa và nay. 1989.

90. Trương Thìn (chủ biên). Hội hè Việt Nam. H, 1990.
91. Trò chơi Xuân Thanh Hoá, 1974.
92. Viện văn hoá dân gian. Lễ hội cổ truyền. H, 1992.
93. Vũ Bằng. Thương nhớ mười hai. H, 1989.
94. Vũ Ngọc Khánh. Tứ bất tử. H, 1990.
95. Vũ Ngọc Khánh. Văn hoá gia đình Việt Nam. H, 1998.
96. Vũ Phương Đệ. Công dư tiếp ký (bản chữ Hán, chép tay).
97. Vũ Văn Mẫu. Dân luật giản yếu.
98. Vũ Văn Mẫu. Khái niệm về dân luật.

MỤC LỤC

Lời đầu sách 5

Phần một

CÁC NGHI LỄ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỜI NGƯỜI

4595	Lúc sinh thời	
Hôn nhân		9
. Chạm ngõ		10
. Ăn hỏi		11
. Lễ xin dâu		15
. Rước dâu		17
. Đưa dâu		19
. Lễ tế tơ hồng		20
. Lễ lại mặt		23
. Cưới chạy tang		24
Các nghi lễ khác		25
4596.	Cúng giải tà ma	25
17.	Siêu thăng	25
18.	Bắc cầu giải oan	26

4519.	Gọi hồn	30
4520	Thờ cúng thần sao	31
21.	Dâng sao giải hạn	32
22.	Cúng giải trừ ếm	41
23.	Bắt tà	41
24.	Cúng ngày Sóc, ngày Vọng	42
25.	Cúng bánh trôi	43
26.	Cúng dây thăng	44
27.	Cúng dây nậm	45
28.	Lễ động thổ	46
29.	Ăn mừng nhà mới	48
30.	Thượng thọ	51
31.	Dâng hương tại gia	53

4532

Lúc qua đời

Tang lễ

Lâm chung

55

- . Tự sửa soạn ngày chết 55
- . Giờ hấp hối 56

Công việc sơ khởi

59

- . Thuy hiệu 59
- . Chúc khoáng 59
- . Khiết xỉ 59
- . Hạ tịch 60
- . Phục hồn 60
- . Thiết hồn 60
- . Mộc dục 60

. Thay quần áo	61
. Phạm hàm	62
Chuẩn bị tang lễ	63
. Chủ tang, chủ phụ	63
. Tướng lễ, hộ tang, tư thư, tư hoá	63
. Cáo phó	64
. Trị quan	64
. Đồ bỏ khuyết	65
Tiến hành lễ tang	
Tang lễ tại nhà	67
. Lễ phật mộc	67
. Đại liệm, tiểu liệm	68
. Khâm	68
. Tạ quan.	69
. Liệm xác	69
. Lễ nhập quan	70
. Thiết linh sàng, linh toạ	71
. Thiết minh tinh	72
. Lễ chúc thực	73
. Lễ Triều tổ	75
. Triều tịch diện	75
. Kèn giải	76
. Lễ Thành phục	78
. Nằm đất	78
. Phúng điếu	79

. Chọn đất làm huyệt mộ	81
Lễ an táng	83
. Chuyển cữu và lễ yết tổ	83
. Cáo thân đại lộ	84
. Phát dẫn	84
. Nghi trượng đám tang	84
. Thành phần dự đám tang	87
. Phường tuồng dẫn đường trị huyệt	89
. Nhà trạm và lễ đề chủ	90
. Lễ hạ huyệt	91
Các nghi thức sau lễ an táng	94
. Tế thành phần	94
. Rước về	96
. Lễ phản khóc	97
. Tế Ngũ	97
. Ấp mộ và viếng mộ	100
Các lễ trong thời kỳ tang chế	101
. Bàn thờ người mới chết	101
. Cúng bảy ngày	101
. Làm chay chung thất	102
. Lễ mát nhà và việc cúng cơm	104
. Tuần Tốt khóc	105
Lễ giỗ trong tang chế	106
. Tiểu tường	106
. Đại tường	107

. Lễ Trừ phục	109
. Tế đàn	110
. Lễ rước linh vị vào chính điện	111
. Lũ Vu lan bồn	113
. Đốt mã	113
. Cải táng	115

Phần hai

**CÁC NGHI LỄ TRONG THỜ CÚNG TỔ TIÊN
VÀ CÁC VỊ THẦN TẠI GIA**

Thờ cúng tổ tiên

45 33.	Tục đốt hương	122
34.	Cầu cúng lễ bái	122
35.	Nghi thức cáo gia tiên	123
36.	Lễ tạ	124
32.	Văn khấn gia tiên	125
38.	Chăm sóc phần mộ tổ tiên	127
39.	Đồ lễ cúng	129
40.	Dâu rẻ lễ gia tiên	129
41.	Bàn thờ họ	130
42.	Bản chi từ đường	131
43.	Gia từ	133
44.	Trang trí bàn thờ tổ tiên	133
45 45.	Thần chủ	136

4546	Gia phả	137
4547	Hoành phi	138
48.	Câu đối	138
49.	Bà Cô ông Mãnh	139

Ngày giỗ

4550	Cát kị	140
51.	Ngày tiên thường	140
52.	Gửi giỗ	142
53.	Ngày giỗ chính	143
54.	Hoá vàng	146
55.	Văn khấn giỗ	146
56.	Người Thiên chúa giáo làm giỗ	152
57.	Giỗ họ	152
58.	Giỗ hậu	153
59.	Lập tự	154
60.	Của hương hoả	156
61.	Giỗ những người mất tích	156
4562.	Hài nhi yếu vong với ngày giỗ	157

Các vị thần tại gia

<i>Thổ công</i>		159
4563.	Định phúc Táo quân	160
64.	Bàn thờ Thổ quân	161
65.	Bài vị Thổ công	162
66.	Mũ Thổ công	162
4567.	Cúng Thổ công	163

4568.	Tết ông Công	164
	<i>Thần tài</i>	165
4569.	Bàn thờ thần Tài	165
4570.	Cúng thần tài	166
	<i>Thánh sư</i>	168
4571.	Bàn thờ thánh sư	168
4572.	Cúng thánh sư	169
	<i>Đại vương hành khiển</i>	170
	<i>Tiền chủ</i>	172
73.	Bàn thờ tiền chủ	172
	<i>Các vị thần khác</i>	174
74.	Đức thánh Quan	174
75.	Thần Hồ	174
76.	Sơn thần	175
72.	Mộc tinh	175
	<i>Tín ngưỡng tại các đền phủ</i>	176
78.	Thờ đức thánh Trần	177
79.	Tín ngưỡng thờ Mẫu	179

Phần ba

CÁC NGHI LỄ THEO LỄ TIẾT TRONG NĂM

	Tết Nguyên đán	187
4580	Tết ông Táo	190
81.	Lễ tiễn ông Vải	192
4582	Lễ tất niên	192

4583.	Cúng cam	195
84.	Đón giao thừa	196
85.	Lễ Trừ tịch	197
86.	Xuất hành	201
87.	Lễ chính đán	202
88.	Tục xông đất	205
89.	Lễ cúng đưa	205
4590.	Lễ khai hạ	207
4591.	Tục ăn tết lại	208
Các lễ tiết khác		210
92.	Tết Nguyên tiêu	210
93.	Lễ Nghênh xuân	213
94.	Tết Hàn thực	214
95.	Tết Thanh minh	215
96.	Tết mưa đông	217
97.	Tết Đoan ngọ	218
98.	Tết Trung Nguyên	221
99.	Tết Trung thu	224
4600.	Tết Trùng cửu	226
01.	Tết cơm mới	226
02.	Tết Trùng thập	228
4603.	Lạp tiết	229
 <i>Tài liệu tham khảo</i>		230
<i>Mục lục</i>		236

TỤC THỜ CÚNG CỦA NGƯỜI VIỆT

BÙI XUÂN MỸ

Chịu trách nhiệm xuất bản :

VŨ AN CHƯƠNG

Chịu trách nhiệm bản thảo :

PHẠM NGỌC LUẬT

- | | |
|-----------------------------|----------------|
| - <i>Biên tập :</i> | BÍCH HẰNG |
| - <i>Kỹ thuật vi tính :</i> | NGỌC BÁCH |
| - <i>Sửa bản in :</i> | TRƯỜNG TÂN |
| - <i>Vẽ bìa :</i> | TRẦN ĐẠI THẮNG |

In: 1000 cuốn, khổ: 13 x 19cm, tại Công ty in Lao động - Xã hội

Giấy phép xuất bản số : 889/CXB

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2002